Tác Giả và Tác Phẩm

Phạm Thanh Khương

Tiểu sử
Sinh ngày 15.4.1959 tại Thái Bình. Hiện đang sinh sống ở Hà Nội.

Tác phẩm
Tập truyện: Nước mắt thời con gái, Tiếng gọi đời sau.

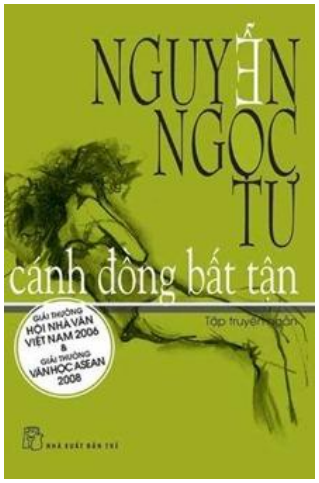

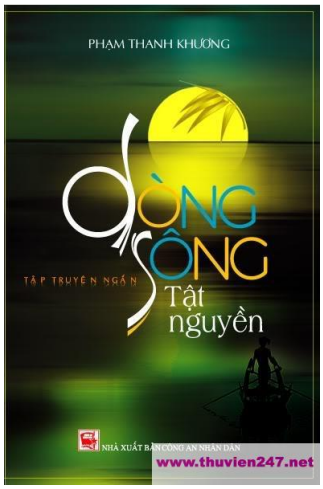

Mục Lục

Cánh đồng bất tận – Nguyễn Ngọc Tư – 2
Dòng sông tật nguyền – 20

Phụ đính I :

Điểm sách: Dòng sông tật nguyền - 32
Phạm Thanh Khương sẵn sàng đối thoại với Ngọc Tư - 34
Nguyễn Ngọc Tư : "Tôi luôn tin tưởng vào bản thân mình" - 36
Phạm Thanh Khương: Tôi hiểu sự nghiệt ngã của văn chương - 37

Phụ đính II :

Người đàn bà tôi yêu - Sóng vẫn vẫn vơ trôi - Bốn chiều gió cả

(Tim bài đọc: ở "Keyboard", nhấn nút "F5", đánh số trang, rồi "Enter")

Cánh đồng bất tận

1.
Con kinh nhỏ nằm vắt qua một cánh đồng rộng. Và khi chúng tôi quyết định dừng lại, mùa hạn hung hãn dường như cũng gom hết nắng đổ xuống nơi này. Những cây lúa chết non trên đồng, thân đã khô cong như tàn nhang chưa rụng, nắm vào bàn tay là nát vụn. Cha tôi tháo cái khung tre chắn dưới sàn ghe, bầy vịt lúc nhúc chen ra, cuống quýt, nháo nhào quẫy ngụp xuống mặt nước váng phèn. Một lớp phèn mới, vàng sẫm quánh lại trên bộ lông của những con vịt đói, nhớp nháp bám trên vai Điền khi nó trầm mình bơi đi cặm cọc, giăng lưới rào bầy vịt lại. Tôi bưng cái cà ràng lên bờ, nhóm củi.
Rồi ngọn lửa hoi hót thở dưới nồi cơm đã lên tim, người đàn bà vẫn còn nằm trên ghe. Ngay cả ý định ngồi dậy cũng xao xác tan mau dưới những tiếng rên dài. Môi chị sưng vều ra, xanh dờn. Và tay, và chân, và dưới cái áo mà tôi đã đắp cho là một cái áo khác đã bị xé tả tơi phơi những mảng thịt người ta cấu nhéo tím ngắt.
Và những chân tóc trên đầu chị cũng đang tụ máu. Người ta đã lòn tay, ngoay chúng để kéo chị lê lết hết một quãng đường xóm, trước khi dừng chân một chút ở nhà máy chà gạo. Họ giằng ném, họ quăng quật chị trên cái nền vương vãi trấu. Vai nữ chính, một người đàn bà xốc xếch đã lạc giọng, đôi lúc lả đi vì ghen tuông và kiệt sức. Nhưng đám đông rạo rực chung quanh đã vực tinh thần chị ta dậy, họ dùng chân đá vói vào cái thân xác tả tơi kia bằng vẻ hằn học, hả hê, quên phứt vụ lúa thất bát cháy khô trên đồng, quên nỗi lo đói no giữa mùa giáp hạt. Cuộc vui hẳn sẽ dài, nếu như không có một ý tưởng mới nảy ra trong cơn phấn khích. Họ dùng dao phay chạt mái tóc dày kia, dục dặc, hì hục như phạt một nắm cỏ cứng và khô. Khi đuôi tóc dứt lìa, được tự do, chị vùng dậy, lao nhanh xuống ghe chúng tôi như một tiếng thét, lăn qua chân tôi, đến chỗ cha, làm đổ những bao trấu cha vừa mới xếp.
Đám người ngơ ngác mấy giây để chấp nhận việc con mồi bỏ chạy. Tôi mất mấy giây để háo hức thấy mình nghĩa hiệp như Lục Vân Tiên, tôi lồm cồm xô ghe dạt khỏi bờ, sợ hãi và sung sướng, tôi cầm sào chống thục mạng ra giữa sông, mắt không rời đám người đang tràn ra mé bờ chực lao xuống, nhảy nhót điên cuồng. Rồi tiếng chửi rủa chói lói chìm đi, tiếng bầy vịt tao tác kêu dưới sạp chìm đi, trong tôi chỉ có âm thanh của chiếc máy Koler4 nổ khan, rung bần bật dưới tay Điền, khạc ra những đám khói khét lẹt, đen ngòm. Khói trôi về phía sau chúng tôi, mờ nhoè những bóng người đang tuyệt vọng ngó theo, bàn tay nào đó cầm nắm tóc của chị vẫy lên phơ phất phơ phất …
Cha tôi không đóng vai trò gì trong cuộc tháo chạy ấy, ông im lặng, khi đã đi khá xa, cha ra đằng mũi cầm sào. Tôi bò vào trong ghe, lấy áo đắp lên người chị, sao cho che được đôi vú rách bươm và khoảng đùi rướm máu. Chị cười mếu máo, nói cảm ơn bằng mắt và thiếp đi.
Suốt một quãng đường, chị không hề thay đổi thế nằm, im lìm, lạnh ngắt như người chết. Trong ghe chỉ trôi mênh mang những tiếng rên khi dài, khi ngắn, khi thiu thỉu buồn xo, lúc nghe như tiếng nấc nghẹn ngào…
Nhờ vậy mà chúng tôi biết chị còn sống, để đi với chúng tôi gần hết con sông Bìm Bịp, đến cánh đồng hoang vắng này. Điền hơi lo lắng khi nghe chị vẫn còn rên rỉ, nghĩ là chị đã đói, nó hối tôi nấu cơm mau. Nó thấy tiếc vì trên ghe chỉ còn mấy con khô sặt mặn chát, “tui nuốt còn không vô, nói chi…”
Nhưng chiều hôm đó và cả ngày sau, chị không ăn. Chị từ chối cả uống nước, đợi đôi môi khô đã bắt đầu nứt ra, chị mới chịu hớp một vài ngụm ít ỏi, dường như chỉ đủ ướt môi. Đói và khát, nhưng chị còn sợ đau hơn. Người ta đã đổ keo dán sắt vào cửa mình của chị…
Tôi nói lại với cha và Điền trong bữa cơm. Tôi nghe hai người lặng đi, tiếng đũa tre khua vào miệng chén ngưng bặt. Điền ngó tôi và tôi thì đọc được sự ghê sợ, kinh tởm cồn lên trong mắt cha. Điền chan nước vào chén, lua vội vàng rồi men theo con đường đất dọc mé kinh, nó đi vào trong xóm. Tôi dặn với theo, ghé tiệm mua giùm ngàn rưỡi đường cát.

Chắc gió đã bạt mất lời tôi, khi quay về, Điền không mang theo gì, nó lẳng lặng xòe tay trước mặt tôi, tay nó dính một lớp gì đó, bóng mượt, trong suốt, và đang khô quánh lại, khiến những ngón tay đơ ra như đá. Điền bảo, “Keo dán sắt…”. Dường như những người sản xuất ra loại keo này cũng không ngờ nó nhiều công dụng đến thế. Hai chị em tôi tỉ mẩn lột lớp keo ra, mảng da non trên bàn tay nó bỏng đỏ nhừ, tươm máu. Chúng tôi cùng ngó về chỗ khoang ghe, nghe tiếng thở thênh thang cùng gió…

2.

Cánh đồng không có tên. Nhưng với tôi và Điền, chẳng có nơi nào là vô danh, chúng tôi nhắc, chúng tôi gọi tên bằng những kỷ niệm mà chúng tôi có trên mỗi cánh đồng. Chỗ chị em tôi trồng cây, chỗ Điền bị rắn cắn, chỗ tôi có kỳ kinh nguyệt đầu tiên… Và mai này khi trôi dạt đến một nơi nào khác, nhắc đến cánh đồng này với cái tên của chị, chắc chúng tôi sẽ xốn xang.

Sáng sớm ngày thứ ba, chị ngồi dậy được, ngó quanh, chị hỏi, “Trời đất ơi, chỗ nào mà vắng tanh vậy nè”. Làng xóm xa xa đằng phía những rặng dừa xanh thẩm. Đồng đất trống trơn, trên đôi bờ kinh chơ vơ những cây gòn. Hai đứa nhỏ đầu mướt sương đang hí húi trộn thức ăn cho vịt, nhìn chị ngạc nhiên đến ngây ngất. Giọng nói chị không bị thương tích gì hết, trong vắt và ngọt ngào.

Chị hỏi “Tắm ở đâu, mấy cưng ?”. Tôi chỉ xuống kinh. Chị ngó những váng phèn, ngao ngán. Điền nói, đằng kia có một cái ao.

Đó là một hố bom cũ, bình bát mọc quanh, rau muống chằng chịt phủ kín mặt nước, cọng rau ốm nhằng, đỏ au. Chỗ này, hôm qua, Điền đã câu được những con cá thát lát ú mềm. Chị trầm mình dưới đó rất lâu, chẳng kỳ cọ gì, chỉ để nước lạnh chườm dịu lại những chỗ đau. Lúc chị lên bờ, tôi thấy máu lợn cợn theo những giọt nước nhỏ xuống giữa hai đùi, chắc chị đã làm gì với chỗ keo dán ác nghiệt ấy. Rồi cũng lâu lắc, cũng cà nhắc từng bước ngắn như lúc đi, chị với tôi quay lại bờ kinh. Điền hí hửng khi thấy chị chịu mặc chiếc áo sơ-mi thẩm phèn và cái quần cụt quăn queo của nó.

Chỉ có cha lầm lì dọn cỏ quanh chòi. Chỉ có cha là hờ hững với thành quả của hai chị em tôi. Không chấp thái độ lạt lẽo của cha, chị ngó về phía người đàn ông đang vồng lưng trong nắng sớm, chếnh choáng: “Ba mấy cưng đẹp trai dễ sợ…”.

Vì lẽ đó ? Có phải vì cha mà chị ở lại với chúng tôi, trên một cánh đồng vắng ngắt. Những vết thương đã lành rất mau. Chị cười, bị đánh hoài riết cũng quen. Tôi hỏi chị làm gì để bị đánh. Chị cười, “Làm đĩ”. Rồi có lẽ chị áy náy vì quá sỗ sàng với chúng tôi, chị vò đầu Điền “chắc mấy cưng không biết đâu…”.

Điền nhìn tôi cười. Chúng tôi đã gặp nhiều, rất nhiều người phụ nữ giống chị. Cứ mỗi mùa gặt, họ lại dập dìu trên đê, lượn lờ quanh lều của những thợ gặt, những người đàn ông giữ lúa và bọn nuôi vịt chạy đồng. Họ cố làm ra vẻ trẻ trung, tươi tắn nhưng mặt và cổ đã nhão, nhìn kỹ phát ứa nước mắt. Đêm đến, sau các đụn lúa, họ thả tiếng cười chút chít, tiếng thở mơn man… lên trời, làm nhiều người đàn bà đang cắm cúi nấu cơm, cho con bú trong lều thắt lòng lại. Tối nào mua rượu cho cha, chúng tôi cũng đi ngang qua những đôi người. Chúng tôi nhận ra họ ngay, khi không còn mảnh vải nào trên người họ vẫn điềm nhiên cười khúc khích và uốn éo thân mình chứ không trơ ra ngượng ngịu, cam chịu như những người phụ nữ quê. Sáng sau, họ xiêu xiêu biến mất, đem theo mớ tiền công ít ỏi suốt một ngày làm việc quần quật của đám đàn ông.

Chị, cũng giống như họ, chớm tàn tạ, đói rã ruột ở thị thành mới chạy xuống quê, cất cái quán nhỏ, giả đò buôn bán bánh kẹo lặt vặt, thực chất là làm nghề. Ở đó đàn ông dễ tính và thiệt thà. Chị sống nhờ những món tiền họ cắm câu đêm đêm, bằng tiền bán lúa, dừa khô hay những buồng chuối chín. Cũng có lúc thu hoạch bất ngờ, khi chị mồi chài một người đàn ông vào trò chơi giường chiếu, suốt hai ngày đêm, và chị được một triệu hai. Đó là vốn vay xoá đói giảm nghèo, khi về tới nhà, với tám trăm ngàn còn lại trong túi, hẳn người đàn ông ấy não nề biết bao nhiêu, oán chị biết bao nhiêu khi thấy vợ con nheo nhóc bu quanh nồi khoai luộc trong nhập nhoạng nắng chiều.

- Ăn trên mồ hôi nước mắt của người ta nên lâu lâu bị đánh cũng đáng đời, hen mấy cưng ?
Chị nói, và ngã nghiêng cười, dường như chị thấy mình trả giá vậy cũng vừa. “Mà hên nghen, nhờ vậy mà gặp được mấy cưng, được ở chung vầy, vui thiệt vui...”.
Cha không vui, vì có thêm một miệng ăn. Bầy vịt cũng không vui, chúng mổ vào chân chị mỗi khi chị bước qua rào, “bà ở đây làm chi để phần ăn của tụi tui bị xén bớt, trong máng độn toàn là trấu ngán thấy ông thấy cha, đã vậy còn bắt tụi tui đẻ trứng để nuôi bà”. Chị nhảy xổm ra, la oai oái, sau lại cười (mà con mắt đung đưa phía cha) “mai mốt mấy con vịt quỷ này sẽ khoái chị, mấy hồi…”.
Nhưng tôi và Điền biết thể nào chị cũng ra đi, trong mỏi mòn. Quãng thời gian chị bên chúng tôi, vì thế cũng mong manh. Nhiều khi lùa vịt ăn mót một đỗi đồng, nghĩ chị bỏ đi, Điền thảng thốt chạy về.
- Mấy cưng thương chị thiệt hả ? Tội chưa… !?? ”.
Chị ngạc nhiên, thấy nước mắt ràn rụa trên má thằng Điền (mà chị không biết là nó bị bệnh chảy nước mắt sống từ hồi chín tuổi). Thật cảm động khi đời đánh ta tả tơi bầm dập, vậy mà hai đứa nhỏ này lại trìu mến, quyến luyến lạ lùng. Thêm một lý do nữa để chị ở lại với chúng tôi, trong một mùa hạn nóng bỏng, bất thường.
Mùa đến sớm. Vì vậy mà nắng rất dài. Mới rồi, chúng tôi dừng chân ở một xóm nhỏ bên bờ sông lớn mênh mang. Mỉa mai, người ở đây lại không có nước để dùng (như chúng tôi đi trên đất dằng dặc mà không có cục đất chọi chim). Người họ đầy ghẻ chóc, những đứa trẻ gãi đến bật máu. Họ đi mua nước ngọt bằng xuồng chèo, nín thở để nước khỏi sánh ra ngoài vì đường xa, nước mắc. Buổi chiều đi làm mướn về, họ tụt xuống ao tắm táp thứ nước chua lét vì phèn, rồi xối lại đúng hai gàu. Nước vo cơm dùng để rửa rau, rửa rau xong dành rửa cá. Con nít ba tuổi đã biết quý nước, mắc lắm cũng ráng chạy ra vườn đái vô chậu ớt, chậu hành (báo hại cây rụi lá). Ở đó, có người con trai bảo, “ước làm sao trước lúc má tui chết, bà được tắm một bữa đã đời”. Câu nói này làm tôi thương anh ta quá chừng. Hôm tôi đi, anh tần ngần đứng bên hè, hỏi nhỏ “Không biết em có muốn ở lại với… má tui?!”. Tôi lắc đầu, hai gàu nước ít ỏi của má anh, tôi nỡ nào sẻ nửa ?
Tôi giục cha rời khỏi cái xóm tàn tạ đó. Những cánh đồng chúng tôi qua, lúa chết khô khi mới trổ bông. Người ta không thể trồng đậu, trồng dưa vì thiếu nước. Bầy con nít giỡn nhoi trên những con kinh khô trơ lòng.
Chỗ chúng tôi cắm lều cầm vịt, nước đã sắc lại thẫm một màu vàng u ám. Nhưng chúng tôi chẳng có chỗ nào để đi nữa, từ bờ bên kia của sông Bìm Bịp là vùng đệm cho những cánh rừng tràm lớn. Mùa này, người ta lấy nước từ tất cả các dòng sông nhỏ, các con kinh để bơm vào rừng, chống cháy. Chúng tôi cũng không thể ngược sông Bìm Bịp băng qua vùng Kiên Hà, ở đó họ kiểm dịch thú y rất gắt gao. Và dịch cúm gia cầm nghe đâu vẫn còn bùng phát khắp đồng bằng.
Để bầy vịt khỏi bị chôn sống (điều đó đồng nghĩa với việc đứt vốn cho mùa sau), bọn tôi quyết định vẫn cầm chúng ở đây. Chúng được nuôi trong sự mỏi mòn. Ngày ngày, tôi lùa vịt đi ăn mót những bông lúa khô quắt queo trên đồng, không có nước chúng bì bạch, chậm rì và chẳng thể đi xa. Trứng thưa thớt, những quả trứng chúng đẻ ra cũng chai ngắt, dài nhằng, nhẹ tênh, vỏ dày sần sượng. Đòi hỏi gì nữa ở những con vịt đã già, đã đẻ quần quật suốt ba mùa trước, đã vô vọng vì ngày càng khó tìm lúa và cám trong máng thức ăn. Ngay cả nước để chúng tắm táp cũng chua lét vì phèn.
Mà, mùa mưa vẫn còn xa lắm.
Ngày ngày, Điền rủ chị đi giăng lưới, nhắp cá và tát những cái mương cạn. Cá ăn không hết, chị đem vô xóm bán và hãnh diện đưa cho cha vài mươi ngàn thừa sau khi đã sắm ít quần áo. Mắt chị nhìn cha đầy khiêu khích, “Cuộc đeo đuổi vẫn còn dài, cưng à…”.
Chị đổ lì. Chị tìm mọi cách để sà vào cha. Một bữa chị bảo Điền xuống ghe ngủ với tôi, còn chị sẽ lên chòi. Đó là một đêm tối nhờ nhờ, trôi trên trời một mảnh trăng mỏng leo lét. Điền ngọ nguậy, xoay trở liên tục, nó kêu khó ngủ, đòi nghe tôi hát, bài gì cũng được. Nhưng Điền vẫn

thao thức, dường như giọng hát tôi không át được tiếng sột soạt rạo rực trong cái chòi nhỏ trên bờ. Điền chê ngủ ghe chòng chành quá chừng. Tôi biết lòng nó đang chao.
Điền có những ngày bối rối. Nó hay hỏi tôi, "người ta thương mẹ ra làm sao?". Mặt nó dãn ra, khi biết cây kẹp tóc, trái dừa tươi hay con cá thác lác… mà nó dành cho chị cũng giống hệt như người ta vẫn thường cho mẹ. Và niềm nhớ lúc đi xa, nỗi khao khát được nằm gần, được dụi mũi mình vào da thịt người đó… cũng tự nhiên như ý nghĩ bình thường nhất của những đứa con. Nhưng những nghi hoặc vẫn loay hoay trong mắt Điền, và nó quyết định chịu đựng một mình, khám phá một mình. Thí dụ như đêm nay, cái gì khiến tim ta đau nhói, cái gì làm cho ta cảm thấy giận dữ, nặng nề ?
Khi tôi thức dậy, Điền đã mệt mỏi thiếp đi, nó nằm co quắp, hai tay kẹp giữa đùi, mặt buồn như phủ một lớp sương giá. Chị bước ra khỏi chòi, khoan khoái vươn vai. Sự ưng ý, mãn nguyện lấp lánh trên khoé mắt. Khuôn mặt chị tràn ngập ánh sánh, như chị vừa mở ra một cánh cửa mặt trời. Có một con đường nào đó trãi dài trước chị. Chị cười, bảo :
- Hồi hôm sương nhiều ghê, nó nhiễu lên mặt chị hoài, nhột gần chết.
Rồi chị giành nấu cơm. Chị xoắn tay áo lên hì hụi thổi lửa, đầu tóc xấp xãi dính đầy vảy cá. Trông chị như bà vợ tảo tần. Hình ảnh ấy làm tôi ứa nước mắt, nhưng cha tôi chỉ lạt lẽo nhếch cười. Vì cái cười đó mà tôi ứa nước mắt thêm lần nữa.
Cha đưa chị một ít tiền ngay trong bữa cơm, khi nhà đủ mặt, "Tôi trả cho hồi hôm…". Rồi cha điềm nhiên phủi đít đủng đỉnh đứng lên, sự khinh miệt và đắc thắng no nê trong mắt. Chị nhét tiền vào trong áo ngực, cười, "Trời ơi, ba mấy cưng sộp quá chừng".
Điền và tôi rủ chị đi câu (Chúng tôi cho là chị buồn, dù chuyện đó khá tức cười, làm điếm được trả tiền mà buồn nỗi gì). Suốt buổi, không dính con cá nào, chị nói, "Mắc cười quá, tới mấy con cá quỷ này còn chê chị". Câu nói nghe tỉnh bơ, bâng quơ mà tủi vô phương. Điền lặng bắt con cá rô lội xuống mương, lặn sâu, móc cá vô lưỡi câu của chị. Lúc nó trồi đầu lên thì đã thấy chị cười.
Trưa ấy chúng tôi trầm nghịch dưới nước rất lâu. Chị cười nôn khi thấy bùn bám dưới mũi tôi xám xanh như bộ râu củ ấu. Tự dưng nét mặt chị bỗng âu yếm lạ, như đang nựng nịu một đứa bé con và thằng em trai mười bảy tuổi của tôi đứng đực ra, chết lặng trong nỗi ngượng ngùng. Nước cồn cào chỗ bụng nó, tôi biết chị đang táo tợn làm gì đó phía dưới. Rồi phát hiện ra một mất mát lớn lao, chị thảng thốt kêu lên :
- Trời đất ơi, sao vầy nè, cưng ?
Chị toàn hỏi những câu hỏi khó. Chỉ nghe thôi đã đau, nói chi trả lời. Thí dụ như có lần chị hỏi "Má mấy cưng đâu ?", "Nhà mấy cưng ở chỗ nào ?", thằng Điền đổ quạu :
- Biết chết liền!

3.
Những chiều ghe chúng tôi đi ngang qua những người đàn bà ngồi giặt giũ dưới bến sông, tôi hay hỏi lòng, có phải tôi vừa ngang qua má đó không. Tôi cố giữ trong lòng hình ảnh má nhưng rồi ngày càng tuyệt vọng khi thấy nó nhạt nhòa dần, cứ nghĩ mai này gặp lại mà không nhận ra nhau, lòng nghe buồn thiệt buồn.
Má tôi hay mang xoong chảo ra bực sông chùi lọ nghẹ, sẵn đón ghe hàna(bông mua ít rau cải tươi và bán lại những quày chuối chín bói trong vườn. Dần dần, buổi chiều, đám thương hồ hay lại neo ghe chỗ mấy cây mấm trước nhà. Một người bảo không sao xa được người đàn bà có cái cười làm lấp lánh cả khúc sông. Má tôi nguýt dài :
- Dóc…
Người đàn ông cười hề hề, thề " Tôi nói láo cô Hai cho xe đụng chết ngắc" (Ngay lập tức, Điền thì thầm, "thằng chả ở dưới ghe kiếm đâu ra chiếc xe, nói dóc…", và bằng cái vẻ ác cảm lạ lùng, thằng Điền biểu tôi nhìn khuôn mặt và tấm lưng trần chi chít những nốt ruồi của ông ta, bảo "Tại hồi đó má ổng mới sanh ổng ra quên lấy lồng bàn đậy, nên ruồi bu tùm lum").
Cho dù người đàn ông ấy có quá nhiều nốt ruồi, cho dù chẳng cao ráo, đầu ít tóc… nhưng với chiếc ghe chở đầy vải vóc, những người đàn bà lam lũ quê tôi vẫn thường trông ngóng ông ta.

Tất cả họ đều trở thành trẻ thơ khi bước chân lên ghe, họ tíu tít, háo hức, họ thèm muốn đến bồn chồn rồi dùng dằng trở lên bờ với tâm trạng tiếc nuối, ngậm ngùi, thấy mình già khi ngang qua bồ lúa vừa hót bớt một lỏm, thằng cha bán vải lấy mấy giạ mà như khứa một ít tuổi xuân đi. Cả đời, cái bồ lúa luôn làm lòng họ đau đáu, khi nghĩ tới bệnh tật, chuyện cất lại cái nhà, hay dựng vợ gã chồng cho con cái.
Bồ lúa nhà tôi đã cạn từ sau Tết. Điều đó làm má tôi hơi buồn, nhưng người bán vải xăng xái bảo, “Cô Hai cứ coi đi, không mua cũng được – rồi ông ta sửng sốt khi thấy má rạo rực khi ướm thử những khúc vải rực rỡ lên người – Chèn ơi, coi nó bình thường vậy mà khoác lên mình cô Hai lại thấy sang quá trời”. Má bỗng nhiên thắc thỏm :
- Dóc…
Tôi chưa bao giờ thấy cái màu đỏ lạ lùng ấy. Đỏ hơn bông bụp ngoài sân, đỏ hơn máu. Má ngó chúng tôi, hỏi: “Gì mà nhìn trân trân vậy hai đứa ?”. Tôi nói, “Má lạ quá hà, nhìn không ra”. Má mừng quýnh, “Thiệt hả ?”. Tôi muốn khóc quá chừng, má con xa lạ với nhau mà sao lại mừng ?
Một bữa tôi chiêm bao, chẳng đầu chẳng cuối gì, chỉ thấy vía má giãy dụa trong tấm vải đỏ lạ lùng kia nhưng nó thít chặt, riết lấy, siết dần cho tới khi má thành một con bướm nhỏ, chấp chới bay về phía mặt trời. Giật mình thức dậy mới hay mình ngủ quên trong kẹt bồ lúa, con chó Phèn ngoài hè nôn nóng cào đất rột rẹt chỗ cái lỗ chui (Chắc má tưởng hai chị em tôi đi chơi nên chốt cửa trước cửa sau mất rồi). Mà Điền ngồi ém ngay đó, lì ra, không cục cựa, mình nó mướt mồ hôi, không có vẻ gì là nó đang khóc, nhưng nước mắt chảy ròng ròng. Tôi ôm đầu nó, giấu ánh nhìn của nó vào ngực mình.
Đứa mười tuổi quay lưng lại, đứa chín tuổi úp mặt vô áo chị nó, nhưng cả hai vẫn như thấy rõ ràng, trên chiếc giường tre quen thuộc, má oằn uốn người dưới tấm lưng chơm chởm những nốt ruồi. Họ cấu víu. Vật vã. Rên xiết.
Đó là hình ảnh ấn tượng cuối cùng của má tôi trên nền một cái nhà nhỏ, đằng trước có bộ bàn chữ U, bộ vạc tre, rồi đến một cái bồ lúa nhỏ dựng gần giường ngủ, và gian bếp thấp. Quanh hè, dài theo những lối đi ra vườn, ra bến là những cục đá tảng, những thân dừa chẻ hai, cha tôi đã hì hục lót để suốt một mùa mưa, chân má tôi không bị dính sình bùn.
Suốt nhiều năm sau đó, tôi không dám nhớ má, bởi ngay vừa khi nghĩ đến má, ngay lập tức hình ảnh ấy hiện ra. Theo đó là rực rỡ trên da thịt màu vải má tôi vừa đổi được (không phải bằng tiền, hay lúa). Mà, đáng lẽ phải nhớ tới khúc má nằm võng hát đưa mình ngủ ấy, hay đoạn má ngồi giặt áo bên hè, hay má cúi đầu giữa vầng khói mơ màng, thổi lửa bếp ung…
Má có rất nhiều hình ảnh đẹp, và cả khuôn mặt lo lắng của má khi chiều ấy vẫn còn đẹp, nhìn thấy nước mắt không ngừng tuôn rơi trên mặt thằng Điền, má thảng thốt hỏi : “Mèn ơi, mắt con sao vậy ?. Tôi trả lời, day day chậm rãi, “Chắc tại nó nhìn thấy chuyện bậy đó, má. Trưa nay nó ngủ kẹt bồ lúa”. Má chết lặng nhìn tôi, cái nhìn như lịm đi trên khuôn mặt đẹp não nề. Không thể giải thích vì sao tôi lại hể hả.
Và tôi luôn nghĩ rằng chính vì câu nói đó mà má tôi ra đi.
Tôi chạy qua nhà hàng xóm, nói với thím Tư rằng má đi mất tiêu rồi. Cả xóm tưng bừng, kẻ mừng vì vợ mình chưa bỏ theo trai, người vui vì con đàn bà đẹp nhất xóm đã đi rồi, khỏi lo ông chồng suốt ngày thòm thèm dòm ngó, cũng có người buồn, ghe vải chắc chẳng quay lại xóm này. Mọi người bàn ra tán vào, xôn xao, bắt tôi nhớ lại coi trước lúc đi má tôi có hành động gì đặc biệt mang tính dự báo không? Chuyện này quan trọng lắm, nó cho người ta tự kiểm tra trình độ trải nghiệm, suy đoán. Thí dụ như nhà nào có người mới mất họ kêu lên, hèn chi đêm trước có nghe chim cú kêu, thê thiết lắm. Thí dụ như nhà nào bị mất trộm, họ bảo nhau, hồi hôm tui nghe tiếng chó sủa thiệt kỳ, là tui nghi rồi… Nhưng chuyện ra đi của má tôi không mấy ly kỳ...
- Hồi chiều má con không nấu cơm…
- Vậy sao ?
- Má con nằm trên giường thở dài…
- Vậy hả ? Thở ra làm sao ?

Tôi hết biết tả. Tiếng thở thườn thượt, nghe buồn mênh mông, chảy từng giọt như nước mắt. Má tôi thở dài khi ghe cha ghé bến vì biết mai mốt cha lại đi. Má tôi thở dài khi tắm, khi nước trôi dài trên làn da trắng như bông bưởi. Lúc ngồi vá những bộ quần áo cũ. Mỗi lần ghe vải ghé trước bến, má cũng thở dài, tay bối rối nắn vào hai túi áo mỏng kẹp lép. Thở dài cả khi thằng Điền bảo cho con xin tiền mua kẹo, má ơi.
Mọi người không thất vọng, họ cho thời gian lùi lại xa xa, thì ra cũng đã có điềm báo trước mối nhân duyên này tan rã, ngay cái bữa đầu tiên, ngay lần gặp đầu tiên. Má tôi ngồi khóc bên bực con sông Dài, cha tôi chèo ghe đi ngang, đã qua khỏi một quãng nhưng vì mủi lòng, cha quay mũi lại. Cha hỏi, cô về đâu tôi cho quá giang. Má tôi ngước lên, mặt ràn rụa nước, "tôi cũng không biết về đâu". Cha tôi chở người con gái tội nghiệp này về nhà, và trong thời gian suy nghĩ tính coi mình đi đâu, má yêu cha mất rồi, sau đấy thì đẻ hai chị em tôi. Rõ ràng, quá rõ ràng, thấy chưa, má tôi chỉ quá giang một khúc đời rồi đi, ai cũng linh tính vậy, chỉ cha tôi là không, nên bây giờ mới khóc hận, cười đau.
Tới đây thì hết chuyện nói, hàng xóm ra về. Giống hệt như vừa tan đêm hát, họ xì xào đi vào trong đêm, tiếng chó sủa rộ lên dài theo những con đường xóm. Tôi và Điền nằm nhìn trân tráo lên nóc mùng, nghe gió hui hút trên những ngọn tre già bên hè. Một hồi, thím Tư qua, thím kêu hai chị em tôi qua nhà thím ngủ.
Sáng sau, thím đi chợ, tới bến tàu, cho hay "Vợ Út Vũ bỏ nhà. Theo trai" Ông chủ chiếc đò chạy tuyến Hưng Khánh nói lại với mấy bà bạn hàng, và chiều lại cha tôi mới nhận được lời nhắn ấy khi đang lên đòn dong cho một ngôi nhà gần chợ Hội. Nghe nói cha tôi còn cười, giọng ra vẻ giận, "Bộ hết chuyện giỡn rồi sao, cha nội ?". Có vẻ khó tin, khi một người nghĩ rằng, chỉ cần mình hết lòng yêu thương, gánh hết sự kiếm sống nhọc nhằn thì sẽ được đền đáp xứng đáng. Có vẻ buồn cười… Và cha tuột xuống đất, run rẩy…
Quãng hành trình về nhà có vẻ rất dài và khắc nghiệt, nó vắt kiệt cha tôi. Cha cười cay đắng, khi thấy quần áo má còn treo trong nhà, còn cả cái khăn tắm và đôi dép Lào cũ, như thể má đang chơi bên xóm, chỉ cần thằng Điền kêu má sẽ xấp xãi chạy về, mừng húm hỏi "Đi chuyến này nữa là đủ tiền mua ti vi màu, phải hôn anh ?".
Coi kỹ thì má không đem theo gì. Chi tiết đó làm đau lòng người ở lại, nó cho thấy người đi đã chẳng suy nghĩ, đắn đo, đã không một chút trù trừ, chỉ rũ mình cái rột, sạch trơn, vậy thôi.
Cha đem tất cả đồ đạc của má đem đốt. Khói bay mù mịt trong nhà, mùi vải, mùi nhựa cháy khét lẹt, những cái áo hồng áo tím rúm ró lại, chảy thành những giọt tro. Cha nhìn ngọn lửa, mặt đanh lại, rồi mắt bỗng rực lên, ngây ngất vì một ý nghĩ mới lạ.
Chúng tôi dong ghe đi, quặn lòng ngoái lại căn nhà đang quay quắt dãy dụa trong lửa đỏ. Nghe vẳng theo âm thanh lốp bốp rất giòn của những thanh gỗ cháy, và tiếng xóm giềng í ới gọi nhau. Chắc chắn sẽ có người vỗ đùi cái đét, "Hồi hôm qua, ngó cái mặt u ám của Út Vũ, tui nghi thể nào thằng chả cũng đốt nhà. Nghi đâu có đó, thiệt là y như để vậy, các cha".
Kể nhiều chuyện như vậy là để trả lời chị, nhà tôi, má tôi, rốt cuộc đã trở thành tro bụi mất rồi. Nên khi hết mùa lúa chín, những người nuôi vịt chạy đồng khác đã trở về nhà còn chúng tôi lại tiếp tục lang thang.
Đàn vịt đưa chúng tôi đi hết cánh đồng này đến cánh đồng khác. Đôi khi không hẳn vì cuộc sống, chúng là cái cớ để chúng tôi sống đời du mục, tới những chỗ vắng người. Ở đó, ít ai phát hiện ra sự khác thường của gia đình tôi, và ít hỏi cái câu, "Má mấy đứa nhỏ đâu?". Để cha phải buột lòng nói "chết rồi!" và cười lạt khi nghe người nào đó kêu lên : "Mèn ơi, tội hai đứa nhỏ hôn".

4.
Lần đầu tiên hai chị em tôi lạc giữa đồng. Cơn mưa buổi xế chiều làm tắt rụi ánh mặt trời, và đêm tối nhanh chóng ập xuống. Mưa giăng bốn bề, những rặng vườn trở nên xa vời, mờ mịt, căn lều và chiếc ghe của mình nằm ở phía nào vậy ta, Điền hoang mang hỏi. Chúng tôi lội xom xom xuống một mé vườn và rã rời tuyệt vọng xua bầy vịt quay ra. Cha tôi đã bỏ về ghe từ giữa trưa, có thể cha đã uống rượu say và ngủ mất tiêu. Có thể cha còn thức nhưng cha không đi

tìm. Khóc đã đời, một hồi, thấy trời ngày càng tối, chúng tôi quyết định buông trôi, tha thẩu đi theo bầy vịt, biết đâu…
May sao, chúng nhớ đường về. Khi nhìn thấy ánh đèn chong leo lét đầu ghe, chúng tôi mừng như chết đi sống lại, Điền nắm tay tôi chạy như điên, nước đồng văng sáng trắng. Bầy vịt tao tác một phen (báo hại đêm đó tụi nó nín đẻ). Cha tôi ngồi chờ bên cạnh cây roi.
Sau này, đã tự học cách định hướng bằng bằng mặt trời, bằng sao đêm, bằng gió, bằng ngọn cây… nghĩ tới lần lạc đồng, thấy cười quá chừng. Mắc cười hơn là Điền, vốn rất sành sỏi đường đi nước bước, lại bị lạc lần nữa, giữa ban ngày. Nó loay hoay ở giữa một gò đất chùm gọng leo dày mịt, không biết vô đó bằng đường nào nhưng chẳng thể quay ra, có người đàn bà bưng rổ bánh quy lại, biểu nó ăn. Đói quá, thằng Điền ngốn gần chục cái. Lúc tôi tìm được nó nhờ tiếng rên ư ử, bụng nó đã lặc lè, và miệng đầy sình đất. Quay đi quay lại không có bóng người, chỉ có cái mả lạng nằm sát đất, rời rợi cỏ xanh.
Những ngày sau này, tôi một mình trở lại gò đất, nhưng chờ hoài không thấy ma hiện ra. Nghe thằng Điền kể, người đàn bà đó thiệt hiền, chỉ đau đáu vuốt tóc nó và ánh nhìn chan chứa thương yêu. Tôi nghe mà khóc muốn chết, sao con ma đó không chịu giấu tôi giùm cái.
Rồi tôi ngồi quẹt tay lau nước mắt đi, kỹ càng, để gương mặt an nhiên, ráo hoảnh. Tôi quyết không để cha thấy mình buồn, quyết không để cha bật ra cái câu “Chịu hết nổi cái cảnh sống này rồi hả ? Chừng nào đi ?”.
Cha vẫn thường đánh chị em tôi, thường đánh khi vừa ngủ dậy. Đó là khi người ta thấy hoang hoải, chán chường, sau một giấc dài, mở mắt ra, vẫn gió đìu hiu, vẫn nắng võ vàng trên những cánh đồng hoang lạnh. Và tôi tự nhớ lại coi hồi sáng này, hồi trưa này mình đã làm gì giống má, kho cá bỏ quá nhiều tiêu? Hay vì tôi buộc tóc nhong nhỏng? Hay tại tôi ngồi bắt chí cho thằng Điền ?
Hay tại tôi càng lớn càng giống má. Có bữa, nửa đêm thằng Điền thức giấc, nhìn thấy tôi day lưng lại lui cui vá áo, nó thảng thốt kêu “Má ơi!”. Tôi cảm thấy mình thất vọng đến rã rời. Những thói quen, những cái gì liên quan đến má tôi phủi gần sạch rồi, nhưng tôi làm sao có thể từ bỏ hình hài này.
Tôi đành để cha đánh để ông bớt đau chút lòng. Sau này chị em tôi không day dứt chi cho mệt, vì hiểu thấu ra, mình bị đòn chỉ vì là con của má, vậy thôi.
Với chúng tôi, quãng thời gian ấy vẫn còn vui lắm, sau này, cha tôi chán không đánh nữa. Cha ơ thờ, lạt lẽo, chuyện gì cần nói thì nói vài câu nhát gừng. Cha giao bầy vịt cho hai đứa tôi, lúc rảnh ngồi gọt đẽo những cán dao, tấm thớt hay lẳng lặng vác cần câu đi câu cá, vừa bán được tiền, vừa khỏi phải nhìn những đứa con của một bà mẹ bạc lòng. Thành ra, cái ghe thấy nhỏ, lại rộng vô cùng tận, loay hoay chỉ ba con người, nhưng nhiều năm trôi qua, hai chị em tôi vẫn cảm thấy xa cách cha. Có lần, khi đi trên sông, thằng Điền giả đò té chìm ngỉm mất tăm, tôi giả đò kêu la chói lói, cha hơi giật mình hoảng hốt, dợm lao xuống nước, nhưng rồi cha điềm nhiên ngồi lại, tiếp tục gọt đẻo, chắc là nhớ ra thằng Điền đã lặn lội nước sông từ năm bốn tuổi, sức mấy mà chết trôi.
Chúng tôi biết là khó đòi hỏi gì hơn nữa, chỉ một chút xao lòng của cha, là mừng lắm rồi. Cha giống như đồ vật bằng gốm vừa qua cơn lửa lớn, vẫn hình dáng ấy nhưng đã rạn nứt, nên chúng tôi chỉ dám đứng xa mà nhìn, mủ mỉ nâng niu, nếu không thì vỡ mất.
Và chiếc ghe, cánh đồng, dòng sông thênh thang mãi…
Tôi và Điền buộc phải tự học lấy cách sống. Nhiều khi dễ đến không ngờ… Nhờ Điền bị rắn hổ đất cắn mà chúng tôi biết được cách phân biệt vết răng của rắn độc. Nó để lại trên cổ chân Điền một cặp vết răng như hai cái lỗ nhỏ, sâu hoắm. Tất nhiên, phải nhờ người thợ gặt tốt bụng vác thằng Điền chạy một đỗi đồng để tới ông thầy lấy nọc rắn, nó mới giữ được cái mạng để rút… kinh nghiệm. Sau này, một lần băng qua một đám cỏ dày, đến lượt tôi bị rắn cắn, tôi kêu, Điền ơi, chắc Hai chết trước à. Thằng Điền nhìn vết thương nó cười, nói không sao, số Hai sống lâu lắm, hai hàng răng tươm máu giống hệt nhau như vầy, chắc cú là rắn bông súng cắn chơi thôi. Và nhìn bướm bay, nhìn mây trôi tôi biết ngày nắng hay mưa. Nghe bìm bịp kêu chúng tôi biết nước lên. Dừng ghe ở một tuyến kinh nào, thằng Điền trèo lên ngọn cây cao, ngó

bao quát cánh đồng và tính toán xem có thể cầm vịt ở đấy bao lâu thì hết thức ăn, đúng chóc. Hay chúng tôi tự phán đoán ở đâu vụ mùa đến sớm, vùng nào lại trễ tràng để rời cánh đồng này, chúng tôi đến ngay một cánh đồng khác, ngay khi lúa vừa chín tới.
Thành ra, mùa du mục của chúng tôi kéo dài liên tục từ mùa mưa sang nắng, rồi lại mưa. Nhiều lúc tôi hơi nhớ con - người. Họ ở trong cái xóm nhỏ kia, chỉ cách chỗ chúng tôi dựng trại vài ba công đất. Họ lúc nhúc trên thị trấn kia, nơi chúng tôi vẫn thường ghé lại mua gạo, cám, mắm muối… dự trữ cho những chuyến chạy đồng xa. Và họ ở gần ngay đây, họ vừa gặt lúa vừa nói chuyện tục tĩu rồi cười vang bên bầy vịt đang rúc rích tìm thức ăn, nhưng tôi vẫn nhớ...
Có lẽ vì cuộc sống của họ ngày càng xa lạ, với chúng tôi. Họ có nhà để về, chúng tôi thì không. Họ sống giữa chòm xóm đông đúc, chúng tôi thì không. Họ ngủ với những giấc mơ đẹp, chúng tôi thì không. Nằm chèo queo, co rúm, chen chúc nhau trên sạp ghe, chúng tôi đánh mất thói quen chiêm bao. Điều này làm tôi và Điền buồn biết bao nhiêu, vì cách duy nhất để được nhìn lại hình bóng má cũng tan rồi. Mà, thí dụ như những cơn chiêm bao quay trở lại, chúng tôi không biết chắc là hình ảnh ấy của má có xuất hiện hay không.

5.
Mùa khô năm tôi mười ba tuổi, bầy vịt lăn ra chết gió. Để kiếm sống, cha tôi quay lại với nghề thợ mộc. Cha nhận đóng giường, tủ cho một vài nhà trong xóm Bàu Sen, chúng tôi neo ghe lại đó dài ngày.
Cái cảm giác đang ở xóm cũ (có ngôi nhà cũ) vây riết lấy chúng tôi (chữ “chúng tôi” tôi không kể cha vào). Những trưa xế ngồi ngoài hàng ba một nhà trong xóm, tôi tước lá dừa thắt cào cào châu chấu, Điền ngó nắng rưng rưng ngoài sân, nói “sao gió ở đây giống hệt gió nhà mình”. Hai đứa tôi muốn khóc.
Chị chủ nhà ngần ngại nói với cha, “Ngó mặt hai đứa con anh thấy thương quá, thấy… không bình thường”. Cha tôi cười nhẹ, “Vậy hả ? Ờ ờ…”.
Đứa con gái chị chủ nhà trạc tuổi thằng Điền, rủ chúng tôi vào nhà chơi. Nhưng nó luôn nhận được những cái lắc đầu. Chúng tôi sợ quá cái bồ lúa trong nhà, hình ảnh nó làm cả hai chị em ngạt thở. Thật lạ làm sao, khi mà chúng tôi đã quen dần với những - hình - ảnh - giống - mình (tức là bị bỏ giữa đời chơi vơi), thí dụ như nhìn một chiếc đũa gãy, cái nắp nồi vỡ, hay bầy gà con lạc mẹ nhao nhác… Nhưng không quên được, cái bồ lúa ngai ngái mùi cứt trâu, giữa nó và vách nhà là một khoảng hơi tối nhưng rất thu hút trẻ con. Chúng hay giả bộ đó là nhà của riêng chúng, để bày biện, nấu nướng, đóng vai chồng vợ, vai má con. Để lúc bị đòn, chúng cũng chui tọt vào đó, khóc một mình, nhiều khi ngủ quên luôn (và người lớn thì hãi hùng, sao không thấy đứa nhỏ đâu, nó bỏ đi về ngoại, nội? hay đã vô ý trợt chân té xuống đìa ?). Cái kẹt bồ lúa, cũng đã từng là thiên đường mơ mộng của hai chị em tôi, bẻ trái trứng cá làm cơm, muỗng dừa là chén, giả đò “ăn” no, giả đò tối rồi, đi ngủ, một bữa kia chơi chán lăn ra ngủ thiệt, thức dậy bỗng thấy cuộc đời mình thay đổi quá trời đất, như đã sống qua một kiếp rồi. Nhưng chín mười tuổi đã đủ để gọi là một kiếp người chưa ?
Chúng tôi chẳng phải những đứa trẻ bình thường, cuối cùng nhỏ con chị chủ nhà cũng nhận ra, nó bỏ mặc. Nó là một đứa trẻ xinh đẹp nhưng hỗn hào, cái kỉnh, nó chẳng khi nào kêu má ơi má à, khi cần, nó chỉ cộc lốc bảo, tui đói bụng quá bà ơi. Người mẹ phân bua với cha tôi, “Tại ba nó mê theo vợ bé nên không ai dạy…”.
Chị cũng bận rộn, te tái cắp nón đi suốt, tìm ông thầy này, bà cốt kia, để thỉnh bùa chú cho ông chồng quay lại. Và mỗi khi thất bại, chị lại quả quyết là bùa của tình địch mạnh hơn. Nói như vậy dường như để cho tâm bớt đau trước sự thay lòng. Chị có cả một kho tàng về chuyện đồng cốt, những người có khả năng thấu đáo cõi âm, cõi trời và cõi người. Họ biết chữa bệnh (có thể lấy từ bụng ta ra một nùi tóc với cái lưỡi dao cạo, hay dùng hột gà luộc lăn trên da thịt ta, sau đó bẻ cái trứng ra cho ta coi một nhúm lông… chó mực), cũng biết dùng những tấm bùa được vẽ bằng máu… lưỡi để ếm chết người và cuối cùng, họ đem được người ta yêu trở lại. Chỗ này khá mắc cười, bởi tấm bùa có linh nghiệm thiệt thì người quay về cũng không phải của - mình. Những săn sóc nâng niu, những lời nói ngọt ngào… tất cả đều không thật (mình biết tỏng tòng

tong là nhờ bùa ngãi chớ thương yêu gì). Và cái cười dịu dàng kia, ánh mắt ấm áp kia, nụ hôn ngọt ngào kia, vòng tay nồng nàn kia… cũng vậy. Đó là chưa kể phải thoi thóp lo âu một ngày bùa thiêng hết tác dụng, thằng đàn ông rùng mình một cái, ngơ ngác hỏi ủa, sao hai đứa mình nằm chung giường vậy, xin lỗi nghen, chắc tại hồi hôm tui xỉn quá nên chui ẩu vô mùng bà. Rồi ông ta nhìn vẻ mặt đau đớn của mình, kinh hoàng: “Trời đất ơi, bộ tui đã làm gì bậy bạ sao ?”. Tất cả sẽ chấm dứt ở đó, ông nọ phủi sạch những ngày tháng mặn nồng. Với ký ức trống trơn, họ phơi phới ra đi, còn mình thì nhớ hoài, đau hoài…
Nhưng chẳng tin vào bùa thì còn biết làm gì nữa, chị cũng đã lặn lội tới nhà tình địch, đã xé quần áo của cô ta, xởn tóc, lôi xểnh ra biêu riếu giữa chợ rồi, chị kể. Bằng cái giọng rộn rã, giòn tan chỗ cao trào, rồi chị hết sức chậm rãi, tỉ mỉ, tả cái đoạn chị dùng dao rạch mặt cô ta và xát muối ớt vào (những người quê mình vẫn thường làm chuyện đó rất bình thường, sẽ buồn cười khi có ai đó nói làm vậy là vi phạm điều X chương Y luật hình sự, họ cãi ngay, “Ủa, nó cướp chồng tui thì tui phải đánh cho tởn chớ”, với vẻ mặt tự hào ngút ngất, tỉnh bơ, ngây thơ, tựa như một người đi qua trận địa cũ và nói với ông bạn mình, hồi năm bảy hai tui bắn thằng lính cộng hòa ở chỗ này, óc nó nát như chao, con mắt văng ra xa cả thước. Ông bạn chẳng ớn, nói tôi cũng cắt cổ thằng Mỹ ở đây chớ đâu)
Sau đận đó, chồng chị bỏ ngay cô nhân tình này và trớ trêu, anh ta chạy theo… cô khác. Ba mùa lúa rồi chị ra đồng một mình. Một mình nuôi con. Một mình nhìn gương, tự ve vuốt và yêu lấy mình…
Cái sàn lãn sau nhà đã ba năm vắng bóng đàn ông. Một chiều chúng tôi đến, xẻ mấy cây đố xong, cha ra đó tắm. Nước chảy re rắt trên khuôn mặt lạnh lùng, nước mỏng tang tràn qua những thớ thịt đỏ au của cha tôi. Chị chợt giật thót người, cài vội chiếc nút áo bung ra vì không chịu nỗi đôi vú căng tức.
Ngay lập tức, tôi có cảm giác câu chuyện về những lá bùa vẽ nhì nhằng chị dấu trong áo gối, ém dưới chiếu, hay kẹt giường… không còn ý nghĩa gì hết. Chị cũng sững sốt khi nhận ra điều đó. Giường đã làm xong, đáng lẽ chúng tôi phải dời đi, nhưng chị chủ nhà muốn đóng thêm hai cái tủ nữa. Chị thuê hàng xóm xuống ao mò lên những thân gỗ đã ngâm lâu và chở tới xưởng cưa. Rõ ràng là chị không chuẩn bị trước, rõ ràng chị muốn giữ cả nhà chúng tôi lại.
Chúng tôi được đối xử rất tử tế, ngoài hai bữa cơm, buổi trưa, chị hay đãi thêm nồi chè, hay khoai luộc. Chị nồng nhiệt bảo chúng tôi lên nhà ngủ, nhà rộng rinh như vầy không cớ gì phải ngủ ghe. Cha tôi trù trừ nhưng rốt cuộc cũng gật đầu (với một thoáng giễu cợt), thật không nỡ chối từ một tấm lòng như thế.
Tôi và Điền ở lại ghe, tôi nói, ngủ ở đây gió mát quen rồi, với lại, tụi tui phải giữ đồ. Nói tới chỗ này tôi mắc cười muốn chết, chiếc ghe tơi tả, đáng giá gì đâu mà giữ. Có mấy ông thống kê gì đó làm chứng, mấy ổng đã ngao ngán như thế nào khi thấy chỗ ở ngang mét hai dài ba mét mốt cho ba nhân khẩu, điều tra thêm thì phương tiện nghe nhìn giải trí chỉ cái radio trị giá mười bốn ngàn, nguồn nước sinh hoạt từ sông, thu nhập ờ thì vài ba triệu một năm, tuỳ vào ông trời, như năm nay, thì trắng tay…
Và ngó lại cái khạp da bò nứt, trong rỗ úp vài cái chén sành, một thùng giấy chứa quần áo cũ… thấy mình lấy cớ giữ đồ hơi vô căn cớ. Nhưng chị chủ nhà không để ý, chị đang ưng bụng, ngây ngất tràn trề trong mắt. Và cha tôi lên đó, một mình.
Tôi ôm quắp thằng Điền nghe những con sóng nhỏ lách tách vỗ vào mũi ghe, nói, Hai nhớ trường học quá à, cưng (Ôi cái trường xiêu dựng trên khu vườn chùa đầy cây thuốc, có ông thầy trẻ tuổi hay vò đầu tôi và xao xuyến hỏi, má khoẻ hôn con ?). Thằng Điền hỏi lại, “Mắc gì mà nhớ ? Lãng òm…”. Tôi không biết, tôi đã ngưng nhớ nó từ khi sống cuộc sống trên đồng, nhưng đêm nay, sao tôi lại nghĩ tới, cả chuyện kiếm tiền để chữa mắt cho Điền (tôi vẫn nghĩ, sự xuất hiện của nước mắt chỉ có ý nghĩa khi người ta khóc). Đêm nay, tôi sao thế này ? Vì nhìn thấy niềm hy vọng ư ?
Và tôi ngủ trong nỗi xốn xang.
Lúc thức dậy thì hy vọng cũng thức theo, sáng hôm đó, tôi thấy cha trút bỏ vẻ lầm lũi thường ngày, mắt ông hay rực lên, nói cười rất lạ, dường như cha bừng tỉnh nhận ra giá trị của mình,

tìm thấy con đường sẽ đi. Những suy nghĩ cồn cào làm cho vẻ mặt cha lung linh như bầu trời nhiều mây và gió. Thoắt quang đãng thoắt âm u, thoắt khoái trá, thoắt đau đớn…
Chị chủ nhà cũng thất thường, đang tươi hơn hớn bỗng bần thần khi thấy cha đóng xong một cái tủ nữa rồi. Chiếc tủ chén này, cha mất năm ngày mới hoàn thành, nhưng không sớm hơn được, vì chị chủ nhà lúc thì bưng nước ra, lúc lại kêu nghỉ tay ăn bánh, anh thợ à. Nhiều lúc chơi ngoài hàng ba, nghe tiếng bào trượt trên ván ọt ẹt ngừng lại, buổi trưa im phắc. Và đống dăm bào bị dẫm tạo ra âm thanh lạo xạo lao xao lào xào. Chúng tôi biết chị đang ở ngay chỗ cha.
Không hiểu sao tôi lại nghĩ chị chủ nhà chính là hy vọng để chị em tôi trở về cuộc sống bình thường với một người - cha - bình - thường. Chúng tôi luôn tạo cơ hội, khoảng trống cho chị gần gủi với cha. Cực nhất là phải rủ rê lôi kéo nhỏ con chị chơi với chúng tôi, thằng Điền khó chịu, “đồ con nít…”. Tôi cười, “thôi, kệ nó…” mà lòng nghĩ, biết đâu mai mốt con nhỏ này với mình là một gia đình. Biết đâu đó là một mối tình dài.
Nên tôi thấy hơi lo khi cha sắp hoàn thành chiếc tủ áo cuối cùng. Buổi chiều, cha xin những mảnh cây ván vụn đắp vá lại mui ghe. Nghĩa là chúng tôi sẽ tiếp tục đi. Chị chủ nhà ủ ê, suốt buổi chị giằm đũa vào chén cơm nguội ngắt. Cha nhìn chị, cười nhẹ, rồi hỏi khẽ khàng :
- Cô đi với cha con tôi nghen ?
Như chờ đợi chỉ có thế, chị gật đầu, mặt tở mở và rạng rỡ, gần như không suy nghĩ gì (Má tôi cũng đã từng chọn lựa nhanh như thế sao ?). Tôi bất giác ứa nước mắt, rồi nhận thấy cha đang nhìn mình, tôi bệu bạo cười, “cắn trúng cái lưỡi đau quá trời”.
Chị chủ nhà bắt đầu sống với những giây phút bồn chồn, chị loay hoay, te tái tới lui. Chị kiếm lủ khủ giỏ xách, những muốn gói ghém thật nhiều đồ đạc nhưng nhận ra chiếc ghe chẳng chứa nổi, nên quăng phẹp một bên. Cuối cùng, chị đưa nhỏ con về chơi bên ngoại, và trong lòng chị em tôi bùi ngùi tiễn nó đi như đưa tiễn một cuộc đời. Mai nó vẫn sống, nhưng mà sống khác. Rồi chị quay lại, ra bực sông, ngồi đắm đuối nhìn ngôi nhà của chúng tôi, “những ngày sắp tới của mình ra làm sao, ta?”.
Dễ hình dung lắm. Như chỗ cái sạp xỉn màu tôi đang giặt vải lau đây sẽ là nơi chị sẽ ngủ, sáng ra chị vẫn không phải rời chỗ ấy, vì chỉ cần ngồi dậy, day mặt ra phía sau là đụng bếp, là có thể nhen lên một lọn khói buồn teo. Mấy đêm đầu có lẽ không quen, vì phải nằm chèo queo, ghe thì chao sóng. Mấy đêm đầu chắc chị hơi ngại ngùng, mắc cỡ vì ở ghe không có vách ngăn, vì thế chị em tôi sẽ cố ngủ thật say, ngáy thật to để át những tiếng thở hổn hển, dìu dặt. Chị cũng sẽ mất khá lâu để thích hợp với nhiều hình ảnh mang tính ước lệ, thí dụ như mấy bụi hành ngò trồng trên cái xô bể (thay vì khu vườn cây cỏ hoa trái mênh mông), hay cái lò cà ràng nhỏ (thay vì cả một gian bếp ấm sực mùi củi lửa)… Và nghe cha tôi than, tôi chán cái nhà này quá rồi, thì cũng nên hiểu là không có cái nhà nào cả. Nhà chúng tôi là cái này, là cánh đồng nào đó, con sông nào đó... Riêng chúng tôi thì không cần chị phải yêu thương, chăm sóc, dạy dỗ gì hết. Chúng tôi không hy vọng điều đó (đến con chị còn không hy vọng gì mà). Ngay lúc này đây, cứ nghĩ, một bữa trưa mai trưa mốt nào đó, có nắng hiu hiu và gió hiu hiu, vì muốn chứng minh tấm lòng của mình với cha, muốn tỏ thái độ hoà hợp với hai đứa trẻ lạ lùng này, chị bắt thằng Điền lại, xối nước kỳ cọ những mảng đất đã dính khắn trên làn da mốc meo của nó, miệng cằm cẳn, cằn nhằn hay biểu tôi ngồi để chị thắt bím tóc cho, chắc tôi thấy khó chịu vì xa lạ và buồn cười.
Nhưng tiếc rằng không có ngày mai, mốt đó. Chị bị cha tôi bỏ lại, khi vừa đi được một đoạn đường. Một đoạn đường đầy khó khăn. Chị buộc mình tin rằng sự chọn lựa này là đúng, tình yêu này xứng đáng được đánh đổi. Xóm làng, ngôi nhà, vườn tược trôi tuột lại phía sau. Và đứa con gái… Rất cố gắng, chị mới thôi thảng thốt. Cha ghé một chợ nhỏ đầu xóm kinh, biểu chị lên mua một ít củ cải muối đem theo. Người vừa khuất trong tiệm tạp hóa, cha cười. Chị em chúng tôi mãi mãi không quên cái cười đó, nó vừa dữ dội, đau đớn, hoang dã, cay đắng, nghiệt ngã. Cái cười thật dài, riết lấy khuôn mặt cha, làm mắt cha hơi lồi ra, ánh lên như có nước. Cha quăng đồ đạc của chị lên bờ vung vãi. Và nổ máy cho ghe đi.
Có ai chờ chúng tôi, trên những cánh đồng khơi ?

6.
Trời đất ủ dột nhìn mưa vào mùa. Thằng Điền kiếm được mấy cây ô môi nhỏ, nó rủ tôi trồng. Chúng tôi dầm mưa, lấy mũi dao đào thành mấy lỗ con con, rồi đắp đất ém gốc lại. Cái cảm giác mà cha tôi đã từ bỏ là yêu thương, che chở cho một sinh linh (yếu ớt, nhỏ bé) nào đó thật ngọt ngào. Điền biểu tôi chặt sậy cắm quanh, sợ mấy con vịt ăn trụi lá, với lại, bờ đất này rất nhiều người qua lại, không khéo là bị dẫm bẹp. Hai đứa ngồi nhìn công trình của mình, bỗng buồn, không biết mai này còn có dịp quay lại coi tụi cây này lớn lên, để trèo lên hái trái, để giăng cái võng, ngủ một giấc đã đời.
Chị em chúng tôi nảy ra nỗi thèm muốn, khao khát được trồng cây từ khi rời Bàu Sen, vì biết chẳng bao giờ quay lại sống - bình - thường. Dường như chúng tôi nhớ, nhớ cồn cào. Nỗi nhớ bao gồm được chạy chơi trên cái vuông sân mọc đầy vú sữa đất, được tự mình trồng cây gì đó, có trái, và trái ăn được, ăn rất ngon. Nhưng cái mơ ước nhỏ nhoi là nhìn nó lớn lên cũng mong manh, khi mà đến chưa nóng chỗ đã phải dời đi nơi khác. May là lần này chúng tôi ở Cỏ Úa khá lâu, chăm chút bầy vịt (mới gầy lại) "trơn lông bụng". Thằng Điền một bữa ra coi cây bén rễ, nó bỗng chép miệng, "Ước gì đây là đất - của - mình…".
Tôi cười, điều đó thật xa xôi. Có lần, đi qua xóm, trong một buổi chiều, chúng tôi gặp những ông già ngồi chơi với cháu, thằng Điền đứng tần ngần bên hàng rào dâm bụt, bảo, "Phải chi ông này là ông nội mình, thương đỡ chơi, hen Hai?". Nghe câu đó tôi bỗng thấy mình nghèo rơi nghèo rớt, nghèo đến nỗi không có… ông nội để thương, thèm muốn bên đường. Tôi lắc đầu, bảo thôi, thí dụ như mình lỡ mến người ta, mai mốt dời đi, buồn dữ lắm. Mà, đã ngấm, đã xé lòng toang hoang với nỗi đau chia cắt rồi, chưa sợ sao ?
Sống đời mục đồng, chúng tôi buộc mình đừng yêu thương, quyến luyến bất cứ ai, để khỏi ngậm ngùi, để lòng dửng dưng khi cuốn lều, nhổ sào đi sang cánh đồng khác, dòng kinh khác. Chúng tôi vô định hơn bất cứ người nuôi vịt chạy đồng nào. Vì những cuộc tình của cha tôi, ngày càng ngắn ngủi.
Cha tôi đã có - vẻ - bình - thường, hay nói cười, hồ hởi trong những lúc có người (chữ "người" này không tính hai chị em tôi). Nhiều lúc tôi không giấu được thảng thốt, cứ nghĩ mình đã gặp lại cha - của - ngày - xưa. Nhiều lúc tôi ngồi trông người trong xóm đi thăm lúa ghé qua chòi, lúc ấy, cha sẽ kêu, "Nương à, nướng mấy con cá khô, cha lai rai với mấy bác…". Em tôi cũng sướng ran xách chai ra tiệm mua rượu, nó khoái chí nghe cha gọi, "Điền ơi! Điền…". Vui được chút đó thôi, khi khuất bóng người, chị em tôi đắng đót nhìn cha hao hao người đóng tuồng vừa trút lớp. Xanh xao, lạnh lẽo đến ngơ ngác và cô đơn.
Không, lúc chỉ một mình, cha tôi đáng sợ hơn thế. Cha giống như con thú trở về tổ sau khi no mồi. Con thú nằm mơ màng nhấm nháp lại hương vị của miếng mồi, và ngẩm ngợi thòm thèm con mồi kế tiếp. Có lúc sự vật lộn làm vết thương cũ của con thú đau, nó liếm láp vết máu, và tôi hãi hùng nhận ra chỗ đau ấy cứ rộng thêm ra. Đôi khi tôi nhớ người đàn bà ở Bàu Sen, nhớ bóng người xấp xãi, ngơ ngác chạy theo chiếc ghe sáng ấy. Chắc chị đã quay lại, đón đứa con gái về, móc quần áo trở vô tủ. Có hề gì, rồi chị sẽ yêu một người khác, nhưng mãi mãi, chị không quên nỗi ê chề bị bỏ lại bên đường (bằng chứng là ba cha con chúng tôi có quên được đâu). Với những đàn bà sau này, cha tôi tính toán rất vừa vặn, sao cho vừa đủ yêu, vừa đủ đau, vừa đủ bẽ bàng, và bỏ rơi họ đúng lúc. Có người vừa bán xong cái quán nhỏ của mình. Có người vừa nói xong những lời dứt tình với chồng, con. Có người vừa phủ phàng chia xong gia sản, có cô gái sắp về nhà chồng, củi to củi nhỏ chất thành giàn ngoài chái... Hết thảy đều cun cút tin và yêu. Cha mang họ đi một quãng đường vừa đủ để người ở lại nhìn rõ chân dung của sự phản bội, sau đó người đàn bà bị hắt lên bờ.
Con đường quay về bị bịt kín.
Cha không tốn nhiều công sức cho việc chinh phục (Những người đàn ông quê mùa đã tự tay đẩy người đàn bà của mình đến với cha, bằng nhiều cách. Họ thích uống say, họ thích dùng tay chân để tỏ rõ uy quyền. Mệt nhọc làm lụng trên đồng, người đàn ông đã trở nên khô cằn, có khi cả đời, họ không nói với phụ nữ một câu yêu thương tử tế. Họ không biết vuốt ve, âu yếm, khi

cần, họ lật cạch người phụ nữ ra và thoả mãn, rồi quay lưng ngủ khò). Sẽ còn bao nhiêu người nữa được cha tôi cho nếm thử niềm đau kia, tôi tự hỏi mình khi nhìn người đàn ông vào tuổi bốn mươi, quyến rũ từ cái cười, từ câu nói, ánh nhìn thăm thẳm, ngọt ngào. Trời ơi, trừ chị em tôi, không ai thấy được đằng sau khuôn mặt chữ điền ngời ngợi đó là một hố sâu đen thẳm, bến bờ mờ mịt, chơi vơi, dễ hụt chân.
Nên mỗi lần cha nhìn đăm đắm và mỉm cười với một người đàn bà mới chúng tôi lại thắt thẻo. Thêm mối tình đau trước cả ngày thứ nhất (mà chị em tôi không cách nào ngăn được). Tôi có cảm giác cha quắp lấy người ấy, vùi mặt vào da vào thịt, ngấu nghiến mà lòng cha lạnh ngắt. Thằng Điền cay đắng, “Cha làm chuyện đó thì cũng giống như mấy con vịt đạp mái…”. Tôi nạt, “Đừng nói bậy…”.
Nhưng tận đáy lòng, tôi cũng nghĩ, cha hơi khác con - người. Nhạt nhẽo hơn cả việc quan hệ theo mùa, theo bản năng, trong cha tôi không còn một chút cảm xúc nào, nét mặt tràn ngập những rắp tâm, chưa gặp mặt đã tính chuyện phụ phàng.
Cha đẩy chúng tôi trượt dài vào nỗi thiếu thốn triền miên. Mỗi lần rời khỏi một nơi nào đó, thật khó để phân biệt, chúng tôi bỏ đi hay chạy trốn. Chúng tôi đánh mất cái quyền được đưa tiễn, được xao xuyến nhìn những cái vẫy tay, được nhận vài món quà quê như buồng chuối và hương hay bó rau ngót cắt trong vườn, cùng lời dặn dò quyến luyến, “Đi mạnh giỏi nghen…”. Chị em tôi hết sức cố gắng để sự giận dữ, chán chường của mình không bùng cháy. Chúng tôi cho vịt ăn thật xa trên đồng, vạ vật ở đó từ sáng tới chiều. Gió hoang liêu trên đồng không làm lòng hai đứa nguội lại. May ra, gió chỉ thổi khô nước mắt lúc nào cũng ri rỉ trên mặt em tôi.
Tôi không còn muốn chữa mắt cho Điền. Bởi Điền khóc suốt (giống hệt tôi), dù vẻ mặt nó rất bình thản (tôi cũng vậy, khác là nước mắt tôi khô rốc trong lòng). Hai đứa tôi đều kỳ dị, đến mức nhiều khi tự giật mình.
Có lần, hai chúng tôi ngồi trên một bờ đất, xung quanh đấy những người thợ gặt đang ăn cơm. Nắng giữa trưa nóng rát. Tôi nói, chỗ khác có nắng dữ dằn vầy không ha. Thằng Điền nói, mùi cá kho quẹt thơm dễ sợ. Ừ, tôi gật đầu, nhưng cái mùi nghèo quá. Vậy mùi gì giàu, thằng Điền hỏi vặn lại. Tôi cười, thịt kho tàu. Rõ ràng hai đứa tôi có cãi qua cãi lại, vậy mà sau đó một người thợ gặt tỏ vẻ ngạc nhiên, “Hai đứa bây ngồi chù ụ cả buổi trời, không nói câu nào, vậy mà cũng chịu nổi sao?”
Thằng Điền cười, “Ủa, tụi mình hỏng nói tiếng – người!?”. Tôi nhận ra nó không hề máy môi, tôi đọc được những ý nghĩ trong Điền. Ở đó, đang có bão tơi bời, gió quất điên cuồng vào trái tim nhỏ chi chít vết đau. Thằng Điền nổi loạn.
Dấu hiệu bắt đầu từ một bữa trong xóm đê, tình cờ ngó đôi chó nhảy nhau, thấy các chị đang phơi lúa kêu ó ré lên, tôi rủ Điền giả đò nhắm mắt (trò này cực kỳ trẻ con, vì ai cũng mường tượng mồn một tư thế động tình của hai con chó). Thằng Điền phì cười, nó kêu lớn, “Hai, coi nè…” rồi cầm đoạn cây xông đến quất đôi chó tới tấp. Hai con chó kêu la thống thiết, hoảng loạn, xà quần trong đám bụi đất. Đau đớn cùng cực, chúng rúc vào chân đống rơm, nhưng không chịu rời nhau. Con đực phục đầu sát đất, rên rỉ, nước dãi chảy ròng. Không chạy hả. Bốp. Không chạy nè. Bốp. Thằng Điền gào lên. Cây trúc giập nát. Tôi giữ tay Điền lại bảo, “Ác với tụi nó chi vậy, cưng”, thấy nước mắt bê bết trên mặt em tôi.
Ngay từ lúc ấy, tôi đã muốn chạy về và nói với cha "Thằng Điền bị sao rồi, cha ơi...". Tôi sợ, hoảng loạn khi phải chứng kiến một mình.
Thằng Điền biết là tôi đã nhìn - thấy - cái - gì - đó, nó chua chát cúi đầu. Điền chối bỏ niềm vui được trở thành một người đàn ông thực thụ. Nó tự kìm hảm bản năng trỗi dậy mạnh mẽ ở tuổi dậy thì bằng sự tất cả sự miệt thị, giận dữ, căm thù. Nó phản kháng bằng cách trút sạch những gì cha tôi có, cha tôi làm. Giẫy dụa đến rã rời, nhiều bữa, nó dầm mình dưới ao đến khi người tái nhợt. Nó chạy như điên trong đêm, trên những bờ ruộng mướt cỏ đến khi mỏi nhừ, gục xuống. Rồi nằm xoãi trên đồng, tả tơi.
Không phải vậy, không phải vậy Điền ơi, tôi muốn kêu lên, tiếc là sự thất học khiến tôi không diễn đạt được bằng lời. Tôi không chắc lắm, nhưng dục tình và xác thịt không xấu xa, không

đáng bị khinh bỉ, không phải là nguyên nhân đẩy chị em tôi đến cuộc sống này với những đổ vỡ này…
Điền mười sáu tuổi, nó có thể mãn nguyện nằm bên tôi, dái tai để mặc tôi mân mê. Điền đã lạnh ngắt. Nó dửng dưng nhìn những đứa con gái làm cỏ lúa, quần xoắn cao, đùi non mởn. Đôi lúc bắt gặp những đôi người quấn nhau giữa các chòi ruộng hay lùm cây, nó khinh khỉnh cười khào. Nó điềm nhiên nói cái giọng hơi run rẩy nhưng rất mỏng và dịu dàng, “Hai, thôi đi. Em đâu có sao, buồn làm chi...”.
Tôi cười, nói ờ. Nhưng muốn nghỉ buồn cũng không đơn giản. Phải rất lâu, tôi mới nhìn Điền một cách bình thường, tôi cố quên chuyện của nó, tưởng tượng bây giờ nó mới chín mười tuổi gì đó (cái hồi hai đứa như cây kiểng còi, thằng đuột như nhau, thằng Điền hay bắt chước đái ngồi).
Và tôi chợt nghĩ, sự bất thường của Điền, chẳng qua nằm trong chuỗi rất dài của sự trừng phạt. Điều đó lý giải cho việc thiên nhiên ngày càng trở nên hung dữ hơn, khắc nghiệt hơn. Bằng những sấm chớp, gầm gừ, dường như trời đất đã nín nhịn nhiều, cuồng nộ bắt đầu rồi đây. Có lần, tôi lấy cao su gói lại mớ mùng chiếu, nhìn mưa thè cái lưỡi ướt nhão nhớt vào lều, khoái trá nếm từng tấc đất, tôi tự hỏi, không biết chỗ khác (chỗ không có chúng tôi) có mưa nhiều như vầy không. Ý nghĩ đó xuất hiện triền miên trong đầu tôi, rằng trời chỉ trút mưa, trút nắng ở nơi chúng tôi dừng chân lại. Nỗi bẽ bàng của những người đàn bà bị cha tôi bỏ rơi (và cộng thêm niềm đau vỡ của những người quây quanh họ) đã thấu qua những tầng mây.
Và dường như cách giao tiếp ngấm ngầm của tôi và Điền cũng trong chuỗi bất thường, nó làm cho mối quan hệ với cha thêm rời rạc. Những bữa ăn nối tiếp nhau trong im lặng. Lúc và cơm, tôi hay bị ảo giác, tưởng mình đang ngồi trên cánh đồng của chín năm trước. Một cánh đồng miên viễn với gió lắt lay những khói nắng héo xèo, một nhúm mây rất mỏng và rời rạc bay tha thẩu trên cao. Đường chân trời mờ mờ xa ngái. Một vài gò mả loang lổ dưới chòm trâm bầu. Tiếng chim kêu nhỏ từng giọt thiu thỉu. Mùi rạ mới quyện với bùn tanh tanh. Bầy vịt rúc đầu vào nách, ngủ ơ hờ dưới bóng cây tra treo từng chùm bông vàng tuyệt vọng lay như những chiếc chuông câm. Cảnh không đổi, người cũng không, cứ ngồi ngoáy mãi vết thương cũ, nhỏ nước mắt.
Giống như mấy cái mả ngồi, thằng Điền nhận xét. Vừa may, một bữa trưa nắng rập rờn trên nách rạ, chúng tôi cảm nhận được những tiếng nói lao xao. Thằng Điền thảng thốt, "Tụi mình ba trợn thiệt sao, Hai ?" khi nhận ra đó là tiếng của... vịt. Tôi cười, hớn hở. Thế giới của vịt mở ra. Không ghen tuông, hờn giận, chắc tại cái đầu vịt nhỏ quá nên chỉ đủ cho yêu thương. Tôi thôi thắc mắc vì sao cả bầy trăm con chỉ cần mười, mười lăm con vịt trống.
Đắm đuối với loại ngôn ngữ mới, chúng tôi chấp nhận để cho người ta nhìn mình như những kẻ điên (miễn là tạm quên nỗi buồn của cõi - người). Chị em tôi học cách yêu thương đàn vịt (hy vọng sẽ không bị đau như yêu thương một - con - người nào đó). Nhưng nhiều khi nhìn thằng Điền dõng tai coi mấy con vịt nói cái gì, tôi giật mình, nuốt một họng đắng, tự hỏi đã đến nỗi này sao, đến nỗi chơi với người thấy buồn, nên chuyển qua chơi cùng vịt. Đêm nào cũng vậy, cũng rón rén, từ tốn, hai chị em thắp một ngọn đèn giữa chuồng, để lúc bọn tôi ra, chúng nhìn, biết không phải người lạ, không xao động. Vừa nhỏ nhẻ lấy trứng, tôi vừa hát một bài hát bâng quơ, đôi chỗ vì hạ giọng thấp mà hụt hơi. Bầy vịt nhạy cảm khủng khiếp, sau này, tôi cố sửa lại những chỗ hụt hơi ấy, chúng nhận ra ngay, và nhìn tôi với vẻ ngờ vực, "Ủa, phải con - người hôm trước không ta ?". Một con vịt đui khịt mũi, cười, "Nó chớ ai, giọng có khác, nhưng rõ ràng là tiếng trái tim nó. Quen lắm. Chập chờn, thút thít, đòng đưa như sắp rụng... "". " Có nổ hôn đó, cha nội?" "Sao không, mấy người thử đui đi rồi biết". Bất giác, tôi nhắm mắt để nghe lại tiếng tim mình.
Nhưng sự trừng phạt tính toán cũng vừa vặn, vừa đủ vui, vừa đủ thương, quấn quýt, nó lại đứng sau lưng và cười nhạo chúng tôi.
Gió chướng trở ngọn, trên những cánh đồng ủ ê tin buồn. Chúng tôi nghe được một cụm từ lạ, dịch cúm gia cầm. Những người nuôi vịt chạy đồng cười khào, “Chậc, mấy con vịt chết gió, mấy

ông nhà nước nói cho quá…". Hôm chính quyền thông báo tiêu huỷ tất cả các bầy đàn, họ xửng vửng kêu lên, "Trời trời, bộ hết chuyện giỡn sao, mấy cha ?"
Chẳng ai giỡn cả. Người ta dùng ý tưởng của Tào Tháo thời Tam Quốc, "thà giết lầm còn hơn tha lầm", dồn tất cả vịt trên cánh đồng lại và đào hố chôn. Thằng Điền mếu máo :
- Mấy ông ơi, vịt tui sân sẩn, có bệnh tật gì đâu…
Một người càu cạu :
- Sao cậu biết ?
- Rõ ràng tụi vịt nói với tui.
Mọi người cười ha ha, bữa nay vui quá chừng. Họ bắt đầu trùm kín mình bằng những bộ đồ đi mưa. Họ rải vôi trên những hố chôn lớn bằng mấy khẩu đìa cộng lại. Họ tọng những con vịt còn sống, còn giãy dụa, còn gào thét vào bao tải, buộc miệng và quăng xuống đó.
Đám nuôi vịt chạy đồng tụm lại ở một chỗ, cúi mặt vào lưng nhau. Họ xót của, tiếc tiền, họ cảm nhận được sự kiệt quệ, đói nghèo đang vây bủa. Lần rủi ro này (của cái nghề lắm rủi ro) thật khốc liệt.
Cha tôi ngồi riêng biệt ở một bờ đất và đốt thuốc ngó trời, điệu bộ hơi dửng dưng. Với nỗi đau sâu hoắm sẵn trong lòng, thì những biến cố khác chẳng qua như một vết xước nhỏ ngoài da, nhằm nhò gì.
Hình ảnh đó, nét mặt đó làm cho tôi tuyệt vọng. Mà, lúc đó, tôi đang chết điếng, sao tôi lại nhìn về phía cha ? Vì tôi muốn cầu cứu (như những đứa trẻ con gặp chuyện giật mình, hay buột miệng gọi má ơi hoặc cha ơi!)? Vì tôi thấy mình không thể chịu đựng được tiếng gào khóc thê thiết của những con vịt bị vùi sâu dưới lòng đất ?
Mất nửa ngày những cái hố mới được lấp đất đầy. Xuyên qua những lớp đất bầy nhầy, tôi nghe vịt - của - tôi vẫn còn thoi thóp, chúng đau đớn vì những cái cổ gãy, rối quặt quẹo, chúng hỏi nhau vì sao tụi - người - ta lại ác. Rồi thinh lặng. Trong cái im ắng đến rợn người, tôi nhận ra tiếng của con vịt mù, có lẽ vì không sợ tối, nên sự sống kéo dài.
Rồi ánh sáng nhập nhoạng cuối ngày loang lổ đổ xuống, tôi và Điền khóc hức, cảm nhận được cái thở hướt ngắn dần, ngắn dần của con vịt sau cùng. Và nín bặt. Và tan hết. Chỉ còn gió cười từng tràng dài... Tôi tiếc thôi là tiếc sinh linh nhỏ bé đã thấu được tim mình.
Sáng sau, người ta tìm được một người chăn vịt nằm sát mép hố, mắt chong chong ngó trời không chớp, miệng sủi ra thứ bọt, trong vắt như bọt cua nhưng hôi nồng nặc. Chai thuốc trừ sâu lăn lóc cạnh đó đã cạn tới giọt cuối cùng. Sống thì khó chứ chết sao mà dễ.
Tôi đứng nhìn, tiếc rẻ, ủa, cái người nằm sóng xoài kia, sao không phải là chúng tôi ?
Sự báo ứng dường như đang ở rất gần.

7.
Tôi bắt đầu hối hận vì đã cứu chị và mang chị đi cùng. Có cảm giác chúng tôi nắm tay kéo chị lên khỏi một vũng lầy để đẩy chị vào một vũng khác, cũng sâu.
Chị xuất hiện không đúng lúc. Cha tôi có dấu hiệu mệt mỏi. Đàn bà, với cha, càng trải nghiệm càng chán chường. Càng gieo rắc càng đau. Vết thương cũ mở miệng toang hoác, không da thịt nào có thể lấp đầy. Cha không chấp nhận cả những người phụ nữ mà ông kỳ công chiếm đoạt (của người khác), thì sao ông có thể tin tưởng ở sự hiến dâng ?
Vậy đó, cuối cùng chị hiểu được tại sao cha tôi lại phớt lờ mình. Tôi và Điền buộc phải kể câu - chuyện - của - chúng - tôi để chị không phải ray rứt gì với thân phận làm đĩ. Những ký ức chắp vá, đứt đoạn được chúng tôi kể khá chậm, một phần vì đã lâu không dùng cách giao tiếp bằng lời, một phần do vài chi tiết khiến chúng tôi phải dừng câu chuyện lại, vì thấy nhói ở đâu đó hay đợi chị thôi khóc. Thí dụ như cái đoạn kể về kỳ kinh nguyệt đầu tiên của tôi. Máu chảy giữa hai đùi không tạnh được, tôi thụp xuống, bụm chỗ ấy lại. Máu từ từ chảy qua kẻ tay, tôi thấy mình rỗng ra, tái nhợt, chết dần. Thằng Điền vói bứt đọt chuối, tọng vào miệng nhai ngốn ngấu, điên dại, để lấy bả rịt lại chỗ máu. Thuốc gò nghe nói cầm máu rất tốt, cũng chẳng ăn thua. Hai đứa nhìn nhau khóc, tôi đã mơ thấy ngôi mộ của mình, như chiếc giường giữa bốn bề đồng nước...

Chị mếu máo vít đầu tôi vào lòng, “Trời ơi, tội hôn. Lúc đó cha mấy cưng ở đâu ?”. Tôi ngơ ngác, không biết, nhưng dù cha có ở gần ngay đấy thì chúng tôi cũng chẳng thể cầu cứu. Đã nói là chị em chúng tôi phải tự học đủ thứ rồi mà. Những gì không biết, chúng tôi thử. Những gì không hiểu, chúng tôi chất thành khối trong lòng. Nhiều khi thấu đáo được một điều nào đó, chúng tôi phải trả giá cao.
Có lần chúng tôi thả vịt nghỉ khúc kinh có bóng cây. Bỗng nỗi xấu hổ vì mình là con người xộc lên mũi sặc sụa, khi tôi phát hiện ra chúng chẳng bao giờ cưỡng đoạt và gạt gẫm nhau. Khoảng thời gian trước khi con trống trèo lên con mái rất thật, mềm mại, êm đềm... Tuyệt không có gì là thô tục. Tôi sững sốt. Thằng Điền sững sốt. Trời ơi, khác với những gì chúng tôi biết (qua cha tôi, má tôi), trong sự hoan lạc (của những con vịt) đầy ắp thứ gọi là tình - yêu. Điền chới với, nghi hoặc lan ra như một vòng sóng. Và khi chị xuất hiện, thì trong nó chỉ còn nỗi ân hận giày vò.
Điền yêu chị, nhưng tình yêu đó khiếm khuyết mất rồi. Sau giấc ngủ dài, bản năng nó đã không trở dậy. Trái tim nó chỉ là hòn than nhỏ, không thể hâm nóng lại cơ thể ngã màu tro. Sợi dây xúc cảm như lối đi lâu lắm không người lui tới, cỏ dại mọc bít mất, đường đứt, cầu gãy...
Mà, kiểu yêu tinh thần để nhìn nhau, để nắm tay, vuốt tóc, để nín nhịn và hy sinh chỉ tồn tại trong văn chương. Chị cần nhiều hơn, nhiều hơn, nhiều khủng khiếp, tưởng như chị có thể ngốn ngấu, bào mòn tất cả đàn ông trên thế gian này. Lúc đầu là kiếm sống, nhưng lâu dần, sự chung đụng của thể xác làm chị nghiện. Thằng Điền tuyệt vọng.
Tôi cảm giác sự đổ vỡ khi Điền đuổi theo chị, và chị thì chạy theo cha.
Một cuộc đua rã rượi, chẳng đến đâu. Chúng tôi còn phải dành sức cho cuộc mưu sinh dưới nắng như tát lửa. Cha quyết định bán bầy vịt đi. Ba người, mỗi lần xách vài ba con, chúng tôi chia nhau đi dài xóm để bán lẻ. Nhưng cách ấy chẳng cho kết quả nhiều, nắm con vịt ốm nhằng trong tay, xương ức gò ra bén ngót cũng đã đoán được. Thêm nữa, mùa giáp hạt kéo dài, nhiều nhà chạy gạo còn gay, thịt vịt trở nên xa xỉ. Ti vi thì vẫn đang ra rả về dịch cúm, những người biết chút đỉnh, rụt đầu, “Ăn vịt đặng lây bệnh chết à ?”.
Chúng tôi mang lũ vịt trở về, con đường dẫn lên đồng rập rờn hoa mua tím. Cũng theo lối này, vài hôm sau, ông trưởng ấp dẫn theo một cán bộ xã xồng xộc đến chỗ chúng tôi.
Tôi vừa sợ, vừa biết ơn những người như thế này. Họ làm cho chúng tôi cảm thấy bớt hoang dã, làm chúng tôi hiểu rằng, ngay cả trên những cánh đồng hoang liêu nhất thì chúng tôi vẫn bị ràng buộc bằng hàng vạn luật lệ. Nhưng đồng thời họ luôn mang tai họa đến. Dường như sự trừng phạt đang núp sau hai khuôn mặt bị nướng dưới mặt trời, bóng nhẫy, tươm mỡ. Họ phơ phởn nói bằng thứ ngôn ngữ buồn cười (bọn chăn vịt chúng tôi chẳng khi nào dùng những chữ chỉ thị, loại trừ tận gốc hay giải quyết dứt điểm...). Thật đơn giản, khi nói “các người phải huỷ bầy vịt”. Cha tôi cáu kỉnh gật đầu. Tôi và Điền kêu lên một tiếng buốt, ôi, những bạn - bè của chúng tôi sắp bị chôn sống nữa rồi.
Cái nhìn chị chảy theo nước mắt của thằng Điền, chị khẽ bảo, không sao đâu, mấy cưng. Chị đon đả, chèo kéo hai người đàn ông lạ về phía mình, “Mấy anh thương em với, nỡ nào để cả nhà em chết đói”. Một người càu cạu :
- Ở trên lịnh xuống tụi tui cãi sao được.
Nụ cười đong đưa, tung tẩy trên khoé mắt, thì em có bảo mấy anh cãi ai đâu, mấy anh giả đò không biết, không nhìn thấy bầy vịt của em là được rồi. Dễ ợt... Thằng Điền bệu bạo cắn răng, nó tự kìm nén bằng cách siết vai tôi đau nhừ. Cách đó năm bảy bước, giọng nói của chị vẫn lướt như một dòng gió đầy hơi nước, thấm dịu lại hai khuôn mặt (cố tỏ ra) cứng đơ. Một người nuốt nước miếng, ánh nhìn ham muốn như mũi kim thò ra khỏi bọc, lơ láo. Mắt ông ta lột trần chị, và toan tính một thoáng. Người còn lại có vẻ thú vị, háo hức như sắp được xem một vở cải lương hay. Chị thấu hiểu đàn ông đến nỗi, ngay lập tức chị ngó về phía chúng tôi, ngầm báo, cuộc thương lượng (về một sự đổi chác) đã kết thúc rồi.
- Hai anh cứ về trước, chút nữa, em lựa mấy con vịt tơ đem lại cho các anh lai rai. Nhà anh Năm đây em biết chớ sao không, đi tới đâu, em cũng coi mặt thổ địa trước chớ...

Nụ cười chị chợt mỏi mê mỏi nhừ. Có một chút tàn nhẫn, một chút man rợ trong cuộc thương lượng này. Hai người đàn ông quay vào xóm, không quên với lại một câu, nửa đe nẹt, nửa xuề xòa, “tụi tôi nể vợ anh...”. Cha tôi cười hết sức độ lượng, ôi những thằng trẻ con...
Chị vò đầu thằng Điền, bảo “chuyện nhỏ thôi mà, đi bắt vịt dùm chị, nhỏ cưng”. Và hướng cái nhìn sâu nhói về phía cha tôi, rất chậm rãi, chị thay áo, lấy nón, xỏ dép... Thời gian dằng dặc. Tôi biết chị chờ, hy vọng. Tôi biết, đi một quãng xa, chị vẫn còn dõng tai đợi một tiếng gọi, “quay lại đi, Sương”. Nhưng chỉ gió ngêu ngao xoi mói vào mảng thịt sau tà áo người phụ nữ đang xiên xiên trên bờ cỏ rập rờn.
Chị về khi trăng rạng rỡ trên đầu (mãi sau này, tôi vẫn còn ghê sợ cái màu trăng ấy). Ống quần quệt vào cỏ ướt đẫm sương. Hơi rượu quyện với mùi thuốc lá làm tôi chạo chực. Nhác thấy hai chị em tôi ngồi thù lù, chị kêu lên, trời đất, hai cưng chờ chị chi vậy. "Chị... làm đĩ quen rồi, mấy chuyện này nhằm bà gì mà mấy cưng buồn?". Rồi khom người nhìn vào chòi, chị chắc lưỡi tấm tắc, " Coi nè... Trời ơi, bữa nay bộ gió mát sao mà người ta ngủ ngon dễ sợ". Chao, tiếng ngáy của cha tôi sao mà đều, sao mà thơ thới. Tôi chực khóc, ngay lúc này đây, dường như chị - đang - chết. Chị lẹ làng lấy tay quệt lên mắt, mảng nước nhoè nhoẹt bên màng tang, bết cả vào mớ tóc mai.
Sáng sau, gặp ở quây vịt, cha tôi cười, hơi giễu cợt, "Sao, hồi tối vui không? Chắc họ tưởng cô là vợ tôi nên hứng thú lắm hả ? Cứ để họ nghĩ vậy... ". Chị ngó trân vào cha, rồi day qua tôi, chị để rớt từng lời :
- Má cưng ác một, nhưng người cha này của cưng ác tới mười.
Nói rồi, chị quay đi. Chân vướng dấp dúi vào cỏ. Con đường nhỏ dầm chan trong màu hoa mua tím. Tôi đắng đót thầm trong lòng một cái vẫy tay. Bóng người khuất trong vườn. Thằng Điền xách nước về, nó cuồng lên hỏi chị đâu. Tôi chỉ con đường kinh xao xác hoa cỏ dại. Em tôi chạy hồng hộc về phía đó.
Điền, cũng không trở lại.
Tôi đã chờ nó đến khi mùa mưa đổ xuống cánh đồng Chia Cắt (tôi tạm gọi vậy) một trời sao. Chờ chơi vậy, chứ tôi biết Điền chẳng quay về. Tôi nhớ nó (và nhớ chị) không thôi. Những lần dọn cơm tôi hay lấy chén đũa cho cả bốn người. Cha tôi rất khó chịu, ông ngán ngẩm đứng dậy. Tôi ngồi một mình, chan nước vào chén cơm như chan nỗi trống trãi khủng khiếp. Đi qua những xóm kinh chộn rộn ánh đèn, tôi thường ngóng lên bờ mong có thể gặp được thằng Điền và chị. Không biết em tôi có đuổi kịp chị, hay vẫn tiếp tục kiếm tìm. Không biết nó đã đánh thức được bản năng, đã tìm thấy nhục cảm, đã biết thèm muốn chưa. Không biết tối nay thằng Điền có được mệt nhoài úp lên chị, hay vạ vật ở đâu đó, bên vách buồng (hay một tấm ghi-đô bằng vải), đau vật đau vã nghe hoan lạc chảy thành những dòng rên xiết, kêu thét. Không biết nước mắt của nó đã khô chưa hay vẫn rỉ từng giọt như máu tươi.
Tôi nhớ Điền, bao gồm nhớ một đồng - loại (và tôi là đồng - loại còn lại), nhớ một cách trò chuyện (đọc thấu lòng nhau), nhớ một người nghe được tiếng tim mình (điều này thì con vịt mù làm được, nhưng nó đã chết rồi), và nhớ một người che chở (công việc này, đáng lẽ là của cha, má tôi). Tôi biết ơn Điền, từ một gói băng trắng mà Điền mang về hôm tôi mười bốn tuổi, bảo thứ này dùng khi có kinh nguyệt, nó sẽ ngăn không vấy máu ra quần. Điền đi hỏi ai đó, nó nói, máu không cầm được cho đến khi nào tự nó ngưng chảy. Điền xót xa khi thấy tôi trổ mã con gái, "Đẹp làm chi dữ vậy, Hai ? Ở cái xó quê này, có đẹp mai mốt cũng phải lấy chồng, đẻ một bầy con nheo nhóc, cũng ra ruộng ra vườn làm lụng đến hết đời, xẹp lép như xác ve. Đẹp, mắc công giữ...". Điền dặn tôi đừng xoắn quần quá cao, đừng mặc áo quá rộng cổ... Với bọn đám thanh niên lúc nào cũng kiếm cớ lãng vảng, Điền giang tay bọc lấy tôi, nó giễu cợt, "Anh kia, lượm con mắt lên, anh nhìn vậy, chị tôi mòn còn gì". Đám người cụt ngòi, tẻn tò dạt ra. Ngay cả khi Điền bỏ đi cùng chị, nó cũng để lại cho tôi một món quà lớn.
Cha bắt đầu có một chút quan tâm với tôi. Dường như chỗ trống của thằng Điền nhắc cha nên quý những gì còn lại. Bắt đầu từ một đêm, cha đứng đằng xa, bảo, "Nương, ngủ sớm đi!", tôi nghe mắt mình cay, ngợp như ai đó tọng một đám khói vào mặt. Mắc cười, câu nói chẳng ý

nghĩa gì lớn lao, những người cha người mẹ nói với con họ hàng ngàn lần, đến phát bực mà tôi lại xốn xang.
Tôi ước gì có thể chếnh choáng thật lâu, nhưng nó mau chóng tắt rụi vì một ý nghĩ kỳ lạ. Dường như không còn kịp nữa, để hàn gắn sự đổ nát, để sắp xếp những mảnh vỡ lạo xạo trong lòng.
Chúng tôi tập nhìn nhau, điều đó khó khăn biết bao. Nhất là với cha, tôi cảm nhận được sự cố gắng lớn. Mỗi lần ngó về phía tôi, ông phải trợn trạo nuốt nghẹn những cảm xúc, vì tôi giống má khủng khiếp.
Không cần gương, tôi thấy hình bóng má trong mắt người đối diện. Trước ánh nhìn của cha, tôi cảm giác mình soi xuống dòng nước đêm. Với những người đàn ông khác, tôi bị rực lên như đứng trước mặt trời. Bằng mắt, họ sờ soạng khắp người tôi. Ánh mắt giống bàn tay của ông xẩm mù mà tôi từng gặp, đụng chỗ nào cũng dừng lại, vuốt vuốt bóp bóp (chắc là cho dễ hình dung), rồi lần dò tới một chỗ khác, rờ nắn mê miết. Và tôi đón nhận một cách hằn học, cục cằn. Hôm bán bầy vịt, cha tôi sắm một chiếc nhẫn vàng, ông đẩy nó về phía tôi, ngượng ngập như sắp chết giấc, "Để dành khi đi lấy chồng...". Tôi sặc ra một bụm cười, trời ơi, tôi biết lấy ai bây giờ ?
Suốt những tháng năm sống tù đọng trên đồng, tôi có biết ai ngoài những người đàn ông quê mùa cũ kỹ. Tôi biết lấy ai trong số đó ? Lấy một người cắm mặt xuống đất, mệt nhừ với vườn ruộng để mỗi khi giáp hạt, tôi nghe tiếng cạo cháy của con, tiếng muỗng dừa vét gạo dưới đáy thạp mà rát bỏng trong lòng ? Hay tôi sẽ chọn một người chăn vịt, mê mỏi với chuyến đi xa, sống cuộc sống hờ hững tạm bợ, thấp thỏm với rủi ro, và đến một lúc nào, tôi ôm con nghe đêm của mùa gặt thật dài với tiếng rúc rích của chồng cùng cô điếm già nua. Tôi lấy ai bây giờ, một người thợ gặt ? Một anh chạy đò ? Ý nghĩ mình là bản sao của má làm tôi sợ. Tôi không chắc mình có đủ kiên nhẫn sống cuộc sống nghèo túng, nhàm chán ấy suốt đời, hay nửa chừng bỏ dỡ. Và bi kịch chất đống lên những người ở lại.
Cha tôi hơi hoảng. Vậy đó, chỉ cần để ý một chút, là có thể nhận ra, xót xa vì sự quái dị, khác thường của tôi. Cha tôi vừa kịp nhìn thấy điều ấy, bối rối đến mức không biết diễn tả sự đau lòng như thế nào, bằng mặt, hay chỉ âm thầm trong lòng. Mà có đau, dường như cũng trễ...
Cái ý nghĩ đã muộn màng, trễ tràng, không còn kịp nữa như một cái rốn nước sây hoáy, điên cuồng hút tôi vào, cảm thấy mọi nỗ lực của cha trở nên vô nghĩa, tôi nghĩ vậy. Tôi nghĩ đến sự trừng phạt, sự báo ứng bất chấp trời im ắng như đã nguôi quên chuyện cũ rồi. Bây giờ, đang vào mùa đẹp nhất trong năm.

8.
Bây giờ, gió chướng non xập xoè trên khắp cánh đồng Bất Tận (tên này tôi tự dưng nghĩ ra). Ven các bờ ruộng, bông cỏ mực như những đường viền nhỏ liu riu làm dịu lại mảng rực vàng của lúa. Rất thính nhạy, (như kên kên ngửi được mùi xác chết), đám thợ gặt đánh hơi kéo đến, những người nuôi vịt chạy đồng lục tục ở đằng sau.
Những cánh đồng trở thành đô thị; những cánh đồng ngoa ngoắt thay đổi vị của nước, từ ngọt sang mặn chát; những cánh đồng vắng bóng người, và lúa rày mọc hoang nhớ đau nhớ đớn bàn chân xưa ngẽn trong bùn quánh giờ đang vất vơ kiếm sống ở thị thành. Những cánh đồng đó, đã hất hủi cây lúa (và gián tiếp từ chối đàn vịt). Đất dưới chân chúng tôi bị thu hẹp dần. Nhưng ngay từ đầu, chúng tôi đã tự làm quẩn chân mình, vì không thể quay lại những cánh đồng cũ (với người quen cũ). Tôi đã từng trở ngược về những nơi đó theo cách của tôi, bằng mường tượng. Tôi gặp nhiều đứa trẻ tên Hận, tên Thù mang khuôn mặt rắp tâm của cha tôi, với đôi mắt sâu và chiếc mũi thẳng. Những đứa trẻ nhàu úa, cộc cằn, cắm cẳn, chỉ tiếng chửi thề là tươi rói, nhảy ra xoi xói ở đầu môi. Và hình ảnh đó thật đến nỗi, tôi bất giác lùi lại vì một đứa đang nhìn trân trối vào mình, ngạo nghễ "Tao không thích học, chừng nào lớn, tao đi chăn vịt. Má tao (hoặc ba tao) dặn, phải đánh chết tụi chăn vịt kia".

Tôi giễu cợt, không biết mày có kịp lớn không. Và nó nhăn nhở cười trước khi tan mất vào vũng đêm.
Tôi không mất nhiều thời gian để hiểu được cái cười ấy.
Đơn giản là ngay bây giờ, trên cánh đồng này, cũng đang lảng vảng những thằng Hận, chúng lớn hơn, cũng thất học, hung hãn. Bọn người này cướp vịt ở các bầy khác (trong đó có của chúng tôi) bằng cách lén phết sơn đen lên đầu những con vịt và phơ phởn đến nhận chúng là của mình, hiển nhiên mang đi. Bắt đầu xảy ra vài cuộc xô xát trên đồng, người ta đem hết những bản năng hoang dã của mình ra để giành lại miếng ăn.
Cha biểu tôi đứng ở đằng xa. Chờ đợi. Rốt cuộc, bầy vịt của chúng tôi vẫn mất ngót một nửa. Chúng tôi ra về. Cha tha thẩu đằng trước với một thân xác nhừ bùn sau cuộc đánh nhau. Cố đi tụt lại phía sau, tôi giấu nỗi vui đang thổn thức, cồn cào. Sẽ không ra gì nếu một đứa gái tỏ ra mừng rỡ khi cha nó bị đánh tả tơi, nhưng rõ ràng là cha tôi đang thay đổi, đang sống lại những cảm xúc bình thường nhất. Tôi thích ông như thế này.
Sau này, tôi luôn hối tiếc là tại sao ngay lúc ấy không chạy đến và cùng sóng bước cùng ông, tại sao tôi không nhìn ông và mỉm cười. Để khi đám người kia cắt đồng, tôi đã không còn cơ hội.
Ba người họ ập tới từ phía sau, quây lấy tôi, quần áo vẫn đẫm bùn, mặt mũi sưng sỉa. Những thằng con trai hơi ngỡ ngàng, khi nhìn thẳng vào tôi, một đứa gầy gò trạc thằng Điền lau dãi ròng rãi trên khoé miệng, thảng thốt, "con nhỏ đẹp quá, mày".
Tôi coi đó là lời phán quyết cho mình. Giọng điệu của hắn giống như đang tấm tắc trước một món hàng đã mắt.
Và món hàng bị ghì ngửa trên mặt ruộng bì bỏm nước. Tôi ngạc nhiên thấy bầu trời im sẫm. Mênh mông. Không biết đã tắt nắng hay mặt trời không vói được ánh sáng đến nơi này ? Hay những khuôn mặt nghèo đói, dốt nát tăm tối đã che khuất nó ? Ngoái nhìn về phía cha và thấy ông lầm lũi đằng xa, tôi mong ông đừng quay mặt lại. Sau đó thử chống cự một lần, rồi thôi, sự vùng vẫy chỉ kích thích lòng ham muốn. Tôi không muốn bị đè nghiến, bị vùi nghẽn trong bùn.
Bọn chúng hơi khó chịu trước một đứa con gái yếu ớt và câm lặng. Sự hưng phấn giảm đi ít nhiều, đến nỗi, chúng tỏ ra đờ đẫn, nghi hoặc khi bóc trần tôi ra. Sao đúng lúc vầy nè, tôi buồn nẫu nê, tôi vừa le lói nhìn thấy con đường dẫn đến cuộc - sống - bình - thường, tôi vừa nghĩ, trên con đường đó, sẽ gặp người con trai nào đó để thương yêu... Nhưng cố không để cảm giác đau tiếc làm mình lịm vào chết, tôi cười cợt, “Chúng mày có lột bỏ có trăm có ngàn, tầng tầng lớp lớp những vỏ bọc, cũng chẳng bao giờ thấu đến tận tao”. Ý nghĩ đó làm tôi bớt nhói cho nông nỗi này.
Vậy thì, cha ơi, quay lại làm gì, tôi than thầm khi nghe tiếng chân ông nôn nả, giận dữ lỏm thỏm trên mặt nước. Cha tôi lao vào, gầm gừ nắm cổ một tên bật ngửa ra đằng sau như một người cố cất cái vó sông nặng nề, đẫm nước. Tôi khóc. Vì thấy ông đã kiệt sức, hoàn toàn. Và tôi buộc miệng thất thanh : “Điền! Điền ơi!” trước khi một tên ghí đầu ông dập xuống bùn.
Tiếng gọi ấy làm cha đau đến sững sờ, ông rướn ngước mặt về phía tôi, miệng há hốc. Tôi chực hiểu, ngay lập tức hối hận tràn đầy, trong ý thức cầu cứu, một bản năng đơn giản nhất, đứa con gái đã quên mất người cha.
Thằng Điền thì ở xa. Cánh đồng vắng ngắt, chấp chới vài cánh cò. Tôi biết rằng, không có cái gì làm cho cuộc chiếm đoạt này dừng lại. Cha không chấp nhận điều đó. Ông liên tục vùng vẫy. Một tên côn đồ ối lên một tiếng, bụm lấy mắt, vừa kêu rên vừa chửi bới ngậu xị. Không đánh trả, nó có cách trừng phạt khác, nó đè nghiến, giữ cho mặt ông hướng về phía tôi. Và bọn chúng thay phiên nhau, giữ cho cha chỉ một tư thế đó.
Mắt cha tôi ầng ậc nước, tôi không rõ là phèn hay máu nhoèn nhoẹt. Thôi nghen, ông trời, như thế này là đủ rồi, đừng thêm nữa. Ước gì cha tôi hiểu, để mà thanh thản, xưa rày, cái gì không biết hai chị em cũng đã thử, đó là một cách tự học để sống. Chỉ có sự giao tiếp giữa thân xác là tôi chưa từng trải qua.
Nhưng lúc này, cảm giác thật đơn điệu. Đầu tiên là sự xé toạc, và từ rách nát, đau đớn như lũ kiến cánh được giải thoát, chúng bò rân khắp thân thể, tôi thấy mình đang chết. Rồi ký ức ùa về

kinh hãi, vẻ mặt má tôi cái hôm bị người đàn ông bán vải đo lên người hình như không phải là khoái lạc thăng hoa, nó giống như tôi bây giờ, đau ràn rụa, nhói tận chân tóc. Trời ơi, tại sao tôi không nhận ra điều đó, ngay lúc ấy (để giấu kín nỗi ám ảnh trong lòng, giả đò tươi cười với má, xem như không có chuyện gì, để chiều chiều cùng má ra sông, hỏi nhau, không biết chừng nào thì cha về)
... Mặt trời le lói ánh sáng trở lại khi trên đồng chỉ còn hai thân thể nhàu nhừ. Ai đó vãi từng chùm chim én lên cao, chúng cố chao liệng để khỏi phải rơi như lá. Người cha cởi cái áo trên người để đắp lên đứa con gái. Ông ta bò quanh nó, tìm bất cứ cái gì để có thể che cơ thể nó dưới mặt trời. Dường như đứa con gái đang chết, chỉ đôi mắt là rưng rức chớp mở không thôi. Câu đầu tiên nó hỏi :
- Không biết con bị có con không, hả cha ?

Nó hơi sợ hãi. Cảm giác một cái gì, nhỏ xíu nhưng lanh lợi như con loăn quăn đang ngụp lặn trong nó. Đứa con gái thoáng nghĩ, rớt nước mắt, trời ơi, có thể mình sẽ sinh con. Nhưng nó chấp nhận việc ấy, dù phũ phàng (với nó, chấp nhận cũng là một thói quen).
Đứa bé đó, nhất định nó sẽ đặt tên là Thương, là Nhớ hay Dịu, Xuyến, Hường... Đứa bé không cha nhưng chắc chắn được đến trường, sẽ tươi tỉnh và vui vẻ sống đến hết đời, vì được mẹ dạy, là trẻ con, đôi khi nên tha thứ lỗi lầm của người lớn. /.

***

Dòng sông tật nguyền

Bây giờ đang là cuối đông, những trận gió mùa tràn về dứt từng chiếc lá cuối cùng trên cây bàng già nua bao năm đứng trân trân chịu trận bên bờ sông. Cây bàng có từ bao giờ tôi cũng không biết, nhưng quanh năm suốt tháng, mỗi khi từ đồng về, người ta lại đem bầy trâu buộc vào mấy cái rễ trót mọc lồi lên trên mặt đất.

Chỗ đất buộc trâu lúc nào cũng nham nhở, nhầy nhụa, lở loét, khai và khăn khẳn mùi phân. Những ngày nắng ráo còn đỡ chứ phải ngày mưa không một ai dám đặt chân vào, đất ở đấy sủi bọt lục bục như lỗ trạch lòng mương nước. Từ những vũng trâu đằm, mùi khai, thối, bốc lên theo gió loang xa cả một vùng sông nước. Rồi nước từ những vũng trâu đằm ấy chảy xuống sông, hòa vào nước mặc người đôi bờ hì hụi gánh về đổ bể lấy nước ăn. Những ngày như thế, cha thường bắt tôi chèo thuyền ngược lên hướng thượng nguồn mới cho nồi lửa nấu cơm.

Mùa hè, từ mờ sáng cho đến nửa đêm, lũ trẻ trâu tóc cháy đỏ hoe râu ngô, người ngập ngụa mùi bùn tanh nồng trèo đầu cưỡi cổ, vặt lá bẻ hoa, lần theo mấy cái cành đua ra mặt nước, hò nhau nhảy xuống. Đôi khi lũ trẻ nhoai người hái bàng chín, gặp phải cành yếu, rơi từ trên cao xuống, máu mũi, máu miệng chảy đỏ ngoe đỏ ngoét theo nước lẫn vào màu da đen cháy. Đối diện phía bên kia bờ là bến nhà tôi, nơi cha tôi thường neo thuyền lại nghỉ ngơi sau mỗi lần đi xa về. Nói là bến nhà tôi cho oai chứ thực ra chả của ai cả, chẳng qua là thuyền nhà tôi thường về đậu ở khúc sông này, lâu ngày thành quen rồi tiện mồm cứ gọi thế cho dễ nhớ, dễ hình dung. Tôi không thể nào nhớ nổi tôi đã đi bao nhiêu con sông trong vùng đồng đất mà người ta cứ cho đó là vựa thóc của đồng bằng sông Hồng. Ai muốn gọi thế nào cũng được vì nó chẳng ảnh hưởng gì đến cuộc sống nhà tôi.

Bản thân tôi cũng không có nơi sinh chứ nói gì chỗ cắm sào là của mình. Biết mình không có nhưng ai hỏi vẫn phải nói có. Nhiều khi tôi nghĩ, khổ nhất ở đời này rõ ràng không nhưng cứ tự nhận mình có, nếu không nó thèn thẹn, xâu xấu thế nào ấy. Những chuyện như thế, cha tôi nghe thấy, nếu ông đang ngồi thường nhấc đít lấy tay phủi phủi mông kiểu người ta phủi bụi,

còn đang đứng, thế nào ông cũng chạy ra mui thuyền vạch quần đái rồi khạc nhổ quá bằng có cục đờm to đút nút lấy cổ.

Năm nay trời lạnh cá cũng không chịu đi ăn đêm, và khi người khôn của lại hiếm. Cứ như hiện nay, các loại cá sông có đẻ hằng đêm thì cũng khó mà duy trì được giống. Để đánh bắt con người không từ bỏ một thủ đoạn hay phương pháp nào. Trước kia, những gia đình sống bằng nghề sông nước tuy không ai quy định nhưng mọi người đều ngầm thống nhất các loại vó lưới dày mau không dùng vì còn để cá lớn. Nhưng nay thì khác, vó lưới dùng loại dày, rồi kích điện, đánh mìn, hóa chất. Cộng thêm vào tệ đánh bắt không cần biết hậu quả về sau, thuốc sâu từ đồng ruộng chảy xuống, nước thải từ các nhà máy công nghiệp chảy vào, từ các khu dân cư vô tư đổ đến. Một thời sông trong trẻo, thơ mộng cho những ai yêu văn thơ tha hồ sáng tác, còn nay sông một màu đùng đục xam xám đen tang tóc. Hầm cá trong lòng thuyền nhà tôi ngày xưa lúc nào cũng nhung nhúc, chiếc sạp lát sàn đêm đêm cá quẫy nước bắn ướt đầm phải lên mui mới ngủ được, còn bay giờ hôm nào nhiều chục con, ngày ít hai ba con.

Ngày ấy, khi cá còn dễ đánh bắt, kho nấu cá bao giờ cha tôi cũng chặt vứt bỏ khúc đầu, đuôi chỉ lấy khúc giữa. Ông thường bảo tôi rằng, ở đời ăn uống từ đầu chí cuối mất cả phần con cháu, đồ phàm phu tục tử, không đáng sống. Mặc ông nói thế nào tôi cũng kệ, thực ra tôi nghĩ chẳng qua là do ông làm nghề chài lưới, kiếm con cá con tôm không vất vả khó khăn như những người khác nên thế thôi.

Mà lạ lắm, tất cả các món ăn chế biến từ cá ông thích nhất là món kho mể. Món kho mể chẳng có gì cầu kỳ phức tạp, người làm cá chỉ mỗi việc mổ cá, để nguyên cả máu rồi cho vào nồi đất, đổ nước xăm xắp cho lên bếp đun, bao giờ cá chín nhừ là bắc ra ăn, múc cả khúc cá với nước cá kho còn nóng nghi ngút khói. Nước kho cá chan cơm ăn còn ngon gấp mấy lần nước mắm đầu nong đầu nia, nước mắm cất. Thích thế nhưng dẫu có ngon đến mấy, ông chỉ ăn một bữa còn lại đem đổ hết xuống sông, không bao giờ để lại ăn bữa thứ hai. Có một lần tôi thấy cá ngon, tiếc của giời đem cất đi tối lấy ra. Vừa nhìn thấy, ông chẳng nói chẳng rằng quăng luôn cả nồi cá xuống sông, xong chửi, bảo tôi là đồ khốn, giống hệt tính cái con mẹ đẻ ra tôi. Những gì ông không thích, những khi ông bực, ông lại chửi tôi như thế. Lúc ấy tôi rất sợ, nghe giọng ông chửi, tiếng rít qua kẽ răng, người tôi cứ co rúm lại, chân tay tự nhiên run bần bật, không thể nhúc nhắc, chẳng khác gì người ta đem dây trói chân trói tay tôi lại.

Tối qua trước khi đi ngủ cha tôi nói như giao hẹn:

- Sáng mai nhổ neo, liều liệu tính toán cơm nước mà đi sớm - Ông lầm bầm - Cứ thế này rồi không có cả cứt mà đổ vào miệng.

Chả cần biết mọi người có nghe thủng việc không, ông lấy vò rượu, đổ đầy bát tô, uống cạn một hơi rồi chui vào khoang thuyền trải chiếu nằm ngủ.

Nghe ông nói, tôi hãi im thin thít làm theo, không đám ho he gì. Cô Hến cũng thế, cun cút dọn dẹp các thứ cho vào cái hòm đựng đồ bằng sắt tây đã hoen gỉ. Biết tính ông chỉ nói một lần, không nhắc lại, sáng nay mọi người dậy sớm để chuyển thuyền lên khúc sông trên.

Tôi quên không nói, nhà tôi hiện tại có ba người. Tôi, cha tôi và người đàn bà cha nhặt ở bến Trầm, còn người đàn bà sinh ra tôi đã bỏ dòng sông cùng những chuyến phiêu bạt gió sương đi đâu không rõ. Việc bà bỏ tôi và cha ra đi có một phần lỗi thuộc về tôi, còn cha tôi, từ ngày bà bỏ đi, cứ uống rượu là ông chửi mặc dù không hề nhắc đến tên ai nhưng tôi biết, người ông nguyền rủa, thâm thù, cay đắng không ai khác chính là bà, người được ông nhặt lên từ mó bỏ mồi cá ngày nào. Cũng sau ngày bà bỏ đi, đến bến nào, nghỉ ở khúc nào, miễn là nơi chiếc

thuyền có thể cắm sào, gặp người đàn bà nào có thể nhặt được là ông nhặt. Rồi như con thuyền, cắm sào một chốc một lát nhổ neo đi, người đàn bà ông nhặt ấy sau một vài ngày cũng bị ông vứt trả lại bờ không thương tiếc.

Mờ sáng tôi dậy thu xếp chài đem buộc lên cái cọc cắm ở đầu thuyền như cây nêu để phơi, công việc này trước đây là của mẹ tôi, còn bây giờ, tất cả những người đàn bà kia, những người ông nhặt sau bà đều không được làm. Khi tôi lụi cụi phơi chài, cô Hến hì hụi nhóm lửa phía cuối thuyền thổi cơn. Tôi đang đứng trên mui giũ chài thì thấy loảng xoảng rồi tùm tũm xoong nồi, rổ rá và cả chiếc kiềng gang ba chân theo nhau rơi xuống sông. Đuổi theo tiếng đồ vật rơi là tiếng chửi của cha tôi, tiếng chửi nhằm nào cô Hến chứ không vô chủ như mọi lần, lời chửi gay gắt và độc địa.

- Đồ ngu, nhóm bếp thế thằng bố mày ngủ được à. Không biết làm sao gì hơn việc cong tưỡn cái mông lên hay sao?

Khốn nạn. Sự khốn nạn đến tận cùng, nhưng người đàn bà cha tôi nhặt trên bến sông Trầm vẫn không hé răng nói lấy một lời, cô nhẫn nhịn chịu đựng, nem nép chui qua khoang nhà thuyền ra phía đầu mũi ngồi lặng lẽ lấy vạt áo chấm chấm mắt. Khổ quá, ở thuyền sáng mai ra đàn bà con gái không bao giờ được ra mũi thuyền ngồi, vừa ăn chửi xong lại ra đấy không chừng vớ cái đạp lộn xuống sông bây giờ. Nghĩ thế tôi bỏ dỡ công việc len lén tụt xuống kéo cô lên mui ẩy về cuối thuyền trong khi cha tôi chui lại khoang trùm chăn ngủ tiếp. Cô Hến không biết rằng, khi ngủ, bao giờ bố tôi cũng cắm hai sào, một phía mũi, một ở cuối để phòng khi đêm trở gió thuyền không xoay ngang xoay dọc làm mất giác. Sáng ra, khi nấu cơm phải nhổ sào tháo dây phía cuối thuyền để cho thuyền ngược hướng gió thì khói mới không vào khoang.

Vì không biết nên cô Hến đã để khói bay vào khoang, mà khoang nhỏ thì có khác gì hun chuột. Bài học vỡ lòng đời thuyền không xong chắc không sớm thì chày cô Hến lại được cha tôi vứt lên bờ như những người đàn bà khác.

Những người đàn bà đi qua cuộc đời cha tôi đều là những người ông nhặt được trên sông và trên bờ từ nhữmg chuyến đi kiếm ăn lênh đênh sông nước. Người đàn bà đầu tiên và cũng là người sinh ra tôi là người ông nhặt được từ một mó bỏ mồi cá.

Người làm nghề chài lưới trên sông không phải ai cũng có nghề như nhau mà thực ra mỗi người, mỗi vạn chài có một nghề riêng. Có người cả đời sông nước chỉ sống độc một nghề thả câu, có người buông lưới, có người quăng chài, có người đi te hay đóng đăng, đóng túi. Cũng như cha tôi, cả đời chỉ có một nghề đánh chài mò. Trong các nghề sông nước, nghề chài mò là nghề vất vả nhất.

Người làm nghề chài mò phải có sức khỏe, khả năng lặn sâu, lâu, chịu được sức ép của nước, ai không có sức khỏe làm nghề này rất nguy hiểm đến tính mạng. Đã có một vài người tưởng nghề chài mò dễ kiếm ăn lao vào, hôm trước hôm sau phải bỏ vì không chịu được. Độ sâu để đánh chài mò thường phải từ hai mét trở lên. Mỗi khi quăng chài, người đánh phải lặn xuống, dùng chân dận cho bốn xung quanh mép chân giềng chài ngập sâu vào bùn mà phải làm nhanh nếu không cá sẽ theo mép chân giềng chui ra ngoài. Người chịu được không sao, người nào yếu, khi làm xong việc đó, lúc nổi lên mặt nước ộc máu mồm máu mũi, nếu ai chảy máu tai coi như cầm chắc cái chết.

Trước đó, người đánh phải lặn xuống sông lấy tay hoặc chân gạt lớp bùn non, đào một cái hố sâu (gọi là mó) khoảng hai mươi đến ba mươi phân, rộng bằng cái thúng lồi bỏ mồi vào. Mồi để đánh thường làm bằng cám rang, trộn với thóc, phân người tươi, phân trâu bò và các loại xác

giun, cào cào châu chấu. Sau khi đã trộn các loại đó với nhau, người la lại đem trộn với bùn rắn hoặc đất thật cho thịt nhuyễn rồi chia ra thành nhiều phần, mồi phần to bằng cái ấm chuyên pha trà bỏ xuống một mó.

Ngày còn bé, mỗi khi cha tôi làm mồi thường bắt tôi phải ị vào cái vại sành để lấy phân trộn mồi. Hôm nào không muốn đi phải rặn đến đỏ cả mặt nổi gân nổi guốc. Những lần như thế ông thường chửi tôi là đồ toi cơm, vô tích sự rồi đuổi tôi ra và kéo quần ngồi luôn vào đấy làm công việc cung cấp nguồn nguyên liệu làm mồi. Mà cũng lạ, cái giống cá chép sông sao thích loại mồi có phân người tươi thế không biết. Mồi gì thì mồi, có làm thơm đến đâu mà không trộn phân tươi là không hấp dẫn được nó.

Năm ấy mùa đông như kéo dài hơn, rét nhiều hơn, cá mú dường như cũng ít hơn và con người sống cũng ít tốt hơn. Âëy là theo cha tôi nói thế chứ tôi lúc đó còn đang ở bờ tre gốc dứa nào chưa biết. Sau khi đã uống cạn bát nước mắm trước khi xuống nước, ông quăng chài, nhưng chả hiểu sao, đáng lý phải quăng chài bẩy, nghĩa là chài dài sải ba (bẩy thước bắc bộ, mỗi thước bốn mươi phân, chài bẩy chiều dài bằng hai mét tám) ông lại quăng chài chín. Vì chài chín quá dài, cá dễ lặn xuống bùn chui qua giềng ra ngoài nên ông quăng chài xong sực nhớ ra vội vàng xuống sông ngay.

Sau khi lặn dận chân giềng ông có cảm giác không có cá, vì như mỗi lần, khi lặn dận chân giềng là thế nào cũng chạm cá sao ra. Giống ca chép, khi bị động thường tìm một chỗ bùn lõm để ép mình vào đó tránh. Đánh chài mò, quăng chài xong phải xuống dận chân giềng để cá khỏi ra ngoài và cũng là để cho cá rúc xuống chỗ chân vừa đi, chính chỗ đó đã có các túi lưới, cá vào đó rồi thì không thể nào ra được. Đấy cũng chính là thói quen chết người của bầy cá chép sông, cứ tưởng tránh được cái chết ai ngờ tự chui đầu vào chỗ cho người làm thịt.

Linh tính mách bảo thế nào, nếu như mọi lần, sau khi lặn dận chân giềng xong thường phải lên thuyền ngồi chờ mươi mười lăm phút, đợi cho cá rúc chân giềng mới xuống mò thì ông lại xuống mò ngay. Lặn mò hết cả một vòng chân giềng không thấy cá lao ra động chân giềng ông bèn lặn vào kiểm tra mó mồi. Và ông đã thấy người đàn bà sau này sinh ra tôi nằm cuộn tròn trong mó. Chẳng nghĩ ngợi gì, ông để chài đấy đưa bà lên bờ, dốc ngược hai chân vào vai, đầu chúc xuống đó chạy huỳnh huỵch mấy vòng.

Tuổi thơ của tôi là những ngày lênh đênh sông nước, nay đây mai đó, không có điểm dừng. Nơi cha tôi thả mồi và nhặt được bà từ mó cá không bao giờ ông cho thuyền về đó đậu. Đêm đêm ngày ngày tiếng cá quẫy lòng thuyền là niềm vui của gia đình, nhiều khi cái âm thanh tù túng, vây hãm của bầy cá trong khoang làm tôi toét miệng cười. Tiếng cười, nét mặt tôi khi đó như thế nào không rõ nhưng mỗi khi như thế tôi thường nhăn mặt có vẻ khó chịu. Năm tôi lên bảy tuổi, có một lần mẹ rắng với cha.

- Con nó năm nay đến tuổi đi học rồi đấy, ông xem gửi con vào đâu cho nó học kiếm cái chữ kẻo rồi lại vất vả cả đời như cha mẹ, nó lại oán trách sau này.

Vẫn giữ nguyên nét mặt đầy khó chịu, cha bảo, giọng rít qua kẽ răng.

- Thằng bố nó không học có chết đâu, vẫn sống nhăn răng ra đấy thôi. Học vào rồi mà nứt mắt tý tởn. Không ăn mới chết chứ không có chữ chưa thấy ai chết bao giờ.

Nghe ông nói, nét mặt mẹ đang tươi như hoa bỗng xịu xuống chẳng khác gì gặp trận gió quét, rũ xuống, bã bời, tơ tướp. Không phải đi học tôi càng thích. Tôi nhảy cẫng lên, để nguyên cả

quần áo tôi lao rầm xuống nước, lặn một hơi bơi ra rõ xa mới ngoi đầu lên. Túm tóc đuôi gà bết nước cuốn chặt lấy cổ. Mẹ tôi thấy thế giấu mặt vào sau tay áo.

Cuộc sống nhà tôi cứ thế, đều đặn diễn ra. Sáng mẹ lấy vợt xúc cá dưới khoang thuyền mang đi chợ bán đong gạo, mua rau dưa, dầu đèn và các thứ linh tinh khác. Chiều cha làm mồi rồi chờ chập choạng mang ra bỏ mó, đợi khi trăng lên hay gió nổi hây hẩy, mẹ chèo thuyền cha đứng đầu mũi nhẹ nhàng lướt đến chỗ chiều cha bỏ mồi. Bao giờ mũi thuyền cách mó bỏ mồi chừng sải tay, mẹ dựng mái chèo cho thuyền đứng lại. Cha trên đầu mũi, hơi xoay, vặn người về sau rồi cũng rất điệu nghệ, ông tung chiếc chài lên nở bồng trên mặt sóng, đường chân giềng đã được kẹp chì bung đều vòng tròn, chụp xuống chỗ đã bỏ mồi.

Tiếng chân giềng chạm mặt nước chỉ nghe cái rụp. Chỉ bằng một cú quăng ấy lũ cá trót dại vào ăn trong mó khó lòng thoát khỏi bàn tay của cha. Trong khi chân giềng chìm dần từ mặt nước xuống chạm lớp bùn dưới đáy, nếu là mùa đông, cha bưng bát nước mắm đặc sánh uống một hơi rồi nhẹ nhàng như con rái cá ông lao xuống sông. Bao giờ đường chân giềng chắc chắn đã được giấu sâu trong bùn khi đó mới thấy ông ngoi lên mặt nước.

Mỗi lần quăng như thế cha thường phải lặn lên lặn xuống từ năm đến sáu lần. Một đêm, cha thường bỏ ít mười mó, hôm nào thấy có nhiều tăm ông làm mười bốn mười lăm mó. Những hôm như thế, tiếng cá tranh phần nước lấp sấp trong lòng khoang thuyền lục cục cả đêm. Và tôi phải lên trên mui ngủ, còn cha tôi sẽ lên trên mũi, mẹ tôi, bà phải xuống ngủ phía đuôi, nơi cạnh bếp để sáng mai cơm nước sớm cho cha và chuẩn bị đi chợ. Chẳng biết có phải vì làm nghề chài mò lặn nhiều hay không mà ngực cha tôi vồng lên, những thớ thịt căng đầy cuồn cuộn những cơ là cơ. Vồng ngực căng đầy của cha tôi theo năm tháng làm nghề chài mò lép dần, lép dần không gì níu giữ được.

Đến bây giờ thỉnh thoảng tôi vẫn ước giá không có cái buổi chiều khốn khó đó thì đã không mất mẹ, cuộc sống của cha con tôi cũng có khi vẫn chung niềm vui ăm ắp tiếng cá quẫy hằng đêm trong lòng khoang thuyền rộn rạng. Mẹ tôi sáng sáng vẫn te tái cơm cơm nước nước lo cho cha và tôi cùng lời nhắc nhở trước khi cắp chiếc rổ lên bờ đi chợ. Rằng hai cha con ở nhà chờ bà chợ về cơm nước, đừng sợ muộn mà tự nấu nướng lấy rồi cả nhà lại phải ăn cơm sống. Và tôi, từ lúc mẹ bước lên bờ sẽ leo lên mui ngồi ngóng bà chợ về mua cho bơ bò hạt dưa người ta nhuộm phẩm nhấm nhắt cho đỏ môi.

Còn cha, bà sẽ mua cho lạng thuốc lào. Nhận gói thuốc từ tay bà, ông vân vê, vuốt vuốt từng sợi, viên viên hạt bi đặt nhẹ nhàng vào chiếc nõ đã được lấy mũi dao nhọn khoét, gọt, gạt những bớn khói thuốc bám đen xung quanh, tay gẩy gẩy chiếc đóm ruột tre ngâm phơi khô, hơ hơ trên miệng điếu rồi hút một hơi thật sâu, tiếng nõ nổ tanh tách. Đoạn, ông ngửa cổ, chụm môi nhẹ nhàng nhả từng sợi khói phơ phất bay mỏng mảnh như dây chỉ trắng lên trời. Cha quay ra khen: Hôm nay bà nó mua thuốc lào của ai mà hút có hậu thế.

Nói có khi chưa xong câu, ông đã nằm quay ra sàn thuyền lơ mơ nghĩ những gỉ những gì không biết và bật cười. Mẹ nghe thế nguýt cha một cái rõ dài, tủm tỉm cười theo. Tôi thuộc lòng chẳng hiểu đầu đuôi thế nào cũng lăn xuống sàn, giơ hai chân lên trời giẫy giẫy cười hùa theo. Đêm ấy không có gió, thuyền nhà tôi cũng bồng bềnh, dập dềnh nô giỡn với sóng, trăng và nước. Ấy là ước giá thế thôi chứ cái cảnh đó bây giờ nó đã quá xa với tôi rồi. Tôi cũng không còn nhớ là đã phải xa nó năm năm hay sáu, bẩy năm gì nữa, xa như tiếng cá quẫy lòng khoang thuyền của cha con tôi bây giờ vậy. Nhiều hôm thấy tôi ngồi bần thần ông chửi.

- Nhớ nhớ nhung nhung cái gì. Cái mặt mày rồi lại như con đẻ mẹ mày, quân ăn cháo đá bát. Loại người gì sống không bằng loài chó. Mà chó nó cũng không bao giờ bỏ con như cái con mẹ mày đâu. Ngồi đấy mà thuỗn cái mặt rặn ỉa ra cho ngứa mắt.

Ông chửi thế tôi phải chịu chứ thực lòng, không phải tôi không có lúc giận mẹ. Cái ngày đầu tiên tôi có tháng, thấy máu tự nhiên chảy ra tôi lo đến thắt gan thắt ruột. Tôi học cách người ta cầm máu, vơ không biết bao nhiêu là lá, nhai rồi đắp đến mỏi cả mồm, căng cả bụng nước mà nó vẫn cứ chảy. Bực mình, tôi phải lấy cả một vạt áo cuộn nút lại mới được. Tháng đầu tiên của người con gái tôi phải mất cả cái áo cánh trắng chĩ chụm chắt bóp mãi mới có được. Cũng may, sau đó hơn tuần cha tôi nhặt được một người đàn bà ở trên bến Sủi, bà đã bảo cho tôi biết. Người đàn bà này cũng chỉ kịp bảo cho tôi biết cách làm thì cha tôi đã lại vứt trả bà lại bờ. Giá tôi có mẹ thì làm sao tôi phải mất oan cái áo như thế, làm sao phải để một người đàn bà lạ hoắc dạy bảo tôi chuyện đó. Những lần như thế tôi giận mẹ lắm, chỉ có điều, tôi giấu cái giận vào trong lòng. Giận thì giận nhưng tôi vẫn nhớ bà nhiều lắm. Giận mẹ một tôi căm thằng chủ cai thầu thợ đấu gấp mười, thậm chí cả trăm lần. Chính nó đã làm tôi mất mẹ và cũng chẳng biết bây giờ mẹ tôi đang phiêu bạt nơi nào. Sau lần ấy nó đã giũ áo bỏ đi để mặc mẹ tôi gánh chịu. Cũng chính nó làm tôi bây giờ nhìn mặt bất cứ thằng đàn ông nào trên đời cũng thấy gian gian, đểu đểu, không thể tin được. Tôi luôn cảm thấy sự khốn nạn ẩn chứa sau vẻ mỹ miều, ngon ngọt, chả biết có đúng thế không.

Năm ấy khúc sông Ghềnh sao nhiều cá đến thế, cha tôi đánh cả tháng mất tăm vẫn sủi lên như bong bóng mưa. Không mấy khi gặp được nơi như thế cha quyết định dừng thuyền ở đấy chứ không như những lần khác, chỗ nào nhiều nhất cha cũng chỉ cắm sào hai đến ba hôm là cùng rồi lại nhổ neo đưa thuyền sang khúc khác.

Theo ông, đánh bắt mãi một chỗ cá chẳng kịp lớn rồi ra chẳng còn cửa mà làm ăn. Sống nhờ cá mà không biết cho con cá kịp lớn, kịp sinh đàn dài lũ thì cũng là quân vô ơn bạc nghĩa. Những chỗ đã đánh bao giờ cha tôi cũng phải đợi hai ba năm sau mới quay lại. Có nhiều khúc sông, khi thuyền nhà tôi quay lại tôi còn không nhận ra nơi ấy đã từng neo đậu vì cảnh vật thay đổi quá nhiều, mặc dù sự thay đổi thường là chán đi chứ chẳng mấy chỗ đẹp lên. Chỗ thì làng mạc tiêu điều xơ xác, cây cối chẳng còn xanh tốt như ngày đến. Chỗ thì bãi lở vào sâu nhôm nhoam, ghẻ lở. Nơi hàng chục chiếc tàu hút cát hùng hục đào bới, tiếng máy nổ rồi khói, váng dầu xả ra đen đặc cả khúc sông. Cái sự mưu sinh của con người cũng ghê gớm, tham lam vô cùng, chẳng biết thế nào cho đủ. Gặp những cảnh như thế, cha tôi thế nào cũng chửi đổng vài câu rồi mới cho chèo thuyền đi khúc sông khác.

Cũng vì nhiều cá cha tôi cho thuyền neo lại lâu nên việc sáng sáng mẹ tôi đi chợ cũng thành thói quen của nhiều người gần bến. Có một lần mẹ cho tôi theo đi chợ. Từ bến đậu thuyền nhà tôi đến chợ cứ theo con đường nhựa chả biết làm từ bao giờ nhưng đến nay nó đã trốc mặt, những hố là hố, có nhiều cái to hơn cả mó bỏ mồi của cha tôi. Hai bên đường, dọc theo con ngòi, người ta thi nhau đẩy thuyền, những chiếc thuyền nan đầy đất quật thành từng ô vuông vức lấp mấy đoạn ngòi. Mẹ bảo tôi người trên bờ đất chật người đông nên không còn đất để ở phải lấy đất dưới lòng các con ngòi rồi quật cao làm nền nhà. Sống mỗi người mỗi nhà nhưng chết phải chung nghĩa địa, cái lý của người trên bờ là thế. Mẹ thở dài.

- Bao giờ nhà ta mới có tấc đất cắm dùi. Sống không có đất ở, chết không có đất chôn.

Nghe mẹ than thở nhưng thực lòng lúc ấy tôi chả hiểu gì chỉ nghĩ nhà tôi cần gì đất làm nhà. Cả nhà sống trên thuyền, ăn nước sông, uống nước sông, sống nhờ sông. Khúc sông này còn cá thì ở, hết cá thì đi, nhổ con sào đẩy một cái là đến chỗ khác. Ở nhà thuyền, mùa hè thì mát,

mùa đông thì ấm, con cá con tôm lúc nào cũng tươi, nhẩy tanh tách chả sướng gấp mấy lần trên bờ phải chen nhúc chật chội hay sao.

Mẹ tôi ước làm gì cho khổ. Nhìn những người lặn ngụp, ngâm mình dưới nước vác từng tảng đất vất lên thuyền rồi lại phải quật cao thành gò thành ụ để làm nhà sung sướng nỗi gì. Mẹ bảo tôi những người ấy là thợ làm đấu. Những người này ăn khỏe lắm, vì thế mới có câu ăn đấu làm khoán. Cả ngày ngâm mình dưới nước nên lúc nào cũng đói. Chả trách cha tôi mỗi bữa ăn bẩy tám bát vẫn kêu đói. Tôi len lén nhìn những người thợ đấu, người nào người nấy vâm váp, bắp tay, cơ ngực cuồn cuộn như dây chão, dây lèo giằng chèo, kéo cột dựng buồm.

Khi hai mẹ con tôi đi qua chiếc lều bạt dựng cạnh đường, nơi có chiếc xe máy mầu đỏ dựng bên cạnh thì có ai đó gọi:

- Này cô chài, có cá tươi bán cho mấy mớ.

Nghe tiếng gọi, mẹ tôi tong tả đến trước cửa lều, đặt rổ cá xuống đon đả:

- Hôm nay em có mấy mớ cá còn tươi lắm. Mấy anh xem mua cả giúp em cho gọn.

Từ trong lều đi ra là một người đàn ông cao ráo, khuôn mặt vuông vức, hàng râu mờ mờ xanh bao kín cả hai bên má xuống cằm. Đi sau anh ta là ba bốn người nữa. Một người trong đám nghe mẹ tôi nói thế cười, sán đến, ngồi xuống bên cạnh.

- Cá của em thì tươi rồi nhưng có lạ không em?

Mấy người đi theo cười hô hố, nhe cả hàm răng to như bàn cuốc, đen thui đít nồi. Mẹ tôi đỏ mặt xấu hổ. Người đàn ông cao ráo có khuôn mặt vuông vức lừ mắt, mấy người kia vội im bặt.

- Cô đừng giận, họ hay đùa tếu táo thế thôi. Hôm nay tôi có nhiều thợ làm. Cô lấy bao nhiêu để tôi mua cả. Cá nhà cô là cá sông, mấy hôm trước tôi mua của cô, kho mặn mà ai ăn cũng khen ngon, thịt thơm lắm.

Giọng người đàn ông nhẹ nhàng, thủ thỉ nghe ấm áp:

- Người xinh thì cá cũng ngon phải không cô. Hôm nào có cá cứ mang đến đây tôi mua cả cho không phải đi chợ bán nữa, vất vả người bán mà cá cũng mất tươi.

Mẹ tôi lại đỏ mặt, lấy tay kéo vành nón giấu khuôn mặt đang hồng lên sau lời khen. Hôm ấy hai mẹ con tôi đi chợ không phải lo bán cá nữa nên có thời gian cho tôi đi chơi, mua sắm các thứ. Mẹ mua cho cha và tôi mỗi người một bộ quần áo mới. Vui quá tí nữa thì hai mẹ con tôi quên đến giờ về nấu cơm trưa. Tôi vui ra mặt, nhảy chân sáo suốt đường về. Còn mẹ, tôi đoán, chắc mẹ cũng vui nên thỉnh thoảng cười tủm, hai má hồng hồng dưới vành nón. Một quãng mẹ lại gỡ nón nhìn nhanh vào chiếc gương nho nhỏ mà người ta khéo léo gài phía trong áp chóp.

Thuyền nhà tôi cắm sào ở lại khúc sông này đã lâu mà nhìn xuống nước vẫn thấy tăm cá nổi lên. Sáng ra, cha bảo mẹ mang hết cá ở khoang chứa đi bán, không cần để dành làm gì, đánh tối nay nữa rồi đi. Mẹ tôi bảo ông đang đánh được tại sao lại đi vội thế. Ông lừ mắt nhìn mẹ giọng chì chiết:

- Cá đánh lắm cũng hết, người ở lâu dễ hư. Ma quỷ yêu quái chẳng qua là ở mãi một chỗ mà thành. Mèo già hóa tinh thành cáo, chó dữ nuôi lâu phát rồ. Đi hay ở cô không phải nói nhiều, tôi khắc biết.

Nói đoạn, ông chui vào khoang lấy bộ quần áo mẹ mua cho hôm có tôi đi cùng mặc vào. Sau khi đã lên bờ ông quay lại nói vọng xuống thông báo ông đi ăn cưới ở vạn chài khúc sông trên trưa nay không về. Ông còn dặn ở nhà hai mẹ con chuẩn bị sẵn mồi chờ ông về để bỏ mó. Mẹ bắt hết chỗ cá đi chợ, còn tôi, mấy đứa trẻ trâu xóm bãi rủ đánh trận giả rồi chơi trò trốn tìm. Tôi lật mấy tấm ván đầu mũi thuyền chui nấp vào trong đó, xong lắp lại như cũ. Tôi nấp ở đây tài thánh cũng không ai có thể tìm được.

Nằm cuộn trong khoang mũi trốn, tụi trẻ xóm bãi rà đi rà lại tìm mấy lần không thấy chúng bỏ đi nhưng tôi nghĩ chúng nó giả vờ để lừa tôi ra bắt nên cứ yên trí nằm trong đó mặc cho chúng nó đi tìm. Đánh trận giả đã thấm mệt bây giờ nằm trốn trong khoang mũi nên tôi lúc đầu chỉ nghĩ lim dim một chút cho đỡ mệt ai ngờ ngủ béng đi mất.

Khi tôi đang ngủ thì thuyền tròng thành làm đầu tôi đập vào khung xương gá ván tỉnh giấc. Tôi chưa kịp lật ván chui ra thì đã nghe thấy tiếng thở dốc của mẹ và giọng nói nhẹ, ấm rất quen thuộc, rằng mẹ làm ông ta mệt quá. Tôi hé mắt qua khe ván, chiếc xe máy mầu đỏ đang dựng bên vệ đê lối xuống bến. Tôi cứ nằm trong khoang mũi chờ cho mẹ mà người đàn ông bước đến chỗ xe máy tôi mới lật ván chui ra, ngồi bệt xuống mặt sàn. Khi mẹ trở lại thuyền thấy tôi ngồi sẵn đó, bà ngồi xuống cạnh hỏi có phải vừa ở trong khoang mũi không. Tôi không trả lời mà tự nhiên òa lên khóc, gạt bà ngồi la xa.

Câu chuyện vỡ lở, tôi tưởng cha sẽ đánh cho mẹ một trận hay phải gầm lên chửi mắng. Nhưng không, cha bắt mẹ đến xin người đàn ông ấy một đồng tiền mà không cần biết tiền to hay nhỏ. Sau khi mẹ mang về đưa cha, ông vuốt cho phẳng phiu rồi cất kỹ vào một chỗ. Cũng từ hôm ấy, ông giặt chài phơi phóng thật khô cho vào chiếc hòm sắt khoá lại, không làm nghề chài mò nữa. Đến bữa, trước khi cả nhà ăn cơm, ông lại lấy tờ tiền ấy ra, đặt lên mâm và bảo tôi, giọng rất nhẹ nhàng nhưng tôi vẫn nhận ra tiếng gió rít nhẹ trong kẽ chân răng:

- Con cứ ăn đi. Từ nay nhà ta không ai phải làm gì nữa, đã có mẹ con đi làm kiếm tiền về nuôi bố con mình rồi.

Một tuần ròng rã, tôi nghe mẹ van xin cha nhưng ông vẫn tịnh như không nghe thấy gì. Mỗi bữa ăn là nước mắt mẹ lưng tròng chan cơm. Rồi một sáng, mẹ cắp rổ đi chợ và không bao giờ trở lại nữa. Đến tối, cha không thấy mẹ quay về, ông chèo thuyền đúng ba ngày ba đêm đưa tôi sang khúc sông khác. Ông làm nghề chài mò trở lại nhưng cũng từ đấy ông đổi tính đổi nết, hay uống rượu và thường đưa những người đàn bà lên thuyền, rồi sau đó một hai hôm ông vứt trả lại bờ. Cá đánh được ông không cho mang lên chợ bán, ai muốn mua xuống bến nói cần con to hay nhỏ, nặng bao nhiêu là ông chui vào khoang, lật tấm ván lát thuyền bắt mang lên.

Bây giờ ngồi nhớ lại, tôi vẫn thấy căm thù mấy đứa trẻ trâu xóm bãi đã rủ tôi chơi trò trốn tìm. Tôi muốn đập nát cái khoang mũi để cho tôi nằm trốn trong đó. Tôi hận với chính tôi đang chơi lại lăn ra ngủ và tại sao lại tỉnh giấc vào lúc ấy. Liệu hôm đó tôi cứ lang thang chơi với lũ trẻ trâu xóm bãi bắt cào cào châu chấu hay trò ném pháo đất thì mẹ có phải bỏ tôi đi như thế không? Và nữa, nếu cha không căn vặn tôi vì sao lại khóc, bỏ cơm không chịu ăn để tôi phải nói cho cha biết? Nếu tôi biết nói dối? Nếu cha không ném đồng tiền năm nghìn xanh lét xuống mâm trước mỗi bữa ăn cùng câu nói mười lần như một thì mẹ có ở lại với cha và tôi không? Mẹ bỏ tôi mà đi có một phần do lỗi của tôi? Mẹ ơi, giờ này mẹ đang phiêu bạt nơi nào. Thương mẹ, nhớ nhẹ, tôi chỉ dám gọi thầm trong bụng.

Có một chiều chỉ có hai cha con ngồi ăn cơm trước khi ông đi bỏ mồi, tôi hỏi.

- Tại sao lại có sông hả bố?

Vừa bưng bát cơn lên và, ông nói giọng còn lụng bụng trong miệng.

- Vì đời sinh ra bố.

Nghe ông nói thế tôi không dám hỏi thêm kẻo bát cơm ông đang bưng lên tay có cánh bay sang mặt tôi. Mấy năm trước, cha tôi cũng nhặt được một người đàn bà trên bờ đưa xuống thuyền. Cô này nói luôn mồm, thấy cái gì cũng hỏi mà hỏi đến cu ty tỉ muội. Một lần cũng trong bữa ăn, cô hỏi bố tôi về chuyện tại sao con sông này có tên gọi là Bo, con sông kia có tên là Mã, con sông nọ có tên là Sứ. Sau mấy câu trả lời ậm ừ, cô ấy cứ hỏi mãi. Chẳng nói chẳng rằng, ông ném luôn bát cơm đang bưng trên tay vào mặt, chửi.

- Miệng thối như cứt mà ăn cơm cứ nói lắm. Bọt phun phè phè ra hết mâm còn ai dám ăn. Cô về hỏi thằng bố cô ấy.

Dứt lời, ông đứng lên bế thốc cô ném thẳng lên bờ, nhổ neo đẩy thuyền đi tịnh không thèm ngoái đầu nhìn lại. Tính ông là thế, không thích lằng nhằng, làm chài thì cứ việc giỏi bỏ mồi bắt cá, ông chúa ghét thói lính canh ngó chuyện triều đình, đầu không ra đầu mà cuối cũng chẳng ra cuối, vạ rách chuyện. Ăn cơm mốc nói chuyện tám thơm. Biết tính ông thế nên tôi thôi. Ừ, thì cứ coi ông là dòng sông đi. Sông cũng có khúc lở khúc bồi, khúc trong khúc đục, có tội lỗi, có tật nguyền như con người trên bờ kia, cũng có kẻ này người nọ, nếu không làm sao mẹ bỏ tôi khi mới hơn mười tuổi đầu mà ra đi cho được.

Để giúp cô Hến nhóm lửa nấu cơm, tôi nhẩy xuống sông mò tìm lại mấy thứ cha lôi vừa quăng xuống nước. Với tôi, không nói khoác, là con gái thật đấy nhưng chuyện bơi, lặn khó có thằng trai trên bờ nào thắng nổi. Có một lần duy nhất trong đời cha nói vui với tôi. Ông bảo tôi sau này lấy chồng, nếu nó léng phéng con cứ lôi nó xuống sông mà dần.

Ăn cơm nước xong cả nhà đang chuẩn bị nhổ sào chuyển đi khúc sông khác thì chả hiểu sao, cô Hến múc nước rửa bát ngã xuống sông. Tôi còn đang mải thu dọn các thứ, sắp xếp cho gọn, vì trong ngôi nhà thuyền rộng năm, sáu mét vuông nếu không biết cách sắp xép thì đến chỗ đặt chân cũng chẳng có. Thực ra công việc này là của cô Hến vì dù muốn hay không cô cũng là người phụ nữ nhiều tuổi nhất trong nhà, thương cô nên tôi làm giúp. Mới lại, không biết cô có tồn tại bên cha tôi được lấy ba bẩy hai mốt ngày không hay lại như những người đàn bà trước đây, lâu thì một ngày, nhanh thì một đêm đã bị ông quẳng lại bờ cùng mấy tờ bạc nhàu nhĩ tanh mùi cá.

Dẫu sao, tôi cũng là người biết tính biết nết của cha và đã quen với sự sắp đặt trong khoảng không gian chật chội này rồi. Mải làm nên khi cô ngã xuống sông tôi không để ý và với những người nhà chài như cha con tôi, ngã xuống sông là chuyện vặt. Rơi xuống rồi thì bám vào thành thuyền mà trèo lên. Người nhà chài có ai chết đuối bao giờ. Còn cha tôi, khi cô ngã ông biết nhưng mặc. Với ông, muốn ở nhà chài thì phải biết tất cả những gì của đời chài cần có, cho dù nó vất vả, khốn khó đến mấy, bằng không, quy luật cuộc sống sớm muộn nó cũng đào thải. Con người ăn, uống vào rồi cũng phải thải ra, không thải ra được sẽ chết. Nhìn thấy cô ngã song ông vẫn ngồi điềm nhiên hút thuốc.

Đời chài động một tí là chạm nước, không những thế, tất tần tật những gì gọi là sự khắc nghiệt của thiên nhiên người chài phải chịu hết. Tắt nắng mưa đến bão gió, người làm chài phải hứng chịu nguy hiểm hơn người trên bờ vì không được nương tựa vào đâu. Rồi hơn thế, vào mùa lũ, người trên bờ làm ầm ĩ lên nhưng thực ra cũng chỉ nói cho to, đứng để xem chứ có làm được gì. Người làm chài thì khác, phải trực tiếp đối diện với nó. Lũ, năm nào chả thế. Lũ đến rồi đi, dăm bẩy lần cũng chả nhằm nhò, hề hấn gì. Lũ là việc của trời, còn chúng tôi, đánh chài bắt cá là việc của chúng tôi. Trời có lúc nắng lúc mưa thế thôi. Để tồn tại được những người sống trên sông nước phải tự thích nghi với cuộc sống.

Ngày mới lên hai, để có thể tồn tại được với cuộc sống sông nước, cha ném tôi xuống sông mặc tôi chìm nổi tập bơi, giẫy giụa quẫy đạp trong nước chỉ đến khi nào sắp chìm mới lấy vợt xúc lên. Những ngày đầu tôi uống căng bụng nước, ông cầm hai chân dốc ngược rồi quay vòng tròn cho nước tháo ra ngoài. Mẹ tôi thắt gan thắt ruột nhưng không thể làm trái ý ông. Một ngày, hai ngày rồi ba ngày, cứ chiều chiều là ông quẳng tôi xuống nước. Lúc đầu chân tay còn quềnh quàng như chó, lũm bũm đập nước để ngoi lên, sau rồi quen dần, tôi tự học được cách bơi như thế nào cho nhanh, cho đỡ tốn sức.

Những đứa trẻ dân chài lên hai phải biết bơi, lên ba đã phải tập chèo thuyền, vá lưới, phân biệt chài năm, chài bẩy hay chài chín. Lên bốn tập nhìn sóng biết gió, nhìn nước biết độ nông sâu. Năm tuổi, nhìn tăm biết cá, biết mưa đi đàn tìm nơi sinh sản. Sáu tuổi, đêm nằm ngửa mặt lên trời biết mai nắng mưa hay bão gió, bấm đốt ngón tay tính được ngày con nước. Bảy tuổi đã trở thành dân chài thực thụ, một mình có thể xoay sở tự kiếm sống, xòe bàn tay chai dày như người làm rèn, đánh búa. Cha bảo tôi, chẳng có trường lớp nào bằng cuộc sống đang bày ra trước mắt, để sống con người phải tự biết làm gì. Kẻ ở rừng phải biết cưỡi ngựa bắn cung. Kẻ làm ruộng phải biết cày, bừa, cấy lúa. Kẻ sông nước phải biết bơi lặn, quăng chài.

Khi chợt nhớ ra cô Hến là người trên bờ làm sao biết bơi như tôi thì cô đã chìm dưới nước không còn thấy cánh tay giơ lên quờ quạng cầu cứu. Từ trên mui thuyền tôi lao vội xuống sông, lúc này chắc cha tôi cũng nhận ra cô Hến không phải người chài, ông phóng mình từ trong khoang lao xuống không khác gì con nhái.

Tôi không nghĩ sau sự việc xảy ra cô Hến lại là người chủ động ra đi mà không cần cha tôi quăng trả cô lại bờ như những người đàn bà khác. Trước lúc đi, cô nói với cha giọng thật nhẹ nhàng mà sao nghe tha thiết lạ:

- Em biết rồi anh cũng ném trả em lại bờ như những người đàn bà khác. Để anh làm điều đó anh vừa mang tiếng mà em cũng chẳng sung sướng gì. Thôi thì, một ngày nên ngãi, em xin đi để giữ tròn điều tiếng cho anh. Trước khi xa anh và con, em chỉ xin nói với anh một điều, hận thù chỉ làm cho con người tăm tối. Rồi còn con nữa, nó sẽ sống ra sao khi cuộc đời chỉ một màu đen của lòng căm giận.

Nghe cô nói cha không có phản ứng gì. Ông ngồi bất động, tay xoay xoay chén nước trà mà cô Hến vừa pha cho. Chén trà đặc, nóng khi uống còn đăng đắng trong cổ, uống xong mới thấy vị ngọt và hương thơm của trà, thói quen, ý thích của cha như hút thuốc lào ngon vậy.

Nói xong, cô đưa tay kéo tôi vào lòng, vuốt nhẹ lên tóc. Vô tình, ngón tay cô vướng vào mấy sợi tóc rối. Cô lấy hai tay giẽ giẽ ra rồi khẽ khàng luồn vào như chải thêm một lần nữa. Tự nhiên tôi ép đầu vào ngực cô. Từ ngực cô, tôi nhận thấy có một mùi rất quen mà tôi đã ngửi thấy lâu lắm rồi, không thể nhớ nổi.

Cô Hến bỏ đi chả hiểu sao cha cũng từ bỏ ý định di chuyển sang khúc sông khác như dự kiến ban đầu. Ông cũng nghỉ làm chài mấy hôm, chỉ ngồi hút thuốc lào và uống nước chè mặc tôi làm gì thì làm. Lấy cớ nhà hết gạo, rau ăn tôi xin phép cha đi chợ mua sắm.

Cắt đường tôi tìm về bến Trầm. Cô Hến đón tôi niềm nở trong ngôi nhà ba gian mái ngói nằm khuất sau rặng tre gai cuối xóm. Ngôi nhà quạnh vắng, âm ẩm, vôi trên các bức tường tróc loang lổ để lộ ra những đường mạch xây lở loét. Ngay chiếc bàn gỗ uống nước kê ở gian giữa khi chạm tay tôi có cảm giác lành lạnh. Tất cả các đồ đạc trong nhà được xếp đặt ngăn nắp chứng tỏ chủ nhân của nó là người chỉn chu và rất sạch sẽ.

Ôm tôi trong lòng mà nước mắt cô rơi lã chã. Nép đầu vào ngực cô, tự nhiên tôi lại bắt gặp mùi quen quen mà tôi đã gặp ở đâu đó lâu lắm rồi còn lưu lại trong tiềm thức. Cô luồn tay vào trong tóc tôi, nhẹ nhàng gỡ những chỗ tóc gió làm rối khi tôi đi đường. Nói cái gì, bảo cái gì cô đều gọi tôi là con. Cô hỏi cha tôi mấy hôm nay như thế nào, sức khỏe ra sao rồi tất tần tật các chuyện ăn uống, sinh hoạt hàng ngày từ khi mẹ tôi bỏ đi đến nay. Mới có ba bốn hôm mà cô hỏi cứ như đã xa cả năm cả tháng. Và tôi không thể tin được những điều cô kể, sự thật đấy nhưng sao nó đến nhanh và bất ngờ quá, một sự thật đến phũ phàng, tàn nhẫn.

Nhà cô có hai chị em. Mẹ cô sinh ra cô thì chết do băng huyết. Bố cô một mình làm lụng nuôi hai chị em đến khi cô lên năm thì ông đổ bệnh và cũng mất. Người chị lên bẩy, người em lên năm phải sống dựa vào sự đùm bọc cưu mang của bà con lối xóm. Thời gian cứ trôi đi, cuộc sống cũng dần dần ổn định khi cả hai chị em đã lớn. Để có thời gian lo toan cho người em ăn học mong sao có ngày ngẩng mặt nhìn đời, chị cô đã từ chối tất cả những chàng trai trong xóm đến cầu hôn. Rồi người em cũng học xong trung cấp sư phạm và lên dạy trên vùng cao.

Người chị ở lại nhà, sau thời gian nuôi em ăn học lúc này tuổi cũng đã lớn. Nhà quê, con gái hai lăm hai sáu tuổi đã chẳng có người con trai nào để ý. Rồi một ngày có một người trai làng bên đến ngỏ lời yêu thương, người chị đã dồn tất cả tình cảm của mình cho người đó. Khi biết mình có mang, người chị nói cho chàng trai đó biết. Không ngờ, khi nghe chị cô thông báo, chàng trai đó đã từ chối và tìm cách lảng tránh. Lo lắng cùng quẫn, sợ điều tiếng, người chị đã bỏ nhà đi đến khúc sông làng bên rồi tự tử những mong rửa sạch nỗi nhục nhã mà đời đang lại. May mắn người chị được

một người làm chài trên sông cứu sống. Nghĩ đấy là duyên phận trời định và cũng để trả nghĩa, người chị đã ở lại làm vợ người đó. Bao nhiêu năm người chị đã phải giấu giếm thân phận và sự thật để sống một cuộc sống không phải của mình. Nhưng rồi vì người đàn ông đó tính tình khô khan, cuộc sống sông nước không có hy vọng, gặp quá nhiều khó khăn lại vô tình gặp một người đàn ông khác, nói năng cư xử không như người chồng, kinh tế lại khá giả được người đó chiều chuộng nên đã sa ngã.

Biết đó là nỗi nhục của cuộc đời, người chị đã cố gắng làm mọi việc mà ông yêu cầu để mong cứu vãn gia đình. Nhưng người chồng đã không tha thứ, mỗi khi đến bữa ăn, ông lại đem đồng tiền mà người vợ ông bắt xin của kẻ đối địch về bỏ xuống mâm. Nhục nhã ê chề, người vợ đã dứt ruột bỏ con ở lại để đi tìm cái chết. Trước khi chết, người đàn bà ấy đã viết thư nói toàn bộ sự việc cho người em đang làm giáo viên trên miền ngược và nhờ cậy cô trông nom con gái và người đàn ông đã cứu sống mình. Thương chị, người em đã bỏ dạy về để đi tìm. Một lần ra bến sông, cô vô tình nhìn thấy người con gái con ông thuyền chài đang tắm có cái bớt đỏ bên vai trái như lời người chị dặn lại. Và cô đã trở thành người đàn bà ông nhặt được ở bến Trầm này. Người ấy chính là cô Hến và người chị không ai khác là người đàn bà mà cha đã nhặt được ở mó bỏ mồi cá ngày nào, người đã sinh ra tôi.

Kể xong cô Hến đưa tôi đến trước tấm gương tủ, kéo vai áo trái tôi xuống. Chiếc bớt đỏ tròn như đít bát nằm ngay đầu xương bả vai trái, chiếc bớt đã có bao năm rồi mà tôi không hề biết. Cô đưa tôi đến trước bàn thờ kéo tấm vải che. Trên bàn thờ có ba tấm ảnh, hai người đàn bà và một người đàn ông. Trong hai người đàn bà ấy có một người là mẹ tôi. Nhìn sâu vào tấm ảnh của bà, hình như bà đang khóc, một vệt trắng mờ chảy dài xuống má. Bất giác tôi gào lên: Mẹ ơi. Tôi ngã quỵ xuống.

Tôi lao ra ngoài, theo cánh đồng trước mặt cắm đầu chạy. Tôi không biết chạy đi đâu, chỉ biết rằng chạy thật xa, xa thật nhanh sự thật mà cô Hến vừa cho biết. Trên cánh đồng đang chờ đổ ải, những thửa ruộng đất phơi nắng vỡ dưới chân, bàng bạc trắng, bước chân tôi trật truội, xiêu vẹo vô định giữa một khoảng không gian mênh mông... Một toán đánh dậm quây tròn, tru tréo như bầy sói săn vớ được mồi. Chúng dẫn tôi xuống triền đê. Tiếng cúc áo đứt, tiếng xé vải áo, tiếng lột quần... Trong ánh sáng nhờ nhờ và tiếng thở đứt quãng, tôi nhận ra có một khuôn mặt đứa trẻ chăn trâu ngày trước chuyên rình, nhìn trộm tôi tắm dưới sông. Có cả mùi máu tanh tanh bọn con trai leo cành bàng ngã rơi xuống sông ngày nào bị gãy tay. Khi tất cả đã mệt nhoài vì no nê, thỏa mãn, chúng hè nhau đứa cầm tay, thằng túm chân ném tôi xuống sông...

Theo dòng chảy tôi trôi xuôi, đôi tay quờ quạng, giật mình nhận ra đang nằm trong mó bỏ mồi cá mà lớp bùn chưa kịp lấp đầy và cứ nằm đó, rất muốn nằm đó thật lâu cho dòng nước xoa dịu nỗi cồn cào như sóng cắn dứt ở trong lòng.

Khi tôi tỉnh lại đã thấy nằm trong lòng thuyền, cô Hến đang hì hụi làm gì ở bếp cuối đuôi thuyền. Còn cha, ông ngồi cạnh bậu cửa phía khoang mũi, hai chân buông dưới sạp, tay vê vê điếu thuốc lào, như ngày nào mỗi khi mẹ tôi đi chợ về mua cho ông lạng thuốc, ông quay người lại khen mẹ mua thuốc ngon.

Đêm qua, cha tôi ngồi im phắc, chong chong đèn, thức trắng đêm. Ông nhìn tôi xanh lướt, bấy dậy như cua lột gặp bão. Ngọn đèn chai lù mù hắt bóng ông lên vách cong mui thuyền, chập chờn. Tôi nằm gọn như con mèo vào lòng cô Hến, không còn nước mắt mà khóc nữa. Nhưng cha tôi thì lại khóc, khóc lúc gần sáng. Tôi thấy ông hai lần lén nâng tay áo chùi nước mắt. Những giọt nước mắt hiếm hoi, lần đầu tôi nhìn thấy trên mặt người cha.

Sáng trắng. Cha tôi không đem mồi đi mó đánh chài. Ông rút sào, giọng nói chắc nịch không biết nói với tôi hay với cô Hến:

- Từ nay, nhà ta chuyển thuyền về bến Trầm. Dứt khoát không về đây đậu thuyền nữa.

Có tiếng ai đó gọi phía bờ bên kia, nơi cây bàng già nua có những cái rễ mọc trồi lên làm chỗ buộc trâu:

- Bác chài ơi. Sáng mai có cá để lại cho tôi mấy con nhá.

Tôi nhoài người ra nhìn về phía bên kia bờ, ngước lên cây bàng. Cây bàng đã trút sạch lá, phía đầu chót cành có những chiếc búp nhỏ mầu sâm sẫm nâu. Cây bàng đang vào mùa thay lá mới. Tôi nhìn xuống dòng sông. Trên mặt nước, một vài đám bèo tây trôi lững lờ, thỉnh thoảng lại có vài ba đám rều, rác trôi theo. Những dòng sông cha và tôi đã đi qua có con sông rộng, có đoạn sông hẹp, có lúc nước trong, có mùa nước đục, có nơi nhiều cá, có khúc ít cá. Con sông thuỡn thẹo nằm thườn thườn mệt mỏi, vô hồn. Nếu dòng sông là cuộc đời thì những người làm chài sẽ có hai cuộc đời, một cuộc đời của người và một cuộc đời của sông.

Trong cuộc đời ấy, những căn nhà thuyền, những chiếc máy sùng sục ngày đêm hút bùn, đào bới, khoan khoét, những rều rác phải chăng là vết sẹo năm tháng còn hằn sâu đời sông. Dẫu trong hay đục, dẫu mùa mưa hay mùa khô, dẫu là gì đi chăng nữa thì sông vẫn cứ là sông. Nơi ấy tôi đã sinh ra. Tôi chỉ cần biết thế. Và sông ơi, còn những điều khác nữa, sông hãy giấu giùm tôi sông nhé, những khiếm khuyết tật nguyền của cuộc đời. Đời đã sinh ra cha để cho những dòng sông, còn tôi, sông đã sinh ra để cho những cuộc đời như cha, mẹ và cô Hến.

***

Phụ đính I :

Điểm sách: Dòng sông tật nguyền

Với ba nhân vật chính:

Ông bố, cô Hến và tôi, một không gian truyện khi mở ra, khi co thắt kể lại số phận của một gia đình làm nghề chài lưới lênh đênh sông nước nhiều bi kịch. Ông bố tính tình bạo liệt và cộc cằn, ăn sóng nói gió, sống bằng nghề đánh chài mò đầy hiểm nguy.

Cô Hến nhẫn nhịn, sống bên người đàn ông thô cộc như một đồ vật có cũng được mà không có cũng được, chịu đựng, ít lời và ẩn chứa một lí do nào đó chỉ mở ra ở kết truyện.

Tôi, cái cô bé của người đàn bà không chung thủy cứ lớn lên phổng phao và đau đớn giữa những bi kịch của người lớn.

Cả cái bộ ba nhân vật ấy sống lần sống lữa bên nhau như những bóng mờ, yêu thương như thú hoang, mà vẫn ngờ vực, đố kị và bị coi rẻ. Khổ nhất là cô Hến, người chuộc nạn cho một tình yêu không tận thủy tận chung của chị gái mình. "Cá đánh lắm cũng hết, người ở lâu dễ hư. Ma quỷ yêu quái chẳng qua là ở mãi một chỗ mà thành. Mèo già hóa tinh thành cáo, chó dữ nuôi lâu phát rồ". Cái cách chì chiết mà ông bố yêu vợ và độc đoán bị vợ phản bội luôn chọc vào ngẫu nhĩ người đàn bà mong được sống cho ra một con người, có bà con, xóm giềng, họ mạc, chí ít là sự âu yếm. Và, như thế cái sự người đàn bà bỏ người làm nghề chài mò để chạy theo tiếng gọi của "con đực" khác diễn ra như một tất yếu. Nhưng, người đàn ông làm nghề đánh chài mò kia không vì số kiếp nhiều bất nhẫn mà không dồn sự yêu thương khắc khổ cho đứa con riêng rứt ruột bỗng chốc thành côi cút. "Vì sao lại có sóng hả bố". "Vừa bưng bát cơm lên, ông nói giọng còn lụng bụng trong miệng:- Vì đời sinh ra bố".

Khi Hến đến, ông không thể còn là một con người bình thường được nữa. Ông dễ nổi đóa và càng ngày càng thô lỗ trước bất cứ điều gì. "Một lần trong bữa ăn, cô (Hến) hỏi bố tôi về chuyện tại sao con sông này có tên là Bo, con sông kia có tên là Mã, con sông nọ có tên là Sứ. Sau mấy câu trả lời ậm ừ, cô ấy cứ hỏi mãi. Chẳng nói chẳng rằng, ông ném luôn bát cơm trên tay vào mặt, chửi: - Miệng thối như cứt mà ăn cơm cứ nói lắm. Bọt phun phè phè ra hết mâm ai còn dám ăn. Cô về hỏi thằng bố cô ấy. Dứt lời, ông đứng lên bê thốc cô ném thẳng lên bờ, nhổ neo đẩy thuyền đi không thèm ngoái lại".

Ngay từ truyện ngắn Dòng sông tật nguyền khởi đi của tập truyện, nhà văn Phạm Thanh Khương đã ý thức và tâm huyết viết về những số phận có đặc thù riêng - gia đình và xã hội thu nhỏ của những người làm nghề chài lưới phập phù sông nước đầy tự do, phức tạp về cá tính, bất hạnh rập rình, cô tẻ và cách biệt nhiều giữa cộng đồng. Cách kể kiệm lời. Nhân vật in tạc từng tính cách rõ nét. Đời sống của họ thường khổ nhiều hơn vui, bất hạnh đón đường nhiều hơn hạnh phúc. Dẫu vậy, "Nếu dòng sông là cuộc đời thì những người làm chài sẽ có hai cuộc đời, một

cuộc đời của người và một cuộc đời của sông...Dẫu trong hay đục, dẫu mùa mưa hay mùa khô, dẫu là gì đi chăng nữa thì sông vẫn cứ là sông. Nơi ấy tôi sinh ra. Tôi chỉ cần biết thế". Và, "Đời đã sinh ra cha để cho những dòng sông. Còn tôi, sông đã sinh ra để cho những cuộc đời như cha, mẹ và cô Hến".

Truyện ngắn "Bốn chiều gió cả" lại là một cảnh, đời đầy kịch tính, đau xót và dữ dội. Người cha nhiễm căn bệnh quái ác sau những năm tháng chiến đấu từ mặt trận phía Nam trở về. Đứa con cũng nhiễm bệnh truyền từ người cha. "Những ngày có gió..., người tôi nổi mẩn ngứa ngáy... Từ những nốt mẩn ngứa ban đầu như muỗi đốt cứ to dần lên bằng quả ổi, bưng mủ. Bao giờ những nhọt bọc đó vỡ ra, mủ, máu chảy đến đâu thì chỗ đó lại nổi mẩn ngứa. Mùi tanh của mủ làm cho bày ruồi nhặng kéo về từng đàn, bu kín khắp người. Có những lần, tôi quờ tay nắm cũng được bốn năm con nhặng xanh...Tôi cũng sợ chính cái mùi tanh tanh khăm khắm đến lợm giọng từ người tôi tỏa ra, cái mùi mà bọn trẻ trâu bảo không khác gì mùi cóc chết thối". Tôi đọc cái truyện ngắn này thấy rất choáng váng. Choáng váng về di chứng chiến tranh đeo đẳng số phận của không ít người lính và gia đình họ, di hại sang con cháu họ rất tàn độc. Tôi càng choáng váng vì sự cô đơn của họ giữa tình xóm nghĩa làng. Họ đã vì Tổ quốc mà dâng hiến cả tuổi trai . Nhưng khi trở về. Họ, (chí ít là những nhân vật như người cha và người con trong truyện ngắn này) tự biết cộng đồng ghê sợ và không muốn họ sống gần. Đến ngay cả người vợ của người lính bị di họa kia cũng bỏ chồng bỏ con vì kinh hãi. Nhưng may thay, tất cả không phải đều là như thế. Bên cạnh cha con người chiến binh đơn độc nọ vẫn còn một lão Vấn với vẻ ngoài khó ưa, có thể là vô số tính xấu, nhưng mang một trái tim thánh, luôn yêu thương cha con người lính bị di họa hành hạ, không bỏ rơi họ và ngoảnh mặt !. "Tổ đầm của chúng ta bây giờ lại vẫn có ba người. Hai đồng chí bố và một đồng chí con cùng cây súng cao su.

Cuộc chiến của chúng ta bây giờ là đầm cá và các nhọt bọc". "Thời gian không của người", "Sóng vẫn vẩn vơ trôi" lại là những mẫu số phận khác trong cộng đồng lẻ bạc của những gia đình sống chết với nghề sông nước được Phạm Thanh Khương viết tài hoa, tinh tế với nhiều day dứt. Nếu như trong "Thời gian không của người" là bi kịch nặng nề giữa ân ân oán oán của hai gia đình sống trong cái làng ven sông có nghề làm gai vó, thì "Sóng vẫn vẩn vơ trôi" là cuộc trả thù tàn lạnh của lão Kiếm với lão Được. Ở câu chuyện này, hình ảnh lão Kiếm kiên nhẫn rũa hàng vốc lưỡi câu để trừng trị con cá măng từng đâm trộm thuyền câu của lão chỉ như một can cớ mang đầy tính tượng trưng trong thiên truyện. Thực ra, cái con cá măng cụ thể chính là lão Được - cha đẻ ruột của đứa con lão Kiếm nuôi nấng. Dẫu lão Được Không có lỗi, nhưng "Tò vò mà nuôi con nhện" thì lão Kiếm cay đắng âm ỉ không chịu nổi. Bập vào đoạn kết, cái cách lão Kiếm lừa được lão Được ra khúc Rủ rồi giãy chết cuốn trong tay lưới mà rợn da gà. Kẻ bất phân phải trái sau cú ra đòn, thản nhiên đến lạnh lùng: "...Lão Kiếm buông se điếu, đẩy chiếc bát ra xa, nhấm nhẳn: - Nay không có cá đâu mà ngóng. Lên khúc Rủ mà đưa lão Được về. Nhớ gọi cả thằng Lợi đi cùng". "Ngược chiều gió mùa, bà Tèo lật đật chạy theo triền đê, bóng bà cứ vật vờ, vật vờ trôi trên mặt sóng". Tôi không có ý chi tiết vào từng chuyện trong tập truyện.

Tuy nhiên, khi đọc toàn mạch cả tập Dòng sông tật nguyền tôi luôn bị bứt rứt trước những số phận đời chài lưới nghiệt ngã trôi dạt trên sông nước. Cái lớp người sống ngâm da, chết ngâm xương mà Phạm Thanh Khương đã đứt ruột sinh trên từng trang chữ ám ảnh tôi rất nhiều. Phạm Thanh Khương rất mạnh khi chuyên sâu vào đề tài những người dân chài. Có lẽ, cái đồng đất Thái Bình mang cả lịch sử và máu xương những người lính thời phong kiến còn chưa xa, những điền nông từng bất chấp chướng khí đến đất này mở ra những cánh đồng ngút ngát lấn về phía biển, những toán dân chài lướt theo cùng những người lấn đất sống chìm nổi phó mặc cho sông nước để kiếm tìm một cuộc sống tạm bợ, nhiều bất trắc...

Tất cả vốn sống tích luỹ và hiểu biết phong phú có được giúp cho những trang văn viết về đề tài sông nước của anh sống động, phong phú, trung thực và không phải ít sự nghiệt ngã. Có thể dẫn ra từ bất kì truyện ngắn nào của tập sách này những đoạn văn sống động viết về nghề chài, viết về cảnh đời sông nước. Anh viết rất tinh tế về cách làm gai vó. Anh viết về những nỗi người cô đơn bị hắt hủi. Anh nhuần nhuyễn và làm chủ những thoại ngắn bộc lộ và khắc họa tính cách từng nhân vật...

Có hai truyện ngắn của tập sách này tôi đặc biệt bị nó cuốn hút, đó là "Sóng vẫn vẩn vơ trôi" và "Mùa hội diều làng chài". Nếu ở "Sóng vẫn vẩn vơ trôi", số phận của những kiếp sông khô khát cuốn tôi phập phồng theo từng diễn biến và mạch kể, thì với "Mùa hội diều làng chài", chỉ hầu như rất kiệm với một nhân vật trung tâm, một nhân vật phụ, truyện được viết như một mạch thơ buồn trôi chảy. "Mùa hội diều làng chài" viết khéo như một truyện không cốt, thế mà xôn xao và sâu lắp lánh. Câu chuyện bềnh bồng những lời nguyền được nhà văn Phạm Thanh Khương viết như liêu trai. Đọc đi, đọc lại vẫn ngẩn ngơ thích. Tôi đọc tập truyện Dòng sông tật nguyền của Phạm Thanh Khương nôn nao nhớ tới tập truyện "Những người hái rong biển" của A.N.Tôlikim - một nhà văn quốc tịch Nga gốc Triều Tiên. Phạm Thanh Khương cũng đặc tả và chuyên chú vào những số phận đời chài nghiệt ngã và khác thường.

Tuy nhiên, A.N.Tôlikim chủ trương thiên nhiên đơn độc như ở một thế giới khác với những số phận nhân vật đầy cô đơn tưởng chừng không thể có trên trái đất. Hai nhà văn có sự giống nhau ở vị truyện và dư ba sau khi gấp trang sách mà không băng giá. Có lạnh đấy (cách kể), nhưng hầm hập hơi nóng phả tới từ cuộc sống bức bối, sống động đâu đây. Với tôi, ở tập sách thứ tư này, Phạm Thanh Khương đã thành công khi anh không tránh né và chối từ những gì mà anh đã chứng kiến và trải nghiệm.
Xin chúc mừng một tập truyện hay nữa của anh !

Vũng Tàu, 29-4-2009

Phạm Thanh Khương sẵn sàng đối thoại với Ngọc Tư

Khi dư âm của vụ kiểm điểm nữ nhà văn Cà Mau vẫn còn âm ỉ thì mới đây, dư luận lại lên tiếng về việc "Cánh đồng bất tận" và truyện ngắn "Dòng sông tật nguyền" (tác phẩm dự thi in trên báo Văn Nghệ Quân Đội) của Phạm Thanh Khương quá giống nhau.

VnExpress trò chuyện với các tác giả về việc này.

***

Phạm Thanh Khương: "Giống hàng xóm nhưng vẫn là con mình"

- Ông nhận xét thế nào về truyện "Cánh đồng bất tận" của Nguyễn Ngọc Tư?

- Bây giờ trong tay tôi vẫn chưa có gì. Tôi cũng chưa đọc cả những bài đã đăng trên báo chí mấy hôm nay.

- Nói như thế nghĩa là đến nay ông vẫn chưa đọc "Cánh đồng bất tận"?

- Chưa. Có hôm ai đó đưa cho tôi xem. Tôi có xem qua rất nhanh rồi thì cậu phóng viên lại lấy đi ngay.

- Tại sao ông lại có thái độ thờ ơ với những dư luận liên quan đến tác phẩm của mình như vậy?

- Bởi vì tôi đã ở cái tuổi "ngũ thập nhi tri thiên mệnh". Tôi không quan tâm nhiều đến những chuyện ầm ĩ xung quanh. Hơn nữa tôi còn có nhiều việc để làm: công việc, chăm sóc vợ con, đấy là chưa kể thời điểm này đang diễn ra World Cup. Tôi chưa bỏ trận nào.

- Khi so sánh giữa "Cánh đồng bất tận" và "Dòng sông tật nguyền", người ta phát hiện ra những điểm tương đồng về mặt ý tưởng, nhân vật (truyện của ông có 4 nhân vật thì cả 4 đều có sự tương đồng với nhân vật trong tác phẩm của Nguyễn Ngọc Tư), các chi tiết then chốt… Với sự giống nhau diễn ra trên một cấp độ và phạm vi như thế thì ông nghĩ sao?

- Thế thì tôi phải kể một câu chuyện rất vui và rất thật như sau: Khi vợ tôi sinh con, người ta cứ bảo rất giống ông hàng xóm. Như thế cũng tốt thôi, nhưng nó vẫn là con của tôi.

- Nhưng ở đây, chúng ta đang nói đến sự giống nhau kỳ lạ giữa hai tác phẩm văn học. Ông nghĩ sao khi tác phẩm của ông ra đời bị dư luận cho là giốngvới một tác phẩm khác?

- Về dư luận thì thế này… Tôi cho rằng chúng ta đang sống trong một môi trường xã hội dân chủ, trong một nền báo chí dân chủ, nói thế nào, hiểu thế nào là quyền của bạn đọc.

- Ông có nói, truyện của ông được xây dựng từ chính tuổi thơ của mình. Ông có thể nói rõ thêm về những ngày tháng tuổi thơ này?

- Tôi sinh ra ở Thái Bình. Dòng sông được đề cập đến trong tác phẩm là sông Sứ. Gia đình tôi là gia đình thuyền chài nhiều đời. Đến đời tôi mới lên được bờ và lưu lạc qua rất nhiều nơi. Tôi chính là chú bé con ông thuyền chài.

- Lấy nguyên mẫu là chính mình, vậy tại sao khi đưa vào tác phẩm, ông lại xây dựng nhân vật "tôi" là con gái ông thuyền chài?

- Tôi nghĩ rằng nếu để nhân vật là nữ giới, sức chịu đựng sẽ lớn hơn.

- Những ai được đọc tác phẩm này của ông đầu tiên?

- Người đầu tiên là anh Vũ Mạnh Thường - tổng biên tập cũ của báo Biên Phòng. Tôi kể toàn bộ câu chuyện cho anh ấy nghe. Anh Thường góp ý, văn chương cần phải nhân văn, chính vì vậy, tôi đã viết thêm đoạn cuối.

- Ông nghĩ sao nếu Nguyễn Ngọc Tư muốn được đối thoại với ông?

- Tôi rất mong muốn được trao đổi trực tiếp và thẳng thắn với không chỉ Nguyễn Ngọc Tư mà tất cả những bạn đọc nào quan tâm. Nhà tôi ở số 19, ngách 11/2 Đường Ngô Gia Tự, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội, số điện thoại 04.8777098.

***

VnExpress đã liên lạc với ông Huỳnh Kim, hiện là nhà báo ở thành phố Cần Thơ, và được ông cho biết:

Vào khoảng tháng 4/2005, tôi nhận được e-mail từ Cà Mau của Nguyễn Ngọc Tư truyện *Cánh đồng bất tận*. Lúc đó Tư chỉ mới viết dang dở phân nửa câu chuyện mới chừng chục trang. Ngọc Tư cũng thường mail cho bạn bè những truyện đang viết dở để lấy ý kiến như thế. Tôi đọc xong thấy quá thích nên chuyền cho nhiều người bạn khác nữa cùng đọc và ai cũng khen hay. Tôi viết mail thúc Tư viết nốt phần còn lại. Đến tháng 7/2005, Ngọc Tư hoàn thành tác phẩm này và có mail cho tôi. Lúc đó truyện được phân làm 7 đoạn, nhưng tôi có góp ý Tư tách đoạn 7 ra thêm 1 đoạn nữa để cho mạch truyện được rõ hơn. Vì thế, hiện tại truyện này được phân làm 8 đoạn.

Vào tháng 8/2005, thày Trần Hữu Dũng, người từng lập thư viện online về các tác phẩm của Nguyễn Ngọc Tư, từ Mỹ về dự hội nghị ở Đà Nẵng đã lặn lội về Cà Mau thăm Ngọc Tư. Sau đó, tôi có gặp anh Hữu Dũng ở Sài Gòn. Hai anh em bàn về tác phẩm mới của Nguyễn Ngọc Tư với rất nhiều tình cảm mến phục.

Tôi nhớ hình như có đọc trên báo Tư trả lời phỏng vấn là viết truyện này trong khoảng 6 tháng. Vậy làm một phép tính nhẩm có thể suy đoán Tư bắt tay vào viết*Cánh đồng bất tận* từ khoảng tháng giêng năm 2005.

***

Nguyễn Ngọc Tư: "Tôi luôn tin tưởng vào bản thân mình"

- Chị có thể nhắc lại mốc thời gian chị hoàn thành tác phẩm "Cánh đồng bất tận"?

- Tôi đã nói về điều này rất nhiều trên các báo trước đây rồi nên xin được phép không nhắc lại nữa.

- Trong quá trình sáng tác "Cánh đồng bất tận", chị có đọc văn bản nào na ná như những gì mình có ý định viết?

- Hoàn toàn không. Tôi viết "Cánh đồng" trong tâm trạng trăn trở và lấy tư liệu từ cuộc sống là chính. Thời gian đó tôi cũng chẳng đi đâu xa khỏi quê hương mình.

- Khi tác phẩm hoàn thành, ai là người chị cho xem đầu tiên?

- Nhà báo Huỳnh Kim, một người bạn của tôi hiện ở thành phố Cần Thơ.

- Trước nhiều sự việc xảy ra quanh tác phẩm của mình, chị cảm thấy thế nào?

- Tôi hoàn toàn tin tưởng vào bản thân tôi và tôi vẫn đang viết.

- Hiện giờ tâm trạng chị ra sao?

- Hiện tại, tôi rất mệt mỏi. Tôi vẫn đang viết và viết báo là nhiều. Mới đây trên một tờ báo có phỏng vấn lấy ý kiến tôi về việc này nhưng lại diễn đạt không đúng như ý tôi muốn nói. Tôi không muốn có gì ầm ĩ, xôn xao, cũng không có gì đến nỗi phải lên báo làm căng thẳng. Đây là chuyện giữa tôi và tác giả Phạm Thanh Khương. Đến lúc nào đó, tôi và tác giả Phạm Thanh Khương sẽ phải đối thoại với nhau.

***

Phạm Thanh Khương: Tôi hiểu sự nghiệt ngã của văn chương

Từ Nữ Triệu Vương *thực hiện*

"Tôi cũng buồn rằng chẳng ai nói với tôi điều này. Nếu như tôi biết được, tôi sẽ dừng cho ra mắt truyện ngắn của mình. Vì tôi cũng rất hiểu sự nghiệt ngã của luật sáng tạo..."

- Nguyễn Ngọc Tư: Tôi cũng thấy ngán tận cổ rồi! “Dòng sông” giống “Cánh đồng” chỉ là ngẫu nhiên?

- "Tôi muốn báo chí tìm hiểu và có kết luận chính thức"

Cánh đồng bất tận - Dòng sông tật nguyền
Trong khi dư luận lên tiếng về cái sự giống nhau đến mức kỳ lạ giữa truyện ngắn "Cánh đồng bất tận" của Nguyễn Ngọc Tư và "Dòng sông tật nguyền" của Phạm Thanh Khương thì bản thân nhà văn Phạm Thanh Khương lại rất mệt mỏi khi phải nói về chuyện này...Sau nhiều lần từ chối, cuối cùng anh cũng đã đồng ý trả lời tại nhà riêng...

Anh nói sao khi dư luận cứ một mực cho rằng có sự giống nhau lạ kì giữa Dòng sông tật nguyền của anh và Cánh đồng bất tận của Nguyễn Ngọc Tư?

Tôi cảm thấy rất mệt mỏi, vì nhà văn Nguyễn Ngọc Tư và tôi đã nói đây là chuyện riêng giữa tôi và Tư, hãy để chúng tôi tự giải quyết với nhau. Đến bây giờ chúng tôi cũng thấy chuyện này không có gì đáng nói cả.

Đến giờ phút này anh đã đọc tác phẩm "Cánh đồng bất tận" chưa?

Đến ngày hôm nay (1-7-2006), tôi đã đọc khá kĩ tác phẩm "Cánh đồng bất tận" của nhà văn Nguyễn Ngọc Tư.

Đây là một cuốn sách bán chạy và gây dư luận trong năm của nhà văn Nguyễn Ngọc Tư, tại sao là môt người viết, anh lại không quan tâm?

Tôi đang quan tâm đến cuốn tiểu thuyết viết dở có tên là "Kỳ hoa dị thảo". Và tôi còn có quá nhiều việc phải làm.

Đọc "Cánh đồng bất tận" của nhà văn Nguyễn Ngọc Tư, anh có nhận thấy tuyến truyện và chi tiết có nhiều chỗ giống như tác phẩm "Dòng sông tật nguyền" hay không?

Tôi nguyên gốc là con một gia đình có truyền thống gắn bó với chài lưới. Và gia đình nhà tôi cũng đã có nhiều người trả giá bằng mạng sống của mình cho nghiệp chài lưới. Thế nên, đó là sự ám ảnh suốt tuổi thơ của tôi. Khi viết "Dòng sông tật nguyền" tôi như trả nợ được một chút nào đó với tuổi thơ của mình.

Khi đưa truyện này gửi cho Ban biên tập Tạp chí Văn Nghệ Quân Đội, không có ai mách nhỏ với anh nên đọc thử "Cánh đồng bất tận" hay sao?

Tôi cũng buồn rằng chẳng ai nói với tôi điều này. Nếu như tôi biết được, tôi sẽ dừng cho ra mắt truyện ngắn của mình. Vì tôi cũng rất hiểu sự nghiệt ngã của luật sáng tạo.

Anh nghĩ gì về nhân cách của một nhà văn?

Tôi nghĩ rằng đã là một nhà văn cần phải yêu thương nhau.

Yêu thương nhau có nghĩa là dễ dàng bỏ qua?

Nên hiểu rõ vấn đề hơn khi đưa ra nhận xét của mình. Tôi thấy đã có quá nhiều người lạm dụng diễn đàn để đưa ra ý kiến chủ quan của mình rồi.

Anh nghĩ rằng bản thân mình và nhà văn Nguyễn Ngọc Tư đang là nạn nhân trong câu chuyện này?

Chúng tôi là đối tượng bị công kích mà không rõ vì nguyên nhân gì.

Truyện của anh chỉ khi đưa vào in tuyển trong Truyện ngắn hay của NXB Thanh Niên thì mới bị ...bêu ra, phải chăng đây là một hình thức PR trong văn chương?

Không. Tôi không thể làm được điều này. Vì bản thân mỗi câu chuyện của tôi có một con đường đi riêng đến với bạn đọc.

***

Phụ đính II :

Người đàn bà tôi yêu

Không hẹn trước, nhưng cứ đúng 5 năm một lần tôi và nàng lại gặp nhau ở quê. Như ngẫu nhiên, khi tôi về quê nghỉ ngơi thì nàng cũng về.

Lần thứ nhất tôi về sáng, thì chiều nàng về. Lần thứ hai tôi về chiều, thì nàng đã có mặt ở quê từ sáng. Lần thứ ba, khi tôi bước xuống xe thì nàng cũng từ xe bên xuống bến. Và đây là lần

thứ tư tôi về quê. Từ khi bước chân lên xe, tôi đã hình dung thấy nàng đang ở quê, nơi cây đa đầu làng dõi mắt nhìn vào khoảng không xa thẳm.

Kể từ ngày biết nhau đến nay tính ra đã hai mươi năm, ba tháng, mười ngày chưa bao giờ tôi gọi tên nàng. Không hiểu sao, mỗi khi lẩm nhẩm định gọi tên nàng, thì tự nhiên trong con người tôi cứ có cái gì đó rạo rực thật khó tả. Nó như người cảm dùng cao Phật Linh xoa, toả ra thứ mùi thơm mà nóng. Nóng nhưng không bốc lên đầu, ra ngoài da thịt mà cứ ngấm dần vào từng tế bào, lan toả trong thân thể. Mỗi lần như thế, khi tên nàng được hình thành trong hệ thần kinh trung ương, nhưng không thể nào chỉ đạo cho dây thanh rung được, nó cứng lại, vô nhận. Tên nàng được giữ lại, gửi trả về nơi xuất phát ban đầu. Ngoài ra, bản thân tôi, những khi ngồi một mình tưởng tượng, nhớ về nàng lại nghĩ, nếu gọi tên nàng lên tôi sẽ cứ phạm đến nàng. một kiểu xúc phạm không thể tha thứ. Người khác có thể mắng tôi, chửi tôi, thậm chí có thể làm gì với tôi cũng được, nhưng họ chỉ gọi tên nàng thôi, thì tôi thấy sao mà khó chịu, tổn hại đến thanh danh của nàng lớn thế và tôi sẵn sàng lao vào cho một thụi, dù sau đó có bị đánh cho nhừ tử, om xương.

Tôi biết nàng trong một trường hợp đặc biệt, không giống ai. Chiều ấy, tan học về, tôi và Khanh đua xe đạp. Phần thưởng là chiếc bánh rán quán bà Nhuần, cổng trường sáng mai. Đường vắng, chiếc xe Vĩnh Cửu của tôi mới được mẹ mua cho để đi học sau này có cớ mà thi thố tốc độ. Tôi bậm môi đạp. Xe mới, trưa nay lại được mẹ ưu tiên bồi dưỡng thêm cho quả trứng luộc nên tôi cảm thấy mình rất dồi dào sức lực. Hai hàng phi lao bên đường vùn vụt lùi lại phía sau. Để tỏ rõ tài nghệ đi xe mà cánh bạn trong lớp suy tôn “tay lái lụa” của mình, tôi vừa đạp vừa trổ tài đánh võng, vẽ rồng, lắc mông, ép xe, cướp đường, chặn không cho Khanh vượt lên. Thỉnh thoảng tôi ngoái đầu lại cười, giơ tay ngoắc ngoắc ra hiệu giục Khanh cố lên. Quãng đường đua đã gần kết thúc, cây đa “đích” đã nằm trong vòng đạp cuối cùng. Chiếc bánh rán bóng mỡ quán bà Nhuần như đã nằm gọn trong tay tôi sáng mai. Bỗng “rầm”! Tôi không còn nhìn thấy gì nữa, bụi tung mù mịt. Tiếng Khanh phía sau cười sằng sặc. Có bàn tay ai mềm và mát lắm đỡ tôi đứng lên. Định thần, tôi nhận ra mình vừa nằm gọn trong rổ sề mà người làng tôi thường dùng để gánh tro cho bèo hoa dâu. Chiếc xe đạp Vĩnh Cửu cũng đang rúc đầu vào cái rổ úp chụp bên cạnh. Đứng trước mặt tôi là cô gái đang cố giấu tiếng cười sau chiếc khăn che mặt.

- Mắt mũi đâu mà đi đứng xô cả vào người ta thế hả? -Tôi sừng sộ.

- Người anh bẩn hết rồi, bụi tro bám đầy trên mặt, trên tóc, để em phủi cho. - Một giọng nói nhẹ, mượt và rất ngọt cất lên.

Nhìn lại người, toàn thân tôi phủ một lớp tro bếp nhờn nhợt xám. Lắc lắc đầu, bụi tro bay ra rơi xuống đầy mặt, tôi vội vàng nhắm mắt lại. Khi mở ra, trước mặt tôi là một cô gái còn trẻ và xinh. Cô gái tháo chiếc khăn bông che mặt đưa cho tôi.

- Anh lấy khăn lau mặt và phủi quần áo đi. Nhớ quay về hướng gió không tro bay vào mắt đấy.

Tôi ngây người, ngoan ngoãn làm theo sự chỉ dẫn của nàng. Sau này, những đêm ngồi bên nhau nàng thường nói:

- Trông cái mặt anh lúc ấy rõ ghét. Người đâu mà hơi tý cứ quầm quặm cau có. Động cái ngây tò te. Sau này nhìn thấy cô nào cũng ngây ra như thế thì em…

Nàng xoắn nhẹ tai tôi một cái, còn tôi sung sướng và rất khoái được nàng véo tai và nhắc nhở như vậy. Nhắc lại chuyện cũ, Khanh thường kết luận với câu sặc mùi văn nghệ: “cuộc xô xe hạnh phúc”.

Nàng là chị cả trong một gia đình đông con. Bố nàng là nhân viên hành chính của một cơ quan ở huyện. Mẹ nàng làm ruộng tảo tần một nắng hai sương, cả ngày quần sắn móng lợn, ống thấp ống cao, đâm sấp dập ngửa lo toan cho chồng, cho con. Những lần tôi đến chơi bao giờ bà cũng vui vẻ đón tiếp rất chân tình. Thỉnh thoảng thứ bẩy, chủ nhật tôi cũng gặp bố nàng và bao giờ cũng thấy lúc ngồi hay khi nằm ông đều cầm tờ báo trên tay ra dáng nhàn nhã, sung sướng lắm. Chẳng hay ông có biết không, chứ tôi nghe thấy mấy bác lớn tuổi gần nhà nói: "Gớm, cứ ra dáng thế thôi. Lão ấy biết làm cái gì ngoài việc cho vợ sinh ra lũ con". Tôi có hỏi nàng mấy lần tại sao ông về không giúp bà trong khi việc nhà ngập đầu. Nàng nhìn tôi bằng đôi mắt buồn bảo:

- Mẹ nói bố làm cán bộ, đầu óc lúc nào cũng căng thẳng. Bố phải được nghỉ ngơi, lao động trí óc mệt mỏi chứ không như lao động chân tay, nghỉ một lúc là khoẻ ngay. Em thương mẹ lắm!

Nói xong nàng thở dài rồi dựa đầu vào vai tôi nũng nịu.

- Anh học giỏi, sau này đi đại học đừng chê em! Anh cứ học, cứ phấn đấu. Em sẽ làm và nuôi con. Em sẽ đẻ cho anh cả chục đứa. Đứa nào cũng giống anh.

Tôi kéo nàng vào lòng. Đâu đây, từ thân thể nàng, từ sâu thẳm trong thiên nhiên hay từ ngọt ngào khu vườn ăn quả toả ra hương thơm dìu dịu, ngòn ngọt say ngây ngất.

Tôi ghì chặt lấy nàng, hít sâu vào lồng ngực hòng thu vào mình tất cả hương vị của tình yêu. Tôi mơ màng đến những giây phút hạnh phúc của một gia đình. Thật lạ, tự nhiên tôi có cảm giác đăng đắng trong cổ. Nàng ghì chặt đầu tôi vào ngực, luôn tay cào mái tóc rễ tre cứng queo của tôi. Tôi không kịp nhận ra vị ấy từ đâu đem đến.

Năm ấy, tôi thi đỗ đại học, đang chờ ngày tựu trường, nàng có giấy báo gọi đi làm công nhân. Nàng đi tháng trước, tôi đi tháng sau. Ngày nàng đi tôi tiễn nàng lên xe. Giữa hai hàng nước mắt buổi chia tay, nàng nghẹn ngào dặn ngày đi lên trường đợi nàng về. Và ngày đó nàng về thật. Đêm trước ngày tôi đi nàng xăng xái như người vợ lo toan sắp xếp đồ đạc, quần áo. Mẹ và chị gái tôi nhìn tủm tỉm cười tế nhị đi sang anh cả để lại nàng và tôi với cả đêm dài trong gian nhà tĩnh lặng. Thề có trời đất, nói ra khó có người tin, đêm ấy tôi và nàng chỉ ngồi nhìn nhau. Tất nhiên có nói nhưng là những chuyện đẩu đâu, không ăn nhập gì, nó như bì khoai tây đổ ra lăn lóc mỗi nơi một củ. Ngày đó con người sống trong sáng hơn, đẹp hơn chăng? Cứ nghĩ chuyện mấy anh bạn kể, có đám cưới tổ chức lúc một giờ chiều thì hai giờ đã phải đưa cô dâu vào khoa sản. Rồi có đám cô dâu trước bó bụng, tổ chức xong chạy vào phòng tháo vội vải quấn, bụng nở ra như trống cái làm cho hai họ tròn mắt mà nhìn. Cứ theo mấy anh bạn tôi cho biết thì bây giờ chẳng có mấy đôi còn "nguyên chất". Họ còn phổ biến tiêu chuẩn chọn vợ là phải tìm cô nào hợp đủ "ba đỏ, ba đen", mới "zin". Nghe thế thôi chứ mấy ai làm cho được. Gớm chết! Mà bây giờ có mấy cô không "mắt xanh, mỏ đỏ", làm sao biết được.

Trên đường đưa tôi ra bến sau khi đã giao hẹn đi giao hẹn lại rằng tôi không được nghĩ ngợi - vì tôi hay cả nghĩ mà - nàng mới kể cho nghe. Nàng bảo từ ngày nàng đi đến nay, đêm nào cũng nằm mơ thấy tôi nhưng nhìn ra lại là ai ấy, lạ hoắc, Nàng còn mơ thấy mình đứng bên bờ sông Cái của làng ra sức gọi tôi phía bờ bên kia nhưng không hiểu sao, tôi ngoái lại nhìn nàng mà cứ dửng dưng đi, xa dần, xa dần. Rồi tự nhiên bờ đất chỗ nàng đứng sụt xuống. Nàng chìm vào dòng sông đang cuộn chảy. Nàng nói với tôi:

- Năm sau chúng mình tổ chức đám cưới đi anh. Em sợ lắm!

Chuyện nàng kể tôi chẳng tin. Chắc tôi hay kể cho nàng nghe chuyện Ngưu Lang - Chức Nữ nên khi xa nhau hay mộng mị thế thôi. Cũng có khi nàng chưa tin tôi. Nàng sợ học xong tôi bỏ đi lấy người khác, bây giờ thiếu gì Sở Khanh. Có những tay miệng xoen xoét, làm phĩnh bụng con nhà người ta rồi "phắn". Tình yêu là một cái gì đó thiêng liêng là vậy, đời người ai có đều nâng niu; ai chưa có thì khao khát, ấy thế mà còn có thể mang kinh doanh được. Có nhiều người cứ nhằm con nhà giàu yêu để "tời" đủ năm năm, khi có lông có cánh là vù. Dĩ nhiên, những vụ kinh doanh êm ái này không phải không có hậu quả, di chứng để lại.

Khi tôi đang chuẩn bị về nghỉ hè năm thứ nhất, thì nhận được điện của đứa em gái nàng đang học việc gần đấy. Nội dung điện úp úp mở mở làm ruột gan tôi nóng như lửa đốt. Huỷ bỏ chuyến về nghỉ hè tôi lên đường ra với nàng. Để lại cho tôi bức thư chan chứa nước mắt, rồi không biết nàng đi đâu. Cơ quan, bạn bè đã đi tìm nhưng không thấy. Mọi người thuê cả vạn chài rà câu dọc các tuyến sông; cử người đi theo các tuyến đường, vào những khu đền miếu, chùa chiền, những nơi heo hút mà nàng có thể đến. Tay lái xe nghe tin tôi ra cũng chạy mất tăm. Hắn sợ tôi nổi nóng thì toi mạng. Kẻ cùng đường vì yêu thì dám làm những điều người đời ít lường tới. Tôi như con thú bị nhốt trong chuồng chỉ muốn lao ngay ra ngoài mà cắn xé, mà trả thù. Bây giờ đã đến tuổi ngồi tĩnh tâm suy nghĩ lại quá khứ. Lúc đó tay lái xe trốn đi là sáng suốt, thông minh, chứ không chắc tôi đã là kẻ sát nhân. Hắn trốn đi vừa có lợi cho hắn mà cũng may cả cho tôi.

Chuyện thế này. Nàng là nhân viên nấu ăn của xí nghiệp vận tải hàng hoá. Từ ngày có nàng về làm, nhà ăn đông hẳn lên. Những tay từ trước đến nay chuyên kiếm lý do để đi ăn cơm bờ, cơm bụi cũng tự nguyện về ăn bếp tập thể. Lái xe nay đây mai đó, tự do, phóng túng nên mỗi cung đường thường có "của rơi, của vãi" để lại. Chuyện gửi con cho người khác nuôi, chỉ giữ vai trò là bố thì với cánh xế cũng bình thường. Tay xế nào trong xí nghiệp cũng thích được ngắm nàng. Có nhiều tay bạo mồm còn nói: "Ngon quá, trông đã muốn cắn cho một cái'. Một vài người đã tìm mọi cách để đến với nàng nhưng đều bị từ chối. Nàng khéo léo thông báo với mọi người rằng mình đã có người yêu. Mặc, cánh xế vẫn tìm cách tiếp cận. Hoa thơm có thằng đàn ông nào không thích hái, thích ngắt. Nhìn thấy thịt ngon có con mèo nào không liếm mép.

Chiều ấy, xí nghiệp tổ chức liên hoan mừng công. Tiệc tàn, thu dọn xong thì đã muộn. Nàng chuẩn bị ra về thì tay lái xe của xí nghiệp do công tác đột xuất không dự liên hoan được bây giờ mới đánh xe đến ăn. Người này nàng đã biết. Trong số lái xe của xí nghiệp thì hắn là người luôn tỏ ra đứng đắn tử tế không như những người khác gặp nàng là chọc ghẹo, giở trò tơ tít. Ngươi này gặp nàng đều rất lịch sự, nhã nhặn. Có việc phải trao đổi cũng chỉ đủ nội dung, lượng thông tin cần thiết, không thừa cũng chẳng thiếu. Hắn ta cũng đã có vợ, con ở quê. Làm ăn cũng là người chân chỉ, tiết kiệm. Nàng cũng có cảm tình. Khi nàng mang suất cơm cho anh ta, vì vắng người, đằng nào cũng phải chờ dọn xong mới về được nên khi hắn mời cùng ngồi cho vui, nàng vui vẻ nhận lời. để tạo cớ cho nàng ngồi cùng, hắn lấy trong chiếc túi vải ra gói ô mai, thứ mà nàng thích nhất và bảo rằng quà đi công tác. Ăn hết gói ô mai hắn đưa chừng mười phút, tự nhiên nàng thấy nhức đầu, chóng mặt, người nôn nao. Như vô tình hắn cũng buông đũa, buông bát nói tiện xe để anh ta đưa về. Thấy là người từ trước đến nay là tử tế, đạo mạo, đứng đắn, lại cùng cơ quan, mấy cô bạn cùng nhà ăn nói vào, nàng đồng ý ra xe nhờ hắn đưa về nhà. Khi nàng lên xe, hắn không đưa về nhà mà đưa lên quả đồi vắng, lúc đó nàng đã nhũn như con chi chi. Và chuyện gì đến nó đã đến.

Ê chề với cuộc đời, sự trong trắng chỉ trong giây lát đã bị cướp mất, cú sốc tâm lý như đòn chí mạng đánh vào trái tim nàng. Nàng không thể tự mình đứng lên được. Trang giấy trắng vương đầy mực. Nàng bỏ cơ quan đi mất. Tôi đau đớn, căm thù nhưng cũng chẳng thể làm gì hơn được. Tôi quay về trường với nỗi chán chường. Sự mặc cảm với nỗi đau đời làm tôi mất hét niềm tin. Tôi vùi đầu vào những trang sách cố quên đi tất cả.

Thời gian thật tài tình. Dù đau khổ hay sung sướng, bần hàn hay giàu sang, bất kỳ tận phúc hay tận cùng hoạn, sôi động ầm ĩ đến đâu rồi cũng an bài.

Như biển sau bão dông lại hiền hoà xanh thắm. Tìm nàng mãi không thấy, mọi người lại lao vào việc mưu sinh. Phải tồn tại đã trước khi muốn ban phát một điều gì cao thượng. Người đời không ai coi nàng đã chết nhưng cũng chẳng tin nàng còn sống. Câu chuyện của nàng chỉ còn vất vưởng bên lề đạo đức, niềm tin. Những lúc chợt vui, chợt buồn tôi vẫn nhớ đến nàng. Nỗi nhớ thoảng hoặc như gió bay, luồn vào tận cùng ngõ ngách thân thể tôi đau nhói.

Tốt nghiệp đại học, cầm quyết định tôi về quê nghỉ chờ đi nhận công tác. Mẹ tôi đã mất. Bà mất sau chuyện của nàng một năm. Ngôi nhà bà nói để lại cho tôi, bán hay để ở, tuỳ. Cả năm thỉnh thoảng mới có người ra vào nên nhà ẩm thấp và lạnh lẽo. Thu dọn quét tước từ sáng đến chiều tối, công việc tạm ổn. Làng quê, quán xá chẳng có nên tôi đành mua gói mỳ tôm định bụng ăn quấy quả rồi sang mấy bác hàng xóm, cám ơn gia đình đã trông nom giữ gìn giúp tôi khi vắng nhà. Tôi thiu thiu ngồi chờ cho bát mỳ nở hết thì nghe tiếng bước chân rất quen. Nàng đang đứng trước mặt tôi, tay dắt đứa bé.

- Em và cháu vừa về đến nhà - Không để tôi phải hỏi, nàng nói ngay - nghe tin anh về sáng, em và cháu lại anh.

Nàng chỉ tay vào đứa bé:

- Nó đây anh. Em lấy tên anh đặt cho nó đấy.

Tôi bế cháu vào lòng. Thằng bé trông có những nét hao hao giống tôi thủa nhỏ. Nàng vẫn trắng và xinh, chỉ có điều bây giờ nàng đã dùng phấn và son. Từ nàng toả ra mùi nước hoa đắt tiền. Mùi thơm cao quý nhưng không giống hương thơm ngày nào khi nàng trong vòng tay của tôi đêm trăng bên khu vườn đầu ngõ. Tôi thú thật chưa ăn cơm và cũng không biết nàng về hôm nay. Nàng nhìn tôi cười:

- Nhìn bát mỳ là em biết. Mẹ con em cũng chưa ăn uống gì. Em đã mua thức ăn sẵn đây rồi. Để em nấu nồi cơm cả nhà cùng ăn. - Nàng nhỏ nhẹ giọng hờn trách.

- Anh ăn uống thế này sống làm sao được. Người lúc nào cũng teo tóp, còm cõi. Anh đọc sách ít thôi, đừng thức khuya. Toàn mắt là mắt - Rồi nàng vui vẻ - Từ nay em sẽ không cho anh như thế này nữa.

Lại phải kể thêm. Cha nàng bây giờ đã nghỉ công tác. Từ ngày về đến nay sinh ra rượu chè, sống bệ rạc. Ngày còn làm việc chẳng biết ăn ở thế nào, từ khi về tịnh không có người đến chơi. Mẹ nàng do sinh nở nhiều, làm lụng vất vả bao năm, đến tuổi, đau yếu luôn đã ra ở với vợ con cậu em sau nàng ở Hải Phòng để trông nom nhà cửa. Mấy đứa em nàng người thì đã thoát ly, người đang học việc, người đi làm thuê trong Nam. Đứa em út ở nhà làm ruộng nhưng sống cũng bạt mạng, tạm bợ, bỏ nhà đi chơi với bạn qua đêm thường xuyên. Gia cảnh nhà nàng bây giờ cũng rất phức tạp đang có chiều suy kiệt. Không hiểu sao bao năm bặt tin tức nay nàng lại trở về. Cơm nước xong do đi đường vất vả, nàng cho con đi ngủ ngay. Ngôi nhà lại chỉ có nàng và tôi. Nàng kể lại tất cả những gì đã trải qua nhưng nàng không nói cho biết nàng ở đâu. Trời ơi! Tôi không thể ngờ rằng để trả thù đời, trả thù cho chính thân xác nàng và cùng quẫn, nàng đã lăn lóc vào các nhà hàng cùng những cuộc chơi da thịt. Nàng dìm đời vào vũng bùn nhơ nhớp, bẩn thỉu để móc tiền từ túi những thằng đàn ông đốn mạt.

Tôi ngồi nghe với trái tim vô cảm pha chút thương hại. Phải chăng từ nỗi đau năm tháng trước, sự từng trải qua thời gian có chút trong sạch của sách vở mà tôi như thế. Nàng lao vào lòng tôi nức nở. Tôi để nguyên cho nàng khóc và cố gắng tìm lại trong mình chút vương vấn thủa xưa nhưng chỉ là sự cố gắng hoài công, nàng ngước lên nhìn tôi đắm đuối.

- Anh hãy cho em đứa con!

Lặng lẽ nâng nàng ngồi dậy! Tôi xích ra một chút. Cái thằng đàn ông ích kỷ và thù hận lớn dần trong tôi. Nàng đã là kẻ phản bội, đã giết chết tình yêu và niềm tin của tôi. Nàng đã bán cả linh hồn cho quỷ. Lúc đó nào tôi có nghĩ rằng mọi sự hoàn lương đều là đau khổ, đắng cay. Chỉ có cái gì lớn lắm mới làm cho người ta trở về trong trắng và hoàn mỹ.

Đêm đó, nàng và tôi lại thức. Thỉnh thoảng đứa bé cựa mình nàng đến vỗ vỗ lên người nó rồi ra. Đôi ba lần cái thằng đàn ông có đến nhưng rất nhanh tự đẩu đâu trong tôi như ngửi thấy mùi tanh tanh, nồng nồng đến lợm giọng. Tôi chạy vội ra ngoài hút thuốc. Gần sáng, giục tôi đi nằm rồi nàng lên với con.

Cả ngày dọn dẹp, tối khuya mới ngủ nên sáng ra tôi dậy muộn. Khi từ buồng trong bước ra tôi nhận ra nàng đã đi rồi. Nàng để lại cho tôi bức thư:

“Anh yêu! Em biết rằng thế là em đã vĩnh viễn mất anh. Kẻ có lỗi duy nhất là em. Em cần có anh biết bao, cần tình yêu của anh biết nhường nào nhưng em không xin tình thương hại. Yêu anh như thế chẳng há bằng mười phụ nhau sao anh. Em những hy vọng khi trốn chạy sự nhơ nhớp khốn nạn, đốn mạt em sẽ có anh. Bây giờ em hiểu rằng, giữa cuộc đời ô trọc này em không còn ai nữa. Những khát khao làm lại cuộc đời thật khó. Tay nhúng chàm có bao giờ cho sạch. Em và con ra đi không kịp chào anh. Anh thánh thiện biết bao. Hãy thứ lỗi cho em.

Có thể anh không tin. Em vẫn yêu anh và chỉ có anh thôi.

Anh đừng đi tìm em. Em đã tìm cho mình con đường đi rồi”.

Bận mãi công việc, học hành tôi không còn thời gian để nhớ nàng. tôi như kẻ đã qua sông, con đò đã gác mái. Có nhiều người đến với tôi, nhưng tính lãnh đạm đã xua họ đi. Có người biết chuyện cho tôi gàn, thậm chí có kẻ còn phao tin, tôi đồng tính luyến ái. Mặc thiên hạ xì xèo, thực lòng khi họ đến tôi lại nghĩ về nàng, đến những gì nàng đã trải qua. Có những lúc tôi còn mong sao sau mỗi lần con đàn bà cùng thằng đàn ông, trời làm cho có sẹo ở mặt thì mới xứng.

Sau lần gặp lại ấy, tôi cứ năm năm xin nghỉ một lần về quê và lần nào tôi cũng gặp nàng. Không biết đây là sự trùng lặp ngẫu nhiên hay cố ý của nàng. Gặp nhau, nàng vẫn cư xử với tôi hết sức dịu dàng và luôn giữ một khoảng cách nhất định. Mới đây, gặp lại người em gái của nàng, tôi được biết nàng bây giờ bán hàng kỷ niệm. Con trai của nàng đã vào đại học. Và một điều mà tôi không ngờ tới dù ở đâu, làm gì luôn có nàng theo dõi từng bước đi đến công việc của tôi. Mấy lần tôi suýt bị đuổi việc vì tính phớt đời, điên điên khùng khùng thì đều có bàn tay kín đáo của nàng gỡ giúp. Ngay vụ năm ngoái, tôi bỏ cơ quan đi chơi làm vỡ cả hợp đồng thiệt hại cho cơ quan hàng trăm triệu, tưởng là hết, nhưng chính nàng, không biết cách gì đấy đã giữ cho tôi không việc gì. Hay cách đây nửa năm, do va chạm với tay trưởng phòng trong một phi vụ làm ăn, nóng máu tôi nhảy vào đánh ông ta giữa chốn ba quân mà rồi cũng thoát nạn. Nàng sợ tôi làm hỏng đời mình. Nàng giữ cho tôi sạch sẽ.

Về đến quê tôi hay tin nàng đã chết. Hôm nay đúng tuần bách nhật. Không ai rõ nàng chết vì sao, chết như thế nào. Có người nói rằng nàng về quê khi qua đò thì bị đắm. Có người lại bảo

rằng, nàng chờ đó thì tự nhiên đất bờ sông chỗ nàng đứng bị lở.Nàng rơi xuống sông và bị nước cuốn đi. Người khác lại nói nàng đang đứng đột nhiên có con sóng rất lớn chồm lên cuốn mất. Người cho là nàng tự tử. Thực hư chưa rõ thế nào, chỉ biết nàng đã chết. Nàng chết bởi dòng sông.

Thơ thẩn đi về phía cây đa đầu làng nơi xô xe ngày trước, tôi ngồi xuống. Bỗng nhiên như có tiếng sấm và, kìa nàng đang gánh tro cho bèo ăn, bụi tro bay mù mịt. Khuôn mặt nào giấu sau chiếc khăn mờ mờ ảo ảo. Tôi định đứng lên lại gần, nhưng không sao gượng đứng lên được, người nặng trĩu. Hình như có ai đỡ tôi đứng dậy, bàn tay rất mềm, rất mát. Bóng nàng cứ xa dần, nàng đang khóc.

Buột miệng, lần đầu tiên tôi gọi tên nàng.

Sóng vẫn vẩn vơ trôi

1

Cả tháng nay trời rét đậm rét hại lại cộng thêm có mưa phùn, con đường vào làng lúc nào cũng nhem nhép, nhem nhép. Mấy chân ruộng mới cấy, cây lúa non chết rụi. Trâu bò cũng chẳng nhà nào dám đưa ra ngoài đồng chăn dắt. Mấy nhà chủ quan khi trời lạnh vẫn dắt ra đồng chăn thả, tối về có nhiều con bị cước chân, lạnh, lăn quay ra chết cóng trong chuồng. Đàn trâu trong làng cả tháng phải nhốt, mùi phân trâu bò lâu ngày không dọn phả ra hôi hôi, khăm khắm, trùm lên các ngõ ngách. Tiếng lũ trẻ quát tháo inh ỏi mỗi chiều xua trâu cũng vắng. Tiếng lộc cộc gõ móng của bầy trâu đủng đỉnh trên đường làng cũng không còn. Tiếng xoe xoé của mấy bà mắng con mỗi sáng, mỗi chiều vì tội lười nhác không đưa trâu ra đồng chăn cũng vãn. Chỉ còn tiếng gió bấc rít từng hồi trên ngọn tre hay dẫy bạch đàn dọc theo con đường vào làng là mỗi ngày một nặng. Chiếc cầu xi măng sơn đen đầu làng cũng không còn phải chứng kiến cảnh lũ trẻ khi đưa trâu ra đồng chăn thả hay lúc lùa trâu về đứng giữa cầu, vạch quần đái tồ tồ làm mưa xuống con sông nữa.

Trời rét quá, mấy gia đình thuyền chài cũng kéo nhau đùm úm vào trong con ngòi nhỏ chọn nơi khuất gió tránh rét. Nhà nào nhà nấy lấy mảnh áo mưa rách trùm lên che chắn cửa thuyền. Trông xa, những ngôi nhà thuyền tùm hụp như chiếc áo, vá chằng vá đụp, nham nhở với các mảng màu xanh xanh, đo đỏ, nâu nâu. Mấy nhà bên con ngòi thỉnh thoảng lại ra bên búi tre ngó nghiêng, trông mấy cây trái trong vườn.

Rét thế nhưng lão Kiếm không cho vợ con đưa thuyền vào chỗ con ngòi nhỏ tránh rét mà vẫn đậu thuyền ngoài bến sông. Lão cũng không cho vợ con lấy áo mưa che gió như các nhà khác. Sáng dậy, lão vẫn một mình một ấm chè, ôm khư khư cái điếu bát. Thỉnh thoảng lão lại buông câu chửi thề. Biết tính lão thế, bà Tèo cũng mặc. Nói ra vạ rách việc. Từ ngày về ở với lão đến giờ, bà biết. Ý lão thế nào là phải đúng như thế. Nếu làm sai, lão chửi cho đến ủng óc, thối tai. Ngồi uống nước lắm, lão lại lò dò ra mui thuyền, vạch quần đái. Lão nghiêng mặt nhìn vào trong làng, tai vểnh lên nghe tiếng nước chảy xuống bong bong. Con khoang nằm ở mui thuyền, mỗi lần lão ra lại rời ổ. Mỗi lần như thế, nó vươn mình kéo xác theo cái thói mỏi mệt rồi ngước hai mắt lên nhìn. Xong, nó nem nép mon men ra lép tép uống nước trong lòng khoang. Khi lão Kiếm chui vào nhà thuyền, con khoang lại lặng lẽ quay vào cái ổ ở đầu mũi, nằm ghếch mõm ra ngoài, lim dim mắt.

Sáng nay, ngoài trời lạnh đến thấu da thấu thịt, lão Kiếm vẫn đánh trần, mặc chiếc quần đùi, ngồi trong lòng thuyền, đầu cúi xuống kẹp giữa hai gối kỳ cạch giũa những chiếc lưỡi câu. Giũa xong chiếc lưỡi câu nào, lão mắc trả nó vào trong kẹp tre. Thỉnh thoảng lão ngoái đầu nhìn ra ngoài sông miệng lủng bủng chửi.

- Tổ sư nó. Mưa dầm mưa dề lại rét mướt kéo dài thế này lấy cứt mà ăn à.

Lão chửi trời, chửi đất hay chửi ai. Chịu. Chửi ai chỉ có bản thân lão biết. Bà Tèo ngồi nép bên trong phên nứa chắn cuối thuyền cứ cặm cụi vá lưới, tịnh không dám lên tiếng. Nghe lão chửi luôn mồm bà cũng khó chịu nhưng mặc. Giây lời với lão lúc này chỉ tổ gặp vạ. Lão muốn chửi ai thì chửi. Miệng lão chửi thì tai lão nghe. Từ ngày gắn cuộc đời mình với lão, bà đã quen với chuyện này. Bà Tèo quen chuyện lão chửi như người ta quen khổ, quen đau. Mặc dù cái đau, cái khổ luôn làm người ta khó chịu.

Miệng lão chửi nhưng trong đầu lão lại đang nghĩ cách bắt bằng được con cá măng phá lưới của lão ở khúc Rủ. Đã không bắt được nó, lão còn bị nó hất xuống sông. Lưới không bắt được thì lão dùng câu. Đời lão chưa có con cá nào thoát khỏi tay khi lão đã quyết bắt. Lão tin vào việc đó như tin chính việc đang ngồi giữa lưỡi câu vậy. Việc lão muốn dùng lưỡi câu để bắt con cá măng này là lão muốn con cá phải chịu đau đớn đến tận cùng như khi lão bị con cá chơi khăm, hất xuống sông vậy. Lão muốn con cá phải chịu cái đau cho đến khi chết. Còn nếu lão thích bắt nó thì chỉ cần lão xách cái đinh ba, lặn xuống, vùi mình trong bùn dưới lòng sông, đợi cho con cá đến gần, lao mũi lao là xong. Nhưng nếu làm thế thì con cá không biết được như thế nào là sự đau đớn. Lão vẫn nghĩ. Chỉ có sự đau đớn đến tận cùng thì mới thấy giá trị của sự sống.

Chiếc thuyền câu nhẹ nhàng lướt đến, nép sát vào cạnh thuyền nhà lão Kiếm rồi dừng lại. Do dừng đột ngột, chiếc thuyền câu bị lớp sóng phía sau trườn đến, nâng phía đuôi hơi vểnh lên rồi mới hạ xuống. Nó cứ dập dềnh trên sóng như thế. Người ngồi trên thuyền câu đưa tay bám hờ vào chiếc nhà thuyền của lão Kiếm, đỡ cho nó không va quệt vào mạn thuyền. Chẳng cần nhìn ra ngoài, lão Kiếm cũng biết đó là thuyền câu của lão Được. Lão Kiếm tay vẫn giữa lưỡi câu, miệng đánh tiếng ra ngoài.

- Lão đi đâu về sớm mấy. Lên làm chén rượu chứ?

- Hầy. Đi thả mẻ lưới kiếm con cá uống rượu cho đỡ buồn. Mưa rét nên chán lắm. Chỉ được mấy con cá mù. Thấy lão có nhà ghé qua hỏi thăm tý thôi. Trời lạnh thế này, chắc lão không phải ngâm xác nữa hả?

- Mưa nắng thế này, chắc năm nay đói rã mép ra mất.

- Lão lo xa quá. Còn nước lo gì không có cá. Khúc này hết cá ta đi khúc khác.

Bà Tèo ngồi cuối thuyền, tay vẫn đang dùng ghim vá mấy đoạn lưới bị rách. Hôm qua lão Kiếm mang lưới đi thả ở khúc Rủ. Lưới năm xen hai, loại lưới dùng để đánh bắt cá chép, trôi, rô, diếc. Không ngờ gặp con cá măng, cỡ phải mười tám hai mươi cân vào lưới, phá rách. Tiếc mà chịu. Đã không bắt được lại bị nó làm rách lưới, tiếc của giời, lão Kiếm lủng bủng chửi suốt buổi. Ngồi vá lưới, nghe chuyện của chồng và lão Được, bà Tèo nối lời.

- Các ông bảo đi đâu? Đi đâu chả sông này, nước này. Liệu có đi mãi được không?

Không để bà Tèo nói hết câu, lão Kiếm gầm gừ trong họng, giọng cáu cẳn.

- Biết cái gì mà chõ mồm vào. Lại thấy mấy nhà trên bờ có ruộng xa đồng gần tớn mắt lên. Cứ tưởng lên bờ là có nhà ngói cây mít ngay đấy. Thích. Cứ lên đi. Rồi cháo không có mà húp.

- Ơ hay hai cái ông bà này! Rõ là chán! - Lão Được vội lên tiếng - Động tý cứ ầm ầm lên là làm sao. Thôi. Tôi về đây. Tối lão sang tôi làm chén rượu nhạt nhé.

Như tiện tay, lão Được quẳng lên sạp con cá rói còn giẫy đành đạch.

- Trưa, nói mụ vợ nấu canh chua mà ăn. Cá rói khúc Trầm đấy.

Dứt lời, lão Được vung tay, nhấn sâu hai cái cặp tay chèo về phía trước, kéo mạnh xuống phía đuôi thuyền. Chiếc thuyền hơi vểnh đầu lên rồi nhẹ nhàng lướt đi. Trông hai tay lão Được bơi thuyền khoắng khoắng hai bên mạn chẳng khác gì mấy chị trong gánh hát chèo làng Đông thỉnh thoảng lại về diễn ở thôn Nang. Chèo được một quãng, lão Được lại gõ cặp tay chèo vào thành thuyền. Tiếng cặp tay chèo đập vào chỗ cạp trên của con thuyền câu lạch cạch, lạch cạch. Tiếng gõ mạn xua cá mỗi khi đi thả lưới. Phía sau chiếc thuyền câu, vệt sóng tõe sang hai bên hình rẻ quạt, táp nước vào bờ nhè nhẹ và tan đi như những vệt sao đổi ngôi hằng đêm. Thuyền lão Được đi rồi, lão Kiếm miệng vẫn chửi lủng bủng. Cứ mỗi khi có ai nhắc xa, nhắc gần hay có ý nói, nhắc nhở đến chuyện đất liền là lão lại thấy lộn hết cả ruột. Cả đời lão, cả bố lão,

thậm chí ông bà, cụ kỵ nhà lão nào có ai biết gốc gác quê quán ở đâu. Lão có nghe nhưng đấy chỉ là bắc chõ nghe nồi hơi chứ có cái gì bảo đảm. Từ ngày lão có mặt trên đời, lão chỉ thấy con thuyền nhà lão phiêu bạt nay đây mai đó. Đậu đâu là quê, nghỉ đâu là bến. Khúc sông còn cá thì ở, hết cá lại nhổ sào chèo đi nơi khác. Gạo chợ, nước sông. Bao đời nay nhà lão vẫn thế mà có thấy chết đói bao giờ đâu. Lão biết, bà Tèo, vợ lão thích lên bờ lắm. Chả gì, bà Tèo cũng một thời là người của đất liền mà. Đã đôi ba lần bà nhỏ to nhắt nhỉ, nói xa nói gần chuyện đó với lão. Chẳng lần nào lão muốn nghe. Chỉ cần nghe được câu trước câu sau là lão đã chửi. Lão muốn dẹp ngay cái tư tưởng nhăm nhe lên bờ với chả tình làng nghĩa xóm. Với lão, lối nghĩ của bà vợ chẳng khác gì chuyện mơ tưởng hão huyền. Lão nghe mà ngứa cả tai.

2

Mụ Đoác buôn cá trong làng bảo lão Kiếm phải bệnh giời đầy. Người lão lúc nào cũng nóng rừng rực, muốn cháy. Quanh năm suốt tháng lão ở dưới nước. Vào những ngày mùa hè, lão luôn phải ngâm mình dưới nước, chỉ thò mỗi cái đầu lên trên. Hôm nào nắng nóng quá, lão còn phải ngậm ống thông hơi, lặn nằm áp xuống bùn mới chịu được. Chỉ khi nào đói, lão mới ngoi lên ăn xong rồi lại lặn xuống luôn. Vào những ngày này, có việc phải ngồi trong thuyền một hai tiếng đồng hồ, lúc đó có ai dội nước vào người lão nghe thấy rõ cả tiếng xèo xèo như que than hay thanh sắt nung nóng nhúng nước. Cũng vì cả đời phải ngâm mình dưới nước nên da lão xam xám, đen đúa, nhăn nheo, seo lại như miếng thịt bụng lợn sề. Cũng vì lão luôn phải dìm mình dưới đáy sông, áp da áp thịt với bùn mà từ người lão tỏa ra mùi tanh tanh dìu dịu của bùn, của sa. Đời lão Kiếm chỉ mong quanh năm là mùa đông. Như mấy hôm nay, trời rét xuống đến bẩy tám độ lão mới có cảm giác dễ chịu. Mọi lời ong tiếng ve của người đời lão Kiếm đều nghe thấy hết. Với lão, thiên hạ có nói vậy chứ nói nữa chẳng là cái đinh gỉ gì. Lão lấy bông đút nút lỗ tai lại. Tha hồ mà nói, tha hồ mà nghe.

Mấy hôm nay không đêm nào lão ngủ được yên. Nhắm mắt là lão lại mơ đến con cá măng phá lưới hôm trước bị lão lôi cổ lên thuyền. Cả đời sông nước, chưa có con cá nào mà vướng lưới của lão có thể thoát được. Thế mà, hôm trước, lão đem lưới đánh trên khúc Rủ lại bị con cá măng phá cho tung lưới, còn lao lên húc làm lật thuyền. Lão hận. Hận lắm. Hận tất cả. Lão hận lão vì mang tiếng là người sống dưới nước mà không bắt nổi con cá và có con cá to thế, sống cùng ngay trong lòng sông mà cũng không biết. Lão hận con cá măng vì nó khôn quá. Con cá đã biết cách thoát khỏi lưới còn có ý làm nhục lão. Lão hận tay lưới không đủ sức cuốn chặt lấy con cá để nó thoát. Lão hận cả khúc sông Rủ vì để con cá măng to thế sống cùng. Cả ngày không lúc nào là lão không hậm hụi về chuyện đó. Hôm đó để con cá măng thoát lưới, chèo thuyền về đến nhà, lão thề sẽ bắt bằng được con cá măng đó để lấy mật ngâm rượu, lấy cái bong bóng phơi khô làm đồ nhắm rượu xem lão thắng hay con cá măng đó thắng.

Đang nghĩ chuyện cá chả biết sao lão lại nghĩ xiên sang chuyện vợ con. Cũng cái khúc sông ấy lão đã lặn xuống kéo bà Tèo dìm dưới nước rồi vác lên cái điếm canh đê. Và cũng chính cái khúc sông ấy, lão chứng kiến cảnh làng đưa người đàn bà bị lão dìm sông cạo đầu bôi vôi, trói vào cọc trên bè chuối thả sông. Rồi cũng chính đoạn sông ấy lão đã nhận và đưa người đàn bà ấy về làm vợ. Và lại cũng cái khúc sông ấy lão bị con cá măng làm nhục đời sông nước. Lão nghĩ rất nhiều về cái chuyện lão làm cách nay cả chục năm. Nếu ngày đó lão không túm chân bà Tèo, lôi dọc sông rồi vác lên cái điếm canh đê thì lão có phải chịu cảnh như bây giờ không? Nếu lão không nhận và chẳng có mặt ở cái khúc sông chết tiệt này, cái lúc người làng túm đông, tụm đen như nhặng xem cảnh cạo đầu bôi vôi thả sông thì liệu lão có làm cái việc tốt mà theo lão là duy nhất lão làm trên đời này? Giời đầy hay lão tự đầy? Lão chán. Lão chả cần biết nữa. Càng cố quên thì cái chuyện ấy hình như lại càng hay làm lão phải nghĩ. Nhất là mỗi khi nhìn cái bản mặt thằng Lợi, lòng lão lại bộn lên không yên. Nó cứ giống ai chứ chả giống lão lấy chút gì gọi là.

Theo lão, sự khốn nạn nhất mà lão phải chịu là người lúc nào cũng cứ nóng như than. Người nóng như than thì lão ngâm mình dưới nước, dưới bùn nó sẽ đỡ. Lão sẽ chịu được. Cái khổ nhất, nhục nhất là mỗi khi người như thế thì cái ham muốn xác thịt đàn bà của lão lớn lắm.

Lớn đến độ lão không thể làm chủ được bản thân. Cái của nợ của thằng đàn ông lúc nào cũng căng cứng, đòi hỏi. Cũng đã có nhiều lần lão phải cố chịu đựng để tự hành hạ mình bằng cách lấy dây buộc vào nó rồi chằng ngoặc về sau. Thậm chí lão tự đánh cho nó thật đau để nó hết cái thèm muốn thú vật ấy. Cái lần lão lặn xuống túm lấy chân bà Tèo, dìm, lôi dọc sông cho đến ngắc ngoải rồi đưa lên điếm canh đê cũng là một lần như thế.

Hôm ấy, vừa chập choạng chiều, người lão lại nóng như phát hoả. Lão vội nhảy xuống sông lặn sâu xuống đáy. Khốn nạn cho thân lão. Đang nằm dưới lòng sông thì lão lại nghe thấy có tiếng bước chân lội nước. Nhìn qua làn nước mờ mờ, lão thấy cái chân trăng trắng, đùng đục. Chân của đàn bà. Lão đã cố tránh nhìn đi chỗ khác nhưng cái ham muốn của thằng đàn ông nó thức dậy. Nó đòi hỏi, nó căng cứng làm cho lão không thể chịu được. Lão thấy như có cái gì cứ thúc vào người đưa lão đến gần cái bắp chân trăng trắng, đùng đục. Lão trườn người sát mặt bùn đến gần. Khi lão đã nhìn rõ cái chân. Lão ngước nhìn lên. Trong làn nước lão nhìn thấy hai quả bồng đảo nhấp nhô như mời, như gọi. Và thế là cái gì phải đến đã đến. Lão túm lấy chân có hai quả bồng đảo đang nhấp nhô ấy mà lôi. Lão cứ túm hai cái chân kéo cái thân người trắng đục ấy đi một đoạn dài. Khi đã kéo được một đoạn đủ để cái thân người có cái túm đen đen ở giữa khêu gợi, cái quả bồng đào trái cấm ấy vừa đủ ngạt thì lão trồi người lên, vác xốc lên vai, leo lên đê chạy về cái điếm canh vắng tanh vắng ngắt nơi đồng không mông quạnh. Xong việc, lão vứt người đàn bà lại điếm canh đê. Lão lại trườn người xuống bùn nằm.

Rồi lại cũng vào một chiều, lão vừa đi thả lưới về đậu bên kia bến thì thấy trong làng tiếng mõ, tiếng trống, tiếng người xôn xao. Tiếng mõ, tiếng trống, tiếng người ngày càng tiến gần về bến sông. Kẹp giữa hai người đàn ông lực điền, tay chân cuồn cuộn cơ bắp như dây thừng, dây chão là người đàn bà. Nhìn kỹ, người đàn bà bị kẹp giữa hai người lực điền không ai khác chính là người đàn bà mà lão đã túm chân chiều muộn hôm nào lôi dọc sông rồi vác lên cái điếm canh đê. Phía sau có bốn năm người đang khênh cái mảng đóng bằng cây chuối. Đến bến, họ ném mảng chuối xuống bến sông rồi đưa người đàn bà có hai lực điền kẹp giữa đặt nằm xuống tấm phản trên mảng chuối. Mấy người trên bờ cũng lao xuống theo giúp hai người đàn ông lực điền trói, gìm chặt người đàn bà vào đó. Đám người trên bờ thi nhau chửi, rủa, tay chân chỉ chỏ rỉa rói. Sau khi đã gim chặt người đàn bà vào tấm phản, có một người đàn ông mà lão nhìn không thể đoán được tuổi trèo lên cái mảng chuối, lấy tay, túm từng đám tóc của người đàn bà rồi dùng kéo cắt. Vì bị gìm chặt vào tấm phản nên người đàn bà kia không thể đụng cựa được. Mỗi khi người đàn ông không đoán được tuổi cắt từng túm tóc thì người đàn bà lại ngoặc đầu bên nọ, ngoắc đầu sang bên kia trông như con sâu bị bọn trẻ lấy gạch đánh dập một phía chỉ còn cái đầu ngọ ngoạy thia lia.

Tuy là người của sông nước, lão chả cần quan tâm đến chuyện người trên bờ làm gì. Nhưng lão biết, người đàn bà bị gìm chặt trên tấm phản ở mảng chuối bên bến kia đang bị dân làng buông trôi sông vì tội chửa hoang. Đã đôi ba lần chứng kiến cảnh như thế này nhưng lão chẳng để ý. Đất có thổ công, sông có hà bá. Đất có thổ công hay không thì lão chả biết và lão cũng đếm thèm vào biết. Còn sông, với lão, hà bá là lão chứ chả là ai khác. Đời lão cả ngày ngâm dưới nước, lão chả thấy rồng rắn, thuồng luồng nào cả ngoài mấy con cá nhép mà thích bắt thì bắt. Lão bắt cá như người đời thò tay vào túi mình thế. Sống với cá, với nước, với bùn đất nên gặp chuyện trên bờ như thế lão chỉ thấy buồn cười. Của người ta, người ta không giữ lại mang cả làng đi lo giữ. Lão thấy thật thối chuyện, rỗi hơi.

Nhìn thấy người đàn bà bị lão túm chân, lôi dọc sông rồi vác lên điếm canh đê bị hành hạ, bị chửi rủa, như con thú sa bẫy, như con cá bị lão bắt đựng trong cái vợt giẫy giụa cố tìm lối thoát thân mà bất lực. Tự nhiên, lão thấy tức ngực, thấy đau ở bên dưới bụng, thấy thương, thấy tội lỗi. Có phải người đàn bà kia bị dân làng hành hạ, xỉ nhục, xua đuổi, loại bỏ khỏi cộng đồng loài người là do lão làm không? Chút thỏa mãn dục vọng của lão đã làm cho người đàn bà kia phải chịu bao đau khổ. Tại lão? Tại lão mà người đàn bà kia mới nên nông nỗi này? Lão thấy người lão cứ nóng dần, nóng dần lên.

Lão trố mắt lên nhìn, giương mắt lên chứng kiến người ta hành hạ người đàn bà của lão ở điếm canh. Lão nghĩ. Nghĩ nhiều lắm. Càng nghĩ lão càng thấy mình tội lỗi. Lão thấy lão thật ti

tiện và khốn nạn. Lão nghĩ lão không bằng con chó đực, chó cái. Khi người đàn ông không rõ mặt lấy nghiên mực đổ lên mặt người đàn bà thì lão không chịu được nữa. Lão nhảy xuống nước, lặn một hơi sang đúng bên cạnh cái mảng chuối rồi trồi người lên. Bám hai tay vào mảng chuối, lão nhảy lên. Chiếc mảng chuối bị nghiêng, hất người đàn ông đang đổ nghiên mực xuống sông. Những người trên bờ, mặt cắt không còn giọt máu, miệng há hốc, mắt trợn ngược, đứng như trời trồng. Lũ trẻ đang hò hét hùa theo đám người lớn chửi rủa, mắng mỏ người đàn bà, thét lên. Có đứa chúi đầu chui xuống chân bố mẹ, có dăm ba đứa, sợ quá, giật lùi về sau ngã dúi dụi, vài ba đứa xé háng người lớn chạy vào làng kêu khóc. Đám người đang đứng trên bờ vón lại, xô ngả nghiêng. Người đàn ông có cái bản mặt không đoán được tuổi cứ chới với giữa dòng, hai tay chới với, chân đập lõm tõm như chân chó bơi sông kêu cứu.

Quăng mình xuống nước, lão lao ra chỗ người đàn ông đang đập tòm tõm chới với kêu cứu, giơ tay túm tóc lôi sấp lên bến. Xong việc, lão giật tung sợi dây cuốn quanh người đàn bà bị gim chặt xuống chiếc mảng chuối. Lão đứng trên chiếc mảng giọng cấm cẳn.

- Người đàn bà này do tôi làm có chửa. Làng muốn bắt vạ thế nào cũng được. Tôi đem người đàn bà này về ở với tôi.

Dứt miệng, lão đẩy luôn chiếc mảng về bên thuyền rồi bế vứt người đàn bà lên sạp. Sự việc diễn ra nhanh quá, bất ngờ quá, làm cho những người đang đứng trên bờ không kịp nhận ra lão là người hay ma, lão nói cái gì, đang làm gì. Khi mọi việc đã xong xuôi, hoàn hồn trở lại thì lão đã đưa người đàn bà kia vào trong ngôi nhà thuyền rồi. Và cũng từ đó, lão có vợ, có người đàn bà bên mình. Mấy ngày lão cũng có ý chờ xem người làng có ý kiến gì không nhưng tuyệt nhiên lão chả thấy có chuyện gì. Cả làng chẳng ai bắt khoan bắt nhặt gì lão. Mà hình như họ coi như mọi cái chưa xảy ra, trên khuôn mặt mọi người làng vẫn như không. Người đàn bà khốn khó từ đó thành vợ lão. Có nhiều ngày lão nghĩ. Tại lão đã làm cho người đàn bà khổ và cũng coi như cái số trời định thế. Lão làm người đàn bà khổ thì lão phải gánh chịu nỗi khổ do lão gây ra. Lão hại người thì trời đầy lão phải chịu thế này.

Mải nghĩ chuyện của vợ, lão Kiếm không để ý, giũa trượt ra ngoài. Chiếc lưỡi câu đâm sâu vào tay. Lưỡi câu thả được làm bằng sợi thép nhỏ. Loại thép để làm lưỡi câu loại này thường phải mua của cánh thợ cầu. Họ thường chặt trộm các đoạn dây cáp rồi đem bán. Mua về, người làm lưỡi câu phải gỡ từng sợi, đem giãn cho thẳng, cắt từng đoạn ngắn vừa tầm uốn lưỡi. Xong, một đầu uốn một vòng nhỏ chỉ đủ luồn sợi dây cước hoặc sợi ni lông để nối với dây thả, có nơi còn gọi là dây ràng. Sợi dây này, khi thả câu được kéo từ bờ bên này sang bờ bên kia. Phía đầu dây thép còn lại, dùng giũa, giũa cho nhọn, sắc. Sau khi đã làm xong các công đoạn trên, dùng kìm đặt sợi thép đó vào một cái giá, uốn lại hình chữ u. Khi uốn xong thành từng chiếc lưỡi câu, lúc đó lại phải dùng lửa than cốc, nung nóng lên, tôi vào nước muối đặc. Đến khi đó mới có thể buộc vào dây thành dây câu thả xuống sông bắt cá được.

Những chiếc lưỡi câu đã tôi xong, chúng rất cứng và giòn. Nếu ai không biết đem uốn cho thẳng lại là sẽ gãy ngay. Sau mỗi lần thả, thu dây câu về phải dùng giũa, giũa lại lưỡi cho bén, tẩy hết phần gỉ vàng bám vào lưỡi đi. Giống cá nó thính lắm. Lưỡi câu thả chỉ cần có mùi tanh tanh của thép gỉ là chúng nó tránh được hết. Lúc ấy, có đem thả câu cũng chỉ là công cốc. Sau khi đã rửa sạch lưỡi đem nhúng vào mỡ lợn cho chúng không bị gỉ, trông anh ánh sáng. Cũng vì cái màu anh ánh sáng ấy, khi thả xuống nước, loại cá có mắt mà như mù không nhìn thấy, cộng thêm mùi mỡ lợn hút cá vào đó lượn lờ để mà vướng lưỡi. Vì lưỡi câu được giũa sắc, tôi trong nước muối đặc nên khi con cá vướng vào, đâm vào da, chúng bén và ăn rất sâu, rất buốt. Khi đó con cá càng vùng vẫy, muốn thoát lưỡi câu thì lưỡi câu càng đâm vào sâu. Càng đau, con cá càng cố giẫy làm cho dây câu căng ra. Những chiếc vỏ ốc, nắp bật lửa hỏng buộc ở hai đầu cọc dây ràng làm tín hiệu rung lên. Nghe tiếng kêu, người thả câu biết để chèo thuyền ra bắt cá.

Trong tất cả các loại động vật, lão Kiếm thường nghĩ loài cá chính là loại ngu nhất. Theo lão Kiếm, ở đời, người chết vì của, kiến chết vì mỡ, chim chết vì mồi, kẻ dốt chết vì danh, kẻ có danh lại chết vì lợi. Thì đấy, lưỡi câu lão đem thả sông có mồi đâu. Giá lão mắc mồi mà chết cho cam. Đây lão không hề mắc lấy một tý mồi gọi là. Lưỡi câu lão thả sông là lưỡi câu không,

nhưng loại cá, sống dưới nước, có mắt mà cũng như mù, chết vì ngứa ngáy, đú đởn.

Nói là nói vậy thôi chứ lão thừa biết. Giống cá khi bơi theo dòng nước, gặp cái gì trôi vật vờ là ngoe nguẩy, lượn lờ cọ thân vào đó. Chính vì tội gặp cái gì vật vờ cũng nghĩ là tử tế, hiền lành, ngứa ngáy cọ mình vào đú đởn, làm dáng. Dây câu lão làm sắc là thế, bén làm vậy. Khi lão thả xuống sông, các lưỡi câu cũng trôi theo nước vật vờ, ve vẩy, chúng mới cọ mình vào. Khi cá cọ mình vào dây câu, các vẩy lại nở ra và thế là, các lưỡi câu, lưỡi hái của thần chết đã chờ sẵn. Chỉ cần chúng chạm vào, các lưỡi câu lão buộc theo dây ràng, đang đung đưa ấy sẽ vướng vào kẽ vẩy và cắm sâu vào thân. Khi lưỡi câu của lão đã cắm vào thân thì đừng nói con nào chạy thoát. Khi các vỏ ốc, vỏ bật lửa buộc đầu dây ràng rung lên, lúc ấy, lão chỉ còn mỗi việc bơi thuyền ra, lần theo dây, luồn chiếc vợt xuống dưới và thế là hết đời.

Vì lưỡi câu rất sắc và bén, khi người thả câu giữa lưỡi phải rất tập trung. Chỉ cần sơ sẩy, lưỡi câu sẽ đâm vào tay ngay. Khi bị lưỡi câu đâm vào tay, để lưỡi câu dính trong da còn đỡ buốt. Rút lưỡi câu ra thì buốt lên tận óc.

Rút chiếc lưỡi câu ra khỏi ngón tay, lão Kiếm đút luôn vào mồm mút. Lão dùng tay kia, thò vào trong quần, giật mạnh. Xoè tay cho những chiếc lông rơi xuống mặt sàn rồi xoa xoa vê cho những chiếc lông lão vừa giật ra vón lại. Lão rút ngón tay đang đút trong mồm ra, đắp đám lông ấy vào chỗ bị lưỡi câu đâm.

- Mẹ cha nó chứ. Sao mà buốt thế.

Tự làm lưỡi câu đâm vào tay mình, lão Kiếm không biết chửi ai đành chửi đổng. Vứt dây câu lại, lão đưa mắt nhìn áng chừng số lưỡi câu đã giũa xong. Với tay kéo ấm tích. Rót một bát nước đầy, lão đưa lên uống một hơi. Xong, lão lấy ống tay quệt ngang miệng.

Mưa đã tạnh, mặt sông trông sáng, những con sóng nô đùa đuổi nhau hết lớp này sang lớp khác. Nhìn các con sóng đuổi nhau, lão Kiếm lại nhớ lão Được có một lần nói với lão. Cuộc đời sông nước cũng như các con sóng, suốt đời cứ chạy đuổi theo cái điều không tưởng nhưng lại hạnh phúc. Nghe lão Được nói lão kệ. Lão chỉ thấy thật vớ vẩn. Chúng cứ đuổi nhau như thế cả một đời không biết chán. Theo lão, ở đời việc gì phải cứ tự làm khổ mình vì sự hão huyền ấy. Ai đuổi thì đuổi, chứ lão, đấm thèm vào. Lão không nói, lão Được lại tưởng lão không biết gì, cười. Đúng là dớ dẩn.

Nhìn theo bóng thuyền câu của lão Kiếm cho đến khi khuất hẳn vào khúc ngoặt, bà Tèo chui vào nhà thuyền. Tự nhiên bà chán chường, không muốn làm gì cả. Bà với tay lấy chiếc ấm tích rót nước. Bà rót đến khi nước tràn ra sạp thuyền mới biết. Giật mình, bà đặt vội chiếc tích xuống rồi vơ vội chiếc áo rách mắc hờ bên mạn lau. Xong, bà ngồi thừ ra. Những giọt nước mắt cứ lăn dài trên má.

Bà không thể ngờ rằng cuộc đời xô đẩy bà từ một cô gái trên bờ, gắn bó với bờ xôi ruộng mật lại trở thành người đàn bà của dân làng chài, dân mà người làng luôn có những cái nhìn không thiện cảm. Người làng thường cho rằng, người sông nước thường là những kẻ vô ơn bạc nghĩa, dân trộm cắp, đầu sông cuối ngòi, dân tứ chiếng giang hồ, dân vô gia cư, chết vô địa táng.

Cái ngày bà còn là con gái, mỗi khi ra đường bà sợ nhất những cái nhìn như mắt sói. Bà luôn có cảm giác những ánh mắt ấy nuốt chửng lấy bà. Thế rồi bà gặp được một người con trai không biết từ đâu dạt về làng làm thuê cho nhà Bát Song. Mỗi lần ra đồng, thấy người ấy cứ lầm lụi làm, mỗi khi gặp bà cũng không như những người khác. Giáp mặt bà đấy nhưng cũng chẳng dám ngẩng mặt lên chào. Quanh năm suốt tháng chỉ có độc một bộ quần áo bằng vải diềm bâu, nhuộm nâu, dày như mo cau.

Năm đó, nước lũ trên thượng nguồn đổ về dữ quá. Con sông chảy cuồn cuộn, đục ngầu một màu vàng vàng của sa. Rều rác trôi lều bều cuộn vào các vòng xoáy. Chiếc cầu tre bắc sang đồng chao qua chao lại, lắc la lắc lư. Buổi sáng, khi bà đưa trâu sang thả ngoài mục con sông còn trong trẻo và hiền lành. Thế mà bây giờ, mới chưa đầy nửa ngày đã đầy nước. Nhìn chiếc cầu tre bà sợ. Nếu đang đi trên cầu mà chẳng may rơi xuống thì khó lòng mà sống nổi.

Những cuộn xoáy nước kia sẽ dìm chết chỉ trong nháy mắt. Nhưng bà không thể không sang. Bà phải sang để đưa trâu về. Thời gian gần đây đã có một vài nhà làng bên bị bọn trộm trâu vào tận chuồng dắt trộm. Người khôn của hiếm, đói kém dễ làm người ta sinh thói hư, sinh đạo tặc. Nhà nông, của cải, kiếm sống đều nhờ con trâu cả. Con trâu là đầu cơ nghiệp. Không có con trâu rồi thành chết đói, mùa vụ lấy gì mà làm ăn, cày cấy. Nhìn dòng nước, nhìn chiếc cầu, dù sợ nhưng bà vẫn phải sang.

Dò dẫm từng bước lên cầu. Tay nắm vào cây vịn, bà lết lết từng bước một. Mới lết ra được chừng hơn hai mét, bà thấy cây cầu chao đảo, đưa qua đưa lại, tròng trành, lắc lư như muốn hất bà xuống sông. Bước lên cũng không được mà quay lại cũng không xong, bà cố bám thật chặt tay vào cây vịn. Đưa mắt nhìn xuống sông, bà thấy hoa cà hoa cải nổ trong mắt. Những xoáy nước bên dưới cứ hút bà xuống. Bỗng, chiếc cây vịn tay bị đứt lạt nối các cây với nhau. Bà nhao người. Dòng xoáy bên dưới cuốn bà đi.

Cứ mỗi lần con sóng đẩy bà lên, khi bà định kêu ai cứu nước lại tràn vào đầy miệng. Bà chỉ còn giơ hai tay lên chới với cầu cứu. Dòng xoáy cứ mỗi ngày giật bà ra xa bờ hơn. Rồi bà thấy chân tay rã rời, người nhũn ra. Bà càng cố nhoai người lên mặt nước thì hình như dòng xoáy càng cố dìm chìm sâu xuống. Đúng lúc ấy, hình như bà thấy có một cái gì, không phải cá mà giống như một cái chạc cây, rất cứng, quặp chặt ngang người bà kéo đi. Chết đuối vớ được cọc, bà cứ ôm riết lấy vật đó. Rồi bà thấy cái gì đó cũng rất cứng cứ đánh vào mặt bà. Cái vật đó đánh liên tục cho đến khi bà không còn nhận ra cái gì, ngất lịm đi.

Khi tỉnh lại, bà lờ mờ nhận ra bà đang nằm trên bãi trồng mầu của làng. Ngồi cạnh bà là người đàn ông có khuôn mặt quen quen. Khuôn mặt cứ rõ dần, rõ dần. Người ngồi cạnh bà không ai khác là Được, người đàn ông làm thuê cho nhà Bát Song. Bà nhìn rõ khuôn ngực của Được vồng lên, đầy và dầy như ức con trâu mộng. Khuôn ngực có cái cơ cuồn cuộn ấy cứ phập phồng, phập phồng. Giật mình, bà nhổm dậy rồi lại vội nằm xuống ngay. Chiếc áo của bà đã không còn trên người. Phủ lên trên thân bà là chiếc áo diềm bâu, nhuộm nâu, dày như mo cau.

Bà không nghĩ Được lại khổ đến thế. Được bảo bà. Được là con trai của một gia đình thuyền chài ở trên vạn Bo, cách nơi này xa lắm. Vì nhà Được đông anh em, bao đời lênh đênh sông nước làm nghề kéo chài, thả mồi, buông lưới. Kiếp sống sông nước đầy ải vất vả. Đất không có một tấc cắm dùi, nhà không có một túp để ở. Sống ngâm da, chết ngâm xương. Được muốn lên bờ để làm thuê, tiết kiệm, tích cóp mua lấy mảnh đất cắm dùi. Được không muốn sống cuộc sống sông nước nữa.

Cho đến bây giờ, bà Tèo cũng không hiểu sao ngày đấy Được lại bỏ bà mà ra đi biệt tăm biệt tích như thế. Nhiều đêm không ngủ, nghĩ về quá khứ bà giận lão Được lắm. Khi bà báo tin có con, Được không nói một câu. Hôm sau, Được lẳng lặng bỏ đi đâu bà cũng không biết, để bà phải chịu bao nỗi cực nhục của đời. Được mong muốn rời xa kiếp sông nước mà sao khi biết bà có mang với mình lại bỏ bà mà ra đi. Nhà chỉ có hai mẹ con, có ruộng có vườn, có nhà có cửa mà sao Được lại đối xử với bà như thế. Nếu Được không thích ở rể thì mẹ bà cũng cắt đất ra cho vợ chồng bà cơ mà. Được vẫn nói với bà mỗi khi vụng trộm bên nhau chỉ mong có được mảnh đất, ngôi nhà vui vầy cùng vợ con mỗi ngày đi ra đồng vào ruộng. Bà chỉ có thể tự lý giải Được khi nghe tin bà có con, bỏ bà mà đi ấy là vì bà mẹ goá, con côi, gia sản của cả nhà chỉ có mảnh vườn với gian nhà rách nát. Ngày đó bà hận, bà giận Được lắm. Không ai khác, chính Được đã làm đời bà chịu bao vất vả, tủi nhục. Bà phải sống với lão Kiếm cũng vì Được. Và bà còn sống đến bây giờ cũng vì Được. Vì cái dòng giống của nhà Được chứ đâu có vì bản thân bà.

Hận Được, bà đi tự tử. Nhưng trời cứ bắt bà phải sống, cứ bắt bà phải chịu sự đầy ải của kiếp người. Khi bà lội xuống sông trẫm mình thì bà bị lão Kiếm túm chân, lôi dọc sông dìm cho đến gần chết rồi vác lên chiếc điếm canh đê. Ấy là khi về ở với lão Kiếm, từ khi lão lôi bà từ chiếc mảng chuối mà dân làng mang bà ra thả sông. Lão đã tự nói ra bà mới biết. Còn khi ấy, bà cứ nghĩ bà bị ba ba, thuồng luồng lôi đi. Khi bà lội ra gần giữa dòng thì tự nhiên thấy có vật gì cứng lắm, ngoạm chặt lấy chân rồi cứ thế mà lôi đi. Bà bị nó tha đi đến chết ngạt. Bà càng

kêu nước lại càng ộc vào đầy miệng. Bà chỉ biết rằng, khi tỉnh lại thì bà lại nằm bên trong cái điếm canh đê ở nơi đồng không mông quạnh. Bà không muốn sống nữa nhưng lại sợ. Khi lội xuống, bà lại bị ba ba, thuồng luồng lôi đi như lần vừa rồi. Chết như thế mất xác, hồn không lên được niết bàn mà phải chịu đầy dưới chín tầng địa ngục, thả trong vạc dầu, chẳng bao giờ được đầu thai trở lại. Bà nào có biết, cái chuyện bị lôi đi dọc sông, dìm cho chết ngạt lại là lão Kiếm chịu tội giời đầy, cả đời phải sống dưới đáy sông tha bà đi như thế.

Bà cũng không thể hiểu được. Khi bà và lão Kiếm tưởng như đã an bài với số phận thì từ đâu, lão Được lại lù lù trở về. Ngày lão xuất hiện, bà lo đến thắt gan thắt ruột. Lúc đầu bà những tưởng lão trở lại dăm bữa nửa tháng rồi đi. Ai ngờ, lão mua lại của người ta chiếc thuyền câu cũ, trở lại làm nghề sông nước. Cái nghề mà theo lão, chết không có tấc đất để chôn. Phận đàn bà, mười hai bến nước. Lênh đênh phận gái theo chồng. Hạt mưa sa ra ngoài đồng, hạt sa vào trong chĩnh. Bà cũng chẳng mong ước gì hơn có được gia đình khi cái thân con gái của bà cũng không còn. Lão Được quay lại, âu cũng là trời muốn hành hạ thân bà, muốn đầy đọa bà thêm lần nữa.

Điều làm bà khó chịu và rất lấy làm xấu hổ, từ khi trở lại làm nghề sông nước, lão Được lại rất hay đến uống rượu với lão Kiếm. Nghe lão nói, chứng kiến cảnh lão giả bộ làm như không biết chuyện gì lão đã mang đến cho bà với lão Kiếm. Bà chỉ còn biết khóc thầm trong dạ. Những lúc như thế, bà lại thấy thương lão Kiếm biết bao. Dẫu lão Kiếm có cáu gắt, có tục tĩu, có chửi rủa và có gia trưởng thì bà vẫn thấy cái chân thành và thẳng thắn ở lão. Đã có những lúc, bà thầm cám ơn tạo hoá đã để lão Kiếm dìm bà xuống sông để lão gắn cuộc đời với bà. Nhưng rồi, những lần thấy lão Được long đong, vất vả kiếm miếng cơm từ con cá bà lại thấy thương. Bỏ bà đi biệt tăm biệt tích, khi quay lại cũng chỉ đủ tiền mua chiếc thuyền nan đã cũ của người ta để kiếm sống. Làm nghề sông nước mà cái thuyền, chiếc cần câu cơm cũng rách nát thì thử hỏi sống được mấy ngày. Lòng bà cứ bộn lên bao mối tơ vò. Cái bà lo nhất, sợ nhất là chuyện thằng Lợi mà bấy lâu nay lão Kiếm nuôi nấng, chăm lo. Nếu lão Kiếm biết không phải là cốt nhục của lão thì lão giết bà mất. Trời đầy lão cả đời phải ngâm mình dưới nước, phải làm bạn với bùn đất nhưng không phải vì thế mà lão không nghe, không biết chuyện gì của đời. Bà biết. Một con người như lão Kiếm, khi yêu cũng yêu hết mình mà khi đã ghét thì đào đất đổ đi. Được ngày nào lên bờ, bà lại tìm đến cửa nhà phật cầu xin đừng để chuyện ấy xảy ra. Đã có nhiều lần, đứng trước nhà phật, thấy người ta cầu tài cầu lộc, còn bà, chỉ cầu cho mình chết sớm để không phải gánh cái trái ngang cuộc đời mà không muốn khóc, nước mắt vẫn cứ lã chã rơi. Trời còn đầy đọa bà đến bao giờ nữa.

Có lần nghe mụ Đoác nói chuyện trêu đùa với lão Kiếm chuyện con cái mà bà lo thắt ruột. Mỗi lần lên bờ đi chợ, mỗi lần gặp người trên bờ là bà chỉ muốn trốn. Bà sợ từ ánh mắt của thiên hạ. Bà sợ từ cái cười, câu chuyện bông đùa của người đời. Bà sợ lão Được trở chứng lại nói nọ nói kia với lão Kiếm. Bà sợ lão Kiếm biết sự thật về việc bà bị làng trôi sông. Và bà sợ chính bà với những nỗi đau không thể nói với ai chỉ một mình gánh chịu. Mỗi khi lão Kiếm có việc vào làng là bà lo lắng mất ăn mất ngủ hàng tháng. Chỉ bao giờ, lão Kiếm dục đi chợ mua gói thuốc lào hay lạng chè thì khi ấy bà mới thấy yên tâm.

Lau xong chỗ nước đánh đổ, như tiện tay, bà lau dọn luôn cả gian nhà thuyền. Bầy cá lão Kiếm đánh về thả nuôi dưới lòng khoang thỉnh thoảng lại quẫy đuôi, kèn cựa nhau chỗ nước đáy khoang lục bục. Thở dài, bà leo ra đuôi thuyền, với tay chài tìm chỗ rách để vá. Con khoang vưỡn vẹo đi đến bên, cọ cọ sườn vào bàn chân. Vừa làm, bà Tèo vừa đưa mắt nhìn về phía khúc sông Rủ. Những tia nắng cuối ngày sáng chập chờn trên sóng. Cả khúc sông chỉ còn ánh lên màu bàng bạc, nhàn nhạt và dờn dợn.

Mấy bữa nay bà Tèo không thấy lão Được qua thăm nhà bà như thói quen thường ngày. Quá trưa, ăn uống xong, lão Kiếm đã hạ chiếc thuyền câu, quẳng tay lưới rồi với tay cầm mấy bộ dây câu. Còn chân trên chân dưới lão nói, không ra nhắc mà cũng chẳng ra bảo hay dặn dò. Lão bâng quơ.

- Tối nay tôi mới về. Ở nhà bảo thằng Lợi đi mua dầu. Hết rồi đấy. Nhớ mua cho mấy lạng thuốc lào nữa. Mà mua thuốc ngon ấy. Thuốc hôm nọ, hút vào vạ thối mồm.

Lão Kiếm vừa chèo thuyền đi khuất sau khúc sông thì lão Được chèo thuyền qua. Lão làm như vô tình tạt vào thăm chứ không có ý định gì cả. Thấy lão Kiếm không có nhà, lão Được dợm dợm tay chèo định đi. Mỗi lần gặp bà Tèo, lão lại thấy mình có lỗi. Cái lỗi lão cảm thấy cũng thoáng qua nhanh lắm. Nhanh như con sóng khi mái chèo khua vậy. Chỉ loáng cái là đã tan vào sóng nước. Không biết nghĩ thế nào, lão dợm dợm chèo rồi bỏ đi không cả chào bà Tèo như thói thường ngày.

Chèo thuyền đến khúc Rủ, lão Kiếm tìm lùm cây xoà xuống nước, chèo thuyền vào đó giấu. Lão dọn tay lưới, bộ dây câu cho gọn vào dưới cái sạp tre trong lòng thuyền rồi nằm dạng chân, gác lên hai be thuyền, gối đầu vào khung ngang nằm. Lão nằm lim dim mắt như ngủ, đôi tai lão hóng về khúc sông có ý nghe ngóng. Tối qua, khi lão sang nhà thuyền của lão Được uống rượu, nghe lão nói chuyện con cá măng ở khúc Rủ mà lão bắt trượt. Nhìn mặt lão Được lúc ấy, lão Kiếm biết lão Được muốn đến đó lắm. Trông cái mặt lão khi nghe kể cứ sáng lên. Đôi mắt của lão Được nhìn lúc đó cứ long lanh, long lanh. Lúc ấy, lão Kiếm đã nghĩ lão phải kiểm tra lại một lần nữa những phán đoán của lão. Mụ vợ nghĩ lão ngu, vạn chài bảo lão khờ, lão Được cho rằng lão là kẻ kém hiểu biết. Ai nói gì lão cũng mặc. Cả đời lão phải dìm mình xuống sông, xuống nước nhưng đâu phải mắt lão mù, tai lão điếc. Lão nghe thấy hết, nhìn thấy hết. Lão nghĩ thế nhưng lão cố chịu. Lão không muốn nói. Thâm tâm lão muốn nói bằng hành động cụ thể. Lão vẫn thích thế. Với lão, chả có cái nói nào quan trọng bằng việc làm. Lão nằm tưởng tượng ra những gì sẽ diễn ra chiều nay. Lão thấy vui, cười một mình.

Nằm khểnh đến chập choạng chiều thì lão Kiếm dìm thuyền, giấu tay lưới và dây câu rồi lặn xuống nước. Lão bám sát bùn, theo con ngòi ra nằm dưới lòng sông. Lão lần ra khúc Rủ, nơi có con cá măng đã làm rách lưới và còn có ý chơi xỏ lão. Dám đâm vào chiếc thuyền hất lão xuống sông. Khi ra đến khúc Rủ, lão khoét xuống bùn một cái rãnh, nằm ép sát vào đó. Cảm thấy chưa yên tâm, lão lấy tay vét bùn phủ lên kín người, chỉ thò cái đầu lên. Mái tóc của lão bị nước sông làm vật vờ, vật vờ như đám rong, rêu. Cái ống thông hơi lão ngậm trong miệng làm bằng ống thân hoa cây súng, phía trên được lão nguỵ trang bằng nụ hoa. Khi đã nằm yên vị dưới lòng sông, lão tưởng tượng ra cảnh lão túm được chân tướng của người luôn có ý coi thường lão mà cười thầm trong bụng. Lão sướng lắm. Cái cơ ở bụng của lão cứ co cứng lại.

Lão nằm chưa đầy hai ba mươi phút thì lão nhìn thấy có lớp sóng tõe ra như đuôi con cá trên mặt nước. Rồi cái vòng sóng có cái bóng đen đen nhòe nhòe cứ vẫn vơ, luẩn quẩn ở trên chỗ lão nằm. Phía trên lão nằm có ai đang thả lưới. Mấy lần lão định đưa tay kéo lại để xem là lưới của ai nhưng rồi thôi. Người sông nước, chỉ cần nhìn tay lưới, cách kẹp chì, buộc phao, thắt dây giềng là cũng biết lưới của nhà nào. Người trên bờ có câu, người nào của nấy thì người sông nước có câu, người nào lưới đấy. Tính nết con người nó cũng thể hiện qua nét buộc, thắt dây giềng, cái phao và cách kẹp chì.

Lưới đánh cá của mấy bà buôn gai vó đem bán ngoài chợ thường là lưới hàng. Lưới làm hàng thường phao buộc bẩy hoặc mười. Cứ bẩy mắt hoặc mười mắt lưới thì lại buộc một phao. Chì cũng thế, vì làm hàng nên người ta thường kẹp chì năm hay chì bẩy. Thậm chí có nhiều người không kẹp chì sẵn mà chỉ bán lưới rồi về người làm nghề sông nước, tuỳ theo ý định sử dụng vào đánh bắt các loại cá mới kẹp chì. Việc đó chẳng qua là người bán bớt được công làm song nó cũng tiện cho người mua. Kẹp chì sẵn có khi mua lưới về lại phải tháo chì ra kẹp lại. Lúc đó rất mất thời gian. Dây lưới mảnh, miếng chì mỏng. Kẹp đi thì dễ nhưng tháo ra, kẹp lại thì phải mất thời gian bằng bẩy tám lần làm lần đầu. Chỉ riêng cái công đoạn ngồi tháo dây chì đã chết ốm. Sau khi kẹp chì, người làm thường lấy kìm bóp cho chết hai đầu miếng chì để cho miếng chì khi quấn vào dây giềng có lỏng cũng không thể chạy qua chạy lại trong đó được. Chính vì thế, khi đã kẹp chì rồi, tháo ra kẹp lại rất dễ làm cho miếng chì hỏng và làm cho rách lưới.

Nếu đánh cá ăn chìm, cá tầng đáy thì người đánh cá thường buộc chì năm. Cứ năm mắt lưới lại phải kẹp một chì. Kẹp thế để cho chì nặng, kéo lưới xuống sát mặt bùn. Lưới đánh cá tầng lửng thì kẹp chì chín hoặc mười. Lưới đánh bắt cá tầng nổi, lưới kẹp chì mười hai hay

mười lăm. Cá nhỏ thì mắt lưới dầy, cá to thì mắt lưới thưa. Đánh bắt loại cá rô, cá giếc thường dùng loại lưới xen một. Tức là mắt lưới đút lọt đầu ngón tay trỏ người lớn. Cứ một ngón tay người gọi là một xen. Đánh cá to, cỡ trên một cân trở lên thường dùng lưới xen ba. Nếu to hơn phải dùng lưới xen năm. Cũng vì thế mà chỉ nhìn cách kẹp chì, buộc phao, làm dây giềng, đo mắt lưới dầy mau là có thể biết được lưới đó dùng đánh bắt loại cá nào.

Nhìn qua làn nước, lão biết đây là lưới xen năm, kẹp chì một. Lưới này là lưới dùng để đánh bắt các loại cá to và ăn tầng chìm. Lưới này phải dùng để bắt những con cá to như con măng đã làm rách lưới và hất lão xuống sông vừa rồi.

Lão Kiếm vùi mình trong bùn nằm chờ. Trong khi nằm chờ, cái đầu của lão lại nghĩ đến chuyện dân trên bờ có người gặp lão bảo là ông nuôi cò. Cũng có đôi ba lần lũ trẻ trâu thấy lão là hát váng: “Công anh băt tép nuôi cò. Cò ăn cò lớn cò dò lên cây”. Có lần con mụ Đoác, chuyên mua cá của lão đi bán lẻ ở các chợ cũng nói xa nói gần như thế. Lúc đầu nghe mụ Đoác nói, lão không để ý. Mấy con mẹ hàng cá, hàng tôm là vua nhiều chuyện. Mấy mụ chuyên buôn dưa lê, bán dưa chuột này mà cứ nghe, để ý thì có mà nát nhà, thêm rặm bụng. Nhưng khi nghe mụ nói mãi thì lão cũng thấy có chuyện. Ừ. Có khi cũng phải xem lại cái tính phớt lờ chuyện đời của chính lão. Gặp lão, mụ thường cười tít mắt, cái đuôi mắt dài như mắt con dê cái, lúc nào cũng ươn ướt, long la long lanh. Một hôm, sau khi lần trong cạp quần mớ tiền nhầu nhĩ, còn tanh tanh mùi cá. Vừa lấy tay duỗi mấy tờ bạc cho thẳng vừa kiểm tra xem có bị dính hay không, mụ Đoác mắt nhìn lão cười cười. Nghe mụ Đoác nói mà cũng chẳng ra hỏi mà cũng không ra nói đùa.

- Nghe người ta bảo lão Kiếm là người mát tay nuôi con thiên hạ lắm.

Bố láo bố toét. Vừa nghe mụ Đoác nói thế, lão đã chửi thầm trong bụng. Nhà mụ thì con thằng nào chả được. Cá vào ao ta, ta được. Trông cái mông của nhà mụ, to như cái lồng bàn, cái eo thắt ngẫng lại, hai cái vú nần nẫn, chảy dài đến cạp quần thế kia, một ngày thiếu hơi thằng đàn ông thì mụ lồng lên quá con chó động đực. Hình như mụ Đoác không thèm để ý đến cái mặt lầm lầm lì lì của lão. Mụ cười hi hí khi vạch cái áo, để lộ làn da trắng nhờ nhờ màu nước gạo. Giọng mụ Đoác tí tởn.

- Cả ngày lão ngâm mình dưới nước, cái của nợ nó có bị teo đi không đấy? Bà vợ trông phỗng phao, phốp pháp thế kia mà bị teo thì tiếc của giời nhẩy. Nó mà teo thì loạng quạng, có người đến tha đi mất đấy. Các cụ thường bảo: Trái chín chim tự tìm đến để ăn. Không biết lão có nghe thấy không?

- Chim cò cái con củ tiều nhà mụ. Chỉ được cái lắm mồm. Mụ có thích trông cái teo của lão không?

Lão chửi để át đi. Lão nghĩ, nếu lão mà không dẹp được cái miệng mụ Đoác thì chả phải đợi ba bẩy hai mươi mốt ngày câu chuyện của mụ đã vương vãi ra khắp hang cùng ngõ hẻm, lây lan nhanh hơn cỏ dại. Tránh hổ, tránh báo, xua ruồi, đuổi muỗi chứ ở đời ai tránh được miệng mấy mụ hàng cá. Bịt miệng chum, miệng vại chứ có ai bịt được miệng người.

Nghe lão chửi thế mà mặt mụ Đoác vẫn cứ nhơn nhơn. Mụ vén áo, gãi sườn sồn sột. Mụ giẩu môi, mắt đánh tanh tách, tanh tách.

- Thì em ngứa mồm nói thế. Lão thấy khó chịu thì thôi. Rưng mà. Em nói thật nhá. Lão cứ ngâm nước cả đời thế thì có khi nuôi con thiên hạ thật đấy chứ chả đùa đâu. Lão cứ nhìn mặt thằng con lão xem. Nó giống lão được mấy phần.

Mụ lấy tay đưa lên phía ngoài áo ngực. Mụ nhét cái vú khi ngồi xem cá nó chảy xuống vào cái xu chiêng. Xong, mụ lắc lắc ra ý thử xem cái vú đã nằm trong xu chiêng chưa. Trước khi quầy quả gánh cá đi, mụ Đoác nhìn lão cười tí ta tí toét.

- Khi nào lão thấy nó ngứa ngáy, không còn teo thì đến em. Em cho. He he.

Nghe mụ Đoác nói, lão rất khó chịu. Biết thế, nhưng lão chả dại ra nhời. Thiên hạ mấy người nói lại được mồm con mẹ hàng cá. Khi mua, một cân thì nói tám lạng. Khi bán, tám lạng lại tính một cân. Lúc nào, trong bị của nhà hàng cá chả có tới hai, ba quả cân. Nếu có bắt được cũng cãi xoen xoét, xoen xoét. Người mua thì chỉ có chịu thiệt. Với lão, thích lão cho cả cân. Cá dưới sông, lão thích bắt lúc nào thì bắt lúc ấy. Lão gửi giời chờ lớn mới bắt. Mặc dù không tin

nhưng khi mụ Đoác đi rồi, lão vẫn ngồi thuồi luồi ra nghĩ. Bản thân lão cũng đã có lúc nghĩ đến chuyện này nhưng rồi lại cố xua nó đi. Nhưng thật khốn nạn. Lão càng cố không nghĩ thì lại càng làm cho lão nhớ chuyện của mụ Đoác đến phát ngứa ngáy. Mỗi khi nhớ đến, lão lại muốn đập phá một cái gì đó. Và những lúc ấy, lão lại chui xuống nước, nằm với bùn, với nước cho quên đi mọi chuyện ở đời.

Có một vật gì lao rất nhanh, soẹt qua người lão, suýt nữa cuốn cả ống thông hơi. Tốc độ quạt nước của nó làm lớp bùn phủ trên người cũng bị quạt cho vung vãi ra xa, để lộ thân lão trong hũm bùn. Trong màu nước lờ lờ, lão nhận ra vật vừa lao qua không gì khác là con cá măng chết tiệt đã làm rách lưới và hất lão xuống sông. Định thần nhìn lại. Chiếc lưới đang cuốn lấy con cá. Các mắt lưới mỗi ngày một mắc vào vây, vào đuôi, khoá chặt con cá lại. Rất nhanh, chỉ trong vòng vài phút, con cá đã cầm chắc cái chết. Hình như biết không thể thoát được, con cá không động cựa, kéo tay lưới chìm xuống sát đáy.

Lão Kiếm đang định thoát mình khỏi hũm bùn thì trên mặt sông, có vật gì lao đến rất nhanh. Hai vệt sóng toẽ ra hai bên thành luồng chạy dọc mặt sông. Kế tiếp là tiếng lạch cạch, lạch cạch gõ mạn xua cá. Khi đến chỗ tay lưới đang bị con cá kéo chìm xuống đáy, nó dừng lại. Phía trên mặt sông, nơi lão nằm vẫn là chiếc thuyền câu khi nãy. Chiếc thuyền câu trên kia đã đuổi con cá vào tay lưới. Đúng lúc chiếc thuyền câu dừng lại trên chỗ con cá đang bị tay lưới cuốn nằm dưới đáy sông, lão thấy tay lưới được ai đó kéo lên. Hình như chỉ chờ có thế, con cá măng lấy hết sức còn lại, đập đuôi xuống mặt bùn rồi cứ thế, kéo theo cả tấm lưới đang cuốn chặt lấy nó. Như một mũi tên, nó nhằm thẳng vào cái màu đen đen đang lập lờ phía trên mặt sông. Đám bùn dưới đáy sông quẩn lên. Lão chỉ nghe thấy ục một tiếng thì đã bị sóng ngầm giãn nước từ cú lao của nó làm bùn, nước ộc vào mắt, mũi và làm bật cả chiếc ống thông hơi lão đang ngậm trong miệng.

Nhoi lên khỏi mặt nước. Trước mắt lão Kiếm là chiếc thuyền nan đang bị nước tràn vào trôi lập lờ trên mặt sóng. Bơi lại gần. Ngay phía cuối chiếc thuyền nan, lão Được ngã vật, ngửa về sau, mặt hướng lên trời, chân mắc vào thanh ngáng ngang chiếc thuyền. Hai tay lão thả lủng lẳng sang hai bên mạn. Trên mấy ngón tay của bàn tay phải, mắt lưới còn mắc lại. Chiếc áo nâu cũ bị rách toang một mảng ngực. Máu từ bên trong chảy ra thành dòng. Các lớp sóng xô vào rồi dãn ra nhờ nhờ đỏ. Trong lòng thuyền, con cá măng vẫn bị các mắt lưới cuốn chặt lấy vây, đuôi, nằm chắn gần hết chỗ thủng của đáy thuyền. Vài ba chiếc nan gẫy rời, nổi vật vờ ở bên. Để mặc chiếc thuyền và con cá cùng tay lưới lại khúc sông, lão Kiếm bơi về chỗ giấu thuyền. Khuôn mặt lão không biểu lộ buồn hay vui. Lão thư thả chèo thuyền về.

Không thèm mắc dây vào đầu cọc neo, lão Kiếm vứt chiếc dây một đầu buộc chiếc thuyền câu lên sạp mui. Đặt chân lên sạp, lão khom người chui thẳng vào gian nhà thuyền. Thấy hôm nay thái độ của chồng khác mọi khi, bà Tèo buông vội tay ghim vá chài đứng lên. Khi bà vừa ngoặc được sợi dây vào cọc neo ở mui thuyền, lão Kiếm buông se điếu, đẩy chiếc điếu bát ra xa, nhấm nhẳn.

- Nay không có cá đâu mà ngóng. Lên khúc Rủ mà đưa lão Được về. Nhớ gọi cả thằng Lợi đi cùng.

Ngược chiều gió mùa, bà Tèo lật đật chạy theo triền đê. Bóng bà cứ vật vờ, vật vờ trôi trên mặt sóng. Từng đợt sóng vẫn nối tiếp đuổi nhau kéo theo bóng bà Tèo cứ vẩn vơ trôi, vẩn vơ trôi rồi lẫn vào sông, vào nước. Từ trong làng, tiếng các bà re réo lũ trẻ mải chơi nhởi về bỏ thêm rơm, cỏ và che chắn cửa chuồng trâu, chuồng bò vọng lại.

Nhìn theo cái bóng te tái, lật đật chạy sấp ngửa của bà Tèo trên đê, lão Kiếm đứng lên, chui ra khỏi nhà thuyền. Đứng trên đầu mui lão gọi vóng vào trong làng. Nghe tiếng lão, thằng Lợi chạy về. Vừa nhìn thấy thằng Lợi, lão Kiếm giục.

- Đi nhanh nhanh lên. Chạy lên khúc Rủ. Mẹ mày vẫn đang chờ ở đấy đấy.
- Có việc gì thế bố?
- Cứ lên đấy rồi biết.

Đợi cho thằng Lợi chạy đi, lão chui lại vào trong nhà thuyền, ngồi ật người ra sau, dựa lưng vào vách. Trên khoé mắt lão, giọt nước cứ chảy dài trên má.

Trên mặt sông, các con sóng vẫn cứ vẫn vơ trôi./.

Bốn chiều gió cả

1- Tháng năm, những cơn mưa rào không còn bất chợt ào đến rồi ngừng như tính khí của cô gái già đỏng đảnh, mà bây giờ nước đổ xuống ngập ao trào rãnh. cứ mỗi lần như thế, con đường dẫn ra đầm nhầy nhụa bùn đất. Nước ngập lênh láng hai bên đường, gió đánh táp vào bờ loạp oạp. Cỏ, rác, phân trâu bò sau hàng tuần phơi dưới nắng nóng, khô quắt queo nổi lều bều, lập lờ trên mặt nước. Đêm, đám ếch nhái được thể kêu inh ỏi gọi nhau tìm bạn tình đến nhức tai. Những con cóc cụ, to như chiếc bát úp, nhảy chồm chồm trên mặt đường, bọc mủ hai bên đầu ựa ra một thứ nước trăng trắng nhớp nháp. Những ngày như thế, con đường ra đầm vắng tanh vắng ngắt. Mấy con chó bố tôi nuôi để trông đầm và cho có bầu có bạn cũng không còn le te, tý tớn chạy chơi nhởi hay vào xóm gạ gẫm mấy chị chó cái ra đầm vừa chạy đuổi nhau vừa sủa oăng oẳng.

Vào những ngày mưa như thế, bố thường đi quanh đầm bắt những con cá rô bị nước mưa xót mắt róc ngược lên bờ. Tay cầm giỏ, tay chộp cá, chỉ một vòng đầm bố đã có thể mang về cả một chậu đầy. Tôi thường lấy một ít rán lên cho bố uống rượu, số còn lại đem kho khô, phơi ba bốn nắng, xếp vào vại sành, cứ một lớp cá thì rải một lớp lá chuối khô chống mốc để ăn dần. Hàng tháng sau hai bố con không phải lo thức ăn nữa. Thịt cá đồng, quyện nắng dai, nhuyễn vào mùi lá chuối khô, mỗi khi ăn, mùi thơm của cá, mùi thơm của lá chuối khô lẫn vào hương gạo quê thật khó lòng mà quên được.

Đến mùa khô, sau ba tháng mưa, con đường ra đầm đã biến dạng. Do phải ngâm mình trong nước suốt mùa mưa lại chịu những con sóng vỗ liên hồi kỳ trận nên từng đoạn bị sạt. Cộng vào đó, chiều chiều lũ trẻ cưỡi trên lưng trâu để ra thả bên bờ đầm nên con đường càng nhanh hỏng. Lúc nào cũng lầy thụt. Bùn đất lẫn vào phân trâu bò phủ kín mặt đường, ngập ngụa. Con đường ghẻ lở, nhôm nhoam, những ụ đất nhô lên thụt xuống như ổ gà. Mùa mưa qua, lúc đó cũng là mùa người làng làm vụ thu đông. Người, trâu và các loại phương tiện kéo đàn kéo lũ trên đường. Công nông, xe bò thi nhau chạy làm cho con đường nhão ra, xẻ rãnh. Dứt mùa mưa, con đường phơi mình trong hanh khô, chỉ vài ba tuần sau, lớp bụi nhỏ như mạt cám dày hàng gang tay phủ lên trên mặt. Mỗi khi lũ trẻ lùa đàn trâu về chuồng, lớp bụi cuốn lên. Qua hết quãng đường cả bầy trâu chỉ một màu nâu đất.

Với tôi, con đường hỏng vậy chứ hỏng nữa nó cũng chẳng có ý nghĩa gì. Điều làm tôi khó chịu nhất là gió. Gió ngoài đầm lúc nào cũng ràn rạt. Những chiếc lá chuối non vừa nhú lên đã bị gió xé cho tơi tả. Tiếng gió rít đêm đêm, tiếng lá chuối đập vào nhau lạch phạch. Nhiều đêm khó ngủ, tôi nằm nghe tiếng gió chập chờn có lúc như tiếng trẻ nô giỡn, có lúc lại như tiếng gào khóc, tiếng rú rít của ma quái. Lẫn trong tiếng gió là tiếng kêu của bầy chuột đuổi nhau chí choét. Vào những ngày vãn đồng, bầy chuột thường kéo nhau về khu đầm trú ngụ. Những khi ấy, tối tối, mới nhọ mặt người, chúng cắn đuôi nhau chạy vòng quanh đầm. Nhiều lúc phởn chí, chúng nhảy xuống đầm chòm chõm không khác gì người ta ném hòn chuổm kéo vó.

Những ngày có gió như thế, người tôi nổi mẩn ngứa ngáy hàng tuần chưa khỏi. Từ những nốt mẩn ban đầu như muỗi đốt rồi cứ to dần lên bằng quả ổi, bưng mủ. Bao giờ những nhọt bọc đó vỡ ra, mủ, máu chảy đến đâu thì chỗ đó lại nổi mẩn ngứa đến đó. Mùi tanh của mủ làm cho bầy ruồi nhặng kéo về từng đàn, bu kín khắp người. Có những lần, tôi quờ tay cũng nắm được bốn năm con nhặng xanh. Nhấn nắm tay nhẹ một cái có thể nghe thấy tiếng nổ lách tách của bầy

ruồi bị bóp vỡ bọng. Xòe bàn tay, một lớp máu, mủ lẫn lộn, nhờ nhờ xanh xanh, đo đỏ dính nhơm nhớp. Mùi thối, tanh, khai bốc lên đến lợm gịng. Tôi cũng sợ chính cái mùi tanh tanh, khăm khắm đến lợm giọng từ người tôi toả ra, cái mùi mà bọn trẻ trâu bảo không khác gì mùi cóc chết thối.

Ngoài những ngày gió, trời nắng hay mưa, có người hay không ai qua lại, phía chót con đường vẫn là gian lều của hai bố con tôi. Không người đến, không người qua, đơn độc, lẻ loi bên bờ đầm. Một thế giới không của đời lặng lẽ sống. ấy là tôi nghĩ thế, chứ bố tôi, hình như chẳng có cái gì ở đời là quan trọng. Vui không ai hay, buồn không người biết, khổ cũng thế mà vất vả cũng vậy.

Tôi còn nhớ, ngày hai bố con mới chuyển ra đầm ở. Có một chiều, bố nói có việc phải lên huyện. Trong lúc bố vắng nhà, lão Vấn đem lưới đến đánh cá trong đầm. Tôi nói, gọi rồi thậm chí chửi nhưng lão cứ nhe hàm răng cải mả ra cười hềnh hệch. Lão làm như không có tôi ở đó. Lão đánh cá công khai trước mắt, giữa ban ngày ban mặt chứ không thèm lén lén lút lút nên tôi càng bực. Không những thế, khi thu lưới lên bờ, lão còn tụt quần chổng mông vào tôi, khoe cái mông đen sì sì, chóp mông bàng bạc trắng của lớp chai do ngồi lê đánh thớt thời gian dài. Rồi lão xoay người đứng đái tồ tồ xuống đầm, hai tay cầm vẩy vẩy vẽ rồng vẽ phượng. Khi bố về, tôi nói lại. Ông đã không làm gì lại còn ngồi giải thích. Ông bảo:

- Người ta phải đi ăn trộm, ăn cắp chẳng qua cũng vì nghèo quá. Đói khổ sinh đạo tặc mà con. Mấy con cá nhà ta họ có sống hết cả đời được đâu. Bố con mình có cái để người khác đến lấy là mừng rồi. Chuyện bác Vấn có xuống đánh cá con cứ để cho bác đánh. Chuyện đời dài lắm, bây giờ con chưa hiểu được đâu.

Nghe bố nói, tôi chán mớ đời. Tôi chả hiểu bố thế nào nữa. Bụng ấm a ấm ức.

Để bảo vệ đầm, tôi gạ bọn trẻ trong xóm ra thả trâu đổi nải chuối lấy cái súng cao su. Tôi nhờ chúng dạy bắn phòng khi lão Vấn lại đến. Chúng nó khoái trí được gọi là sư phụ, làm thày dạy cho tôi. Khi nghe kể lão Vấn đái trêu tôi, chúng nó hè nhau dựng cây chuối, lấy lõi ngô cắm vào thân để tập bắn. Mỗi khi bắn trúng mục tiêu, bọn tôi lại tự thưởng cho nhau khi quả chuối lúc củ khoai hay bắp ngô nướng. Tôi chả hiểu chúng nó học ở đâu, ai dạy nhưng đứa nào cũng cam đoan rằng, muốn bắn hạ ai đó, chỉ cần bắn một phát vào chỗ ấy là thế nào cũng gục. Lúc đầu tôi không tin nhưng chúng nó thề. Để minh chứng, chúng nó bắt thằng Còi tụt quần rồi lấy cây cỏ gà vụt một nhát vào đó. Cây cỏ gà èo uột thế mà thằng Còi ôm háng lăn long lóc, miệng kêu oai oái, nước mắt nước mũi chảy giàn giụa. Để đền bù cho sự đau đớn của lần thực nghiệm ấy, chúng nó bảo tôi mang rá lạc ra luộc bồi dưỡng. Hiệu nghiệm thật nhưng bắn trúng rất khó. Chúng nó lại bảo. Có khó mới phải tập luyện. Phải hàng tháng trời chúng nó chỉ cho tôi được phép nhằm vào một mục tiêu đó. Đến bay giờ, không cần mở mắt, tôi chỉ cần kéo chạc cao su. Buông tay. Tạch. Y phóc là đúng đích.

Ngày bố và tôi chưa bị bệnh cuộc sống vui biết bao nhiêu. Nhà tôi lúc ấy cũng đang ở trong làng, có cả cha mẹ chứ không phải ở lều ngoài đầm coi cá như thế này. Mấy đứa bằng tuổi tôi, tối tối rủ nhau đi bắt cào cào, châu chấu, chàn chạt về hì hụi nướng ăn. Những ngày trèo leo cây nhãn bắt bọ xít, đem thả vào chậu cho chúng quay tít, nhả hết nước đái rồi bỏ vào nồi rang rán. Những con bọ xít rang vàng ăn bùi, thơm ngầy ngậy, đứa nào đứa nấy tranh cướp đến bỏng cả tay, khô cả họng, rát cả lưỡi. Rồi những con bọ xít to bị chúng tôi bắt kéo xe. Những chiếc xe bọ xít kéo sà sà mặt đất trong các cuộc đua để nhận phần thưởng thắng cuộc là vài ba vòng có người làm ngựa. Hàng ngày bố mẹ đi làm. Sáng, trưa, tối cả nhà quây quần bên mâm cơm. Nhiều hôm hứng chí, bố kiệu tôi trên cổ nhong nhong quanh sân hay sang nhà hàng xóm chơi. Hôm nào bận việc, mẹ sai tôi đóng cửa chuồng gà hay thu mấy chiếc bát rếch mang ra

thả vào chậu ngâm để tý nữa rửa. Ngày ấy thật thích, nhà tôi lúc nào cũng đầy ắp tiếng cười. Bọn nhóc trong xóm đứa nào cũng đòi bố mẹ cho sang nhà tôi chơi. Những tối như thế, mẹ thường luộc nồi khoai, hãm ấm nước chè xanh cho bọn tôi nhí nhách và mời các bác trong xóm đến chơi ăn cho vui. Ngôi nhà tối tối tôi ngồi trong lòng bố nghe kể chuyện biên giới, chuyện bố đi dạy chữ cho bà con dân tộc, chuyện bọn buôn lậu giấu hàng trong người bây giờ cũng không còn là nhà của tôi nữa. Nó đã phải bán cho người khác để đưa cho mẹ lên tỉnh. Mẹ ở trên tỉnh có nhớ tôi không. Còn tôi, thỉnh thoảng vẫn mơ thấy mẹ về. Nhưng lần mơ nào cũng thế, mỗi khi bố và tôi bị bệnh, mẹ lo lắng, sợ sệt phải giặt giũ hay lau chùi vết thương. Mơ, nhớ lại như thế, trong lòng tôi buồn lắm.

2 - Ngôi lều bố đưa tôi ra ở nằm ngay cạnh chiếc đầm giữa đồng. Ngày còn bé, mỗi khi tôi khóc, hờn dỗi, mẹ thường doạ, nếu không lặng sẽ mang ra đầm thả để cho ma nuôi. Những con ma có cái lưỡi đỏ, dài hàng mét, ngửi thấy mùi trẻ chiếc lưỡi cứ đưa qua đưa lại. Ngày đó chỉ cần nghe mẹ nói thế là tôi đã sợ, đái ướt sũng cả quần.

Chiếc lều nằm đơn độc, lẻ loi và khuất lấp giữa vườn chuối. Nếu đứng từ xa nhìn lại, chiếc lều lặn hẳn vào trong màu xanh ngằn ngặt của cây, chỉ khi nào đến gần, thật gần mới nhìn thấy nó nép mình vào bên các gốc cây chuối. Căn lều tuềnh toàng tường trát vách, một vài chỗ đã bục chân, lộ cả khung tre ải. Mái lều lợp bằng lá cây mía, trơ cả cọng, phía trên phủ một lớp giấy dầu nhăn nheo, mỗi khi có cơn gió nhẹ thổi qua, chúng run lên, kêu loạch xoạch. Tường hai đầu hồi trát lửng, phía trên hình tam giác, trống huơ trống hoác nhìn rõ cả trời. Nhiều hôm phải tránh gió, nằm trong lều tôi vẫn đếm được những đàn chim bay qua, ngắm mây thay hình đổi dạng khi hình người lúc con vật. Sợ nhất là về đêm, lũ chuột đuổi nhau chạy qua chỗ người nằm rào rào. Trong lều có cái gì cắn được là chúng gặm làm cho nát hết. Cũng vì thế mà tất cả mọi đồ dùng trong lều của bố và tôi phải cho vào trong chum sành, lấy miếng áo mưa bịt kín miệng. Những chiếc chum xếp vào sát chân bức vách lúc nào cũng âm ẩm hơi nước.

Vào các buổi chiều, khi trâu đã no, những ngày tôi không bị bệnh, bọn trẻ trâu thường rủ đi bắt chuột về làm món thịt hấp. Chuột đồng con nào con nấy béo mũm mĩm, nung núc những thịt. Chuột bắt về, làm lông, mổ bụng, rửa sạch rồi luộc lên. Bao giờ chuột chín, cắt lá chuối xanh rải một lớp xuống đất, xếp chuột luộc chín lên trên, rắc vừng rang, phủ thêm một lớp lá chuối khô, vần cối đá hay xếp gạch đè, ép cho hết nước. Xong, cầm cả con, xé từng miếng mà ăn. Thịt chuột đồng thơm có thêm mùi dầu vừng. Khi ăn vào vừa ngậy vừa thơm. Có nhiều đứa ăn khoẻ hết năm sáu con to cụ.

Mũi lão Vấn quả là thính. Thịt chuột vừa ép xong thì lão Vấn xuất hiện. Lão nhe hàm răng vàng khè, ám khói thuốc lào, thò tay nhón một con, mắt nhìn tôi bảo.

- Có thèm mày cũng đừng ăn. Thịt chuột nhiều đạm lắm đấy. ăn vào rồi ra bố mày lại khổ. Mủ tanh và thối hơn hố xí.

Bệnh tôi, tôi biết. Tôi chỉ không hiểu vì sao lại mắc bệnh này. Mọi người bảo bệnh của tôi là do từ trong máu phá ra. Lão Vấn khăng khăng cam đoan rằng bệnh của tôi là do bố truyền sang. Có một vài người độc mồm độc miệng bảo do nhà tôi ăn ở mất vệ sinh, kiếp trước chắc làm điều gì thất đức. Giận nhất là mụ hàng cá cạnh nhà, chuyện nhà ai mụ cũng hay, việc nhà ai mụ cũng tường. Mụ tọc mạch thóc mách và chúa đưa chuyện, đã thế cái gì cũng có thể suy diễn ra được. Đi đến đâu mụ cũng rêu rao bệnh của bố con tôi bị phá ra từ lục phủ ngũ tạng, cái nhìn thấy chỉ là thứ ngoài da thôi. Mụ còn cam đoan, bệnh này bao giờ chạy lên mắt, nước mắt rơi lã chã là gần đất xa giời. Nghe nói bệnh đã vào đến lục phủ ngũ tạng thì sống chẳng được bao lâu, chỉ còn nước chờ chết. Lục phủ ngũ tạng là cái gì tôi đâu có biết. Tôi hỏi lão Vấn. Lão lừ mắt nhìn tôi rồi hằm hè.

- Nó là tim gan phổi phèo, các cơ quan nội tạng của cơ thể con người

Lão kéo áo chỉ tay vào bụng

– Nó là những cái ở trong này này. Từ nay cấm chỉ được nghe con thối mồm đấy nói. Rõ chưa.

Nói xong lão bước đi miệng lủng bủng.

- Bệnh là bệnh, người là người, đời là đời. Đúng là quân hàng cá, chỉ được cái tài xiên thẹo mẹo dậu, suy diễn mất dậy.

Có một lần bố sai tôi vào làng mua dầu hoả về tối thắp đèn. Tôi vừa bước lên chiếc cầu vào làng thì bọn trẻ ở xóm giữa vây xung quanh, đứa nào đứa nấy lăm lăm cầm trên tay cục gạch. Chúng chỉ chỏ vào tôi ê a kêu hôi thối. Nhiều đứa còn chụm môi, nhọn mồm trông như cái loa, nhăn mặt, chun mũi, nhổ bọt. Mấy người lớn đi qua, ghé mắt vào nhìn, thì thầm vào tai nhau rồi quay ra nói gì với bọn nhóc trong xóm. Nghe người lớn nói, chúng tự nhiên dạt ra xa không dám đến gần. Bỗng một đứa hét toáng lên: Thằng hủi. Cả bọn nhao nhao lên kêu theo. Đúng lúc ấy lão Vấn từ đâu xuất hiện. Nghe nói thế, lão chửi.

- Đồ ngu. Có mắt mà như mù. Nói năng như con củ...

Chuyện xảy ra cách nay đã lâu rồi, phải bảy tám năm gì đó. Chiều hôm ấy bố đi cày về đến nhà. Mẹ sắp cơm gọi ba bốn lần nhưng bố kêu người mệt không muốn ăn. Nửa đêm tôi thấy mẹ lục cục dậy hì hụi dưới bếp hình như rang cái gì đấy cho bố lau người. Sáng ra, bố bảo mẹ đưa cho ông con dao. Khi bố cởi áo, tôi nhìn thấy cả người ông đỏ lựng như da người bị bỏng. Bố cầm con dao cạo trên da không khác gì người ta cạo lông lợn. Bố cạo đến bật máu. Ngày hôm sau, từ các mẩn đỏ trên người bố tự nhiên cứ mọc lên các nhọt. Lúc đầu các nhọt chỉ to bằng đầu đũa, sau rồi ngày càng to hơn, bằng cái bát chiết iêu mẹ vẫn hay dùng để đựng canh. Trong các nhọt chứa đầy mủ xanh. Mỗi khi nó vỡ ra, mủ máu chảy thành dòng nhờ nhờ như máu cá. Mùi tanh nồng nặc. Đi đến đâu, từ người bố toả ra mùi tanh tanh, chua chua, khăn khẳn. Bầy nhặng xanh lúc nào cũng bay theo bu xung quanh.

Bố bị bệnh năm trước thì năm sau đến tôi. Trong một lần tôi theo bố ra đồng dắt trâu non vực cày. Hôm ấy gió to lắm. Chiều về nhà tôi thấy người nổi mẩn ngứa. Lúc đầu chỉ như muỗi đốt. Bố vạch áo lên xem rồi bảo đó là tôi bị dị ứng thời tiết. Bố đem rang chiếc áo, xát lên các chỗ ngứa. Bố càng xát thì mẩn nổi càng to. Sang ngày hôm sau, những chỗ nổi mẩn đã thành các mụn nhọt to như quả ổi găng. Bên trong các nhọt đó cũng chứa đầy mủ xanh không khác gì của bố. Cũng từ đấy, mỗi khi tôi gặp gió là bệnh lại tái phát. Năm ấy tôi đang học lớp hai đành phải bỏ. Cứ mỗi khi tôi đến lớp, tất cả chúng bạn đều bỏ chạy ra ngoài. Ngay cô giáo, khi có tôi cô lại lấy chiếc khăn tay mùi xoa buộc che nửa mặt, thỉnh thoảng chạy ra ngoài, tháo khăn, ngửa cổ lên thở lấy thở để, hai tay vuốt ngực một thôi một hồi chán chê mới thôi. Nghe chuyện, bố tôi lúc đầu sôi lên sùng sục, đòi đến nhà trường làm cho ra môn ra khoai. Sau khi gặp cô giáo, thầy hiệu trưởng, chả biết thế nào bố tôi lặng lẽ gật đầu. Tối, khi mẹ sang nhà hàng xóm chơi, bố xoa xoa tay lên đầu tôi, nhẹ nhàng bảo ở nhà bố dạy chữ cho. Ngày trước, khi còn trong bộ đội bố vẫn đi dạy chữ cho bà con đồng bào suốt. Cứ yên tâm, bố có đủ chữ để dạy tôi nên người. Bố cười mà miệng cứ méo xệch, chả khác gì người mếu. Cả lớp, cả trường chả ai thích tôi. Đến như mẹ, tối tối cũng kiếm cớ sang nhà hàng xóm để tránh không phải chịu nỗi khổ của những gì từ người bố và tôi thoát ra. Ngôi nhà tôi giữa xóm mà cô độc như nhà ma, lạnh lẽo.

Vừa cắn miếng thịt nhai chưa kịp nuốt, nghe lão Vấn nói thế tôi nhè vội ra. Mỗi lần bị phát bệnh tôi rất sợ. Lúc mới phát, các mụn nhọt còn mẩn đỏ thì ngứa. Khi thành nhọt thì đau, nhức, buốt. Đầu lúc nào cũng ong ong như sắp vỡ. Khi các mụn nhọt vỡ ra thì tanh, mủ nhầy nhầy. Rồi những chỗ quần áo bị mủ giây vào, không kịp giặt, nó khô cứng, loang lổ phải ngâm nước cả ngày mới vò sạch. Thấy tôi không ăn, mấy đứa cũng bỏ luôn. Được thể, lão Vấn ngồi bệt xuống đất, hai chân khoanh bằng tròn, lấy tay kéo đống thịt vào lòng. Lão lắc lư đầu ra chiều đắc ý lắm. Chiếc quần đùi bộ đội rộng thùng thình, lão vén cao quá bẹn, hở tô hô, chấm cả xuống đất.

3 - Thời gian gần đây tối nào tôi ngủ cũng mơ thấy mẹ về. Mỗi đêm như thế tôi rất sợ khi tỉnh giấc. Những giấc mơ không trọn vẹn, sứt sẹo.

Một lần tôi mơ thấy mẹ đi xe máy về thăm bố và tôi. Chiếc xe mẹ đi đỏ lắm, đỏ như máu. Khi mẹ đi trên con đường ra đầm, chiếc xe nhảy chồm chồm như trâu lồng, lúc ẩn, lúc hiện trong bụi đất. Khi đến cạnh lều, thấy bố và tôi đang nằm ngủ thì tự nhiên mẹ bị ngã. Đàn trâu ở đâu lao đến dẫm lên. Tôi chạy ra thì mẹ vùng bỏ chạy, hai tay khua về sau rối rít. Mẹ xua tôi đừng đến gần. Con trâu vênh ngà của thằng Còi hất mẹ lên cao rồi lấy đầu đánh văng xuống đầm. Một đàn cá lao đến, chúng nhe những chiếc răng vừa to vừa dài như răng cưa cứ thế mà xâu xé. Sợ quá, tôi hét lên gọi bố. Đưa tay quờ quờ trên mặt chiếu, một lớp nhầy nhầy, tanh tanh dính vào tay. Tỉnh dậy, tôi đang nằm trong vũng mủ do các nhọt bọc vừa bị vỡ.

Lần khác, tôi vừa nằm thì đã mơ thấy mẹ. Bà đến đứng bên đầu giường của tôi. Từ trong các mụn nhọt, cả vốc giòi ngo ngoe bò ra. Con nào cũng béo nung núc, căng tròn to như ngón tay. Chúng bò ra rồi lại kéo nhau chui vào, hai hàm răng to đen như càng cua ngoạm từng miếng thịt của tôi mà ăn. Tôi đau quá, gọi mẹ cứu nhưng bà cứ đứng nhìn, mặc cho bầy giòi căng bụng máu, đầy một bụng thịt. Tôi càng giãy giụa thì bày giòi càng ra sức đục sâu vào người. Bố đến, trên tay cầm bó đuốc vẫn thường đi kiểm tra đầm hơ hơ lên trên. Từng con giòi căng lên rồi nổ lốp bốp. Có tiếng ai đó gọi mẹ ngoài cửa. Ngoái đầu nhìn ra ngoài. Có một người đàn ông lạ lắm lấy xe máy đưa mẹ đi. Bố nhìn theo, hai mắt héo hắt, mặt nhoè nhoẹt nước. Tôi vùng dậy, chạy ra ngoài vớ hòn gạch vỡ ném đuổi theo. Viên gạch bay vèo vèo, quay lại rơi xuống chân tôi đau điếng.

Bao nhiêu lần mơ là bấy nhiêu lần tôi đều thấy mẹ không bao giờ đến gần. Mẹ cứ đứng từ xa nhìn lại. Mẹ sợ những bọc mủ ở nhọt vỡ ra bắn sang người. Tôi nhiều khi cố quên nhưng hình như tôi càng nhớ thì lại càng nhớ.

Phải hôm hai bố con vỡ nhọt, quần áo bê bết những máu cùng mủ, mùi tanh sặc sụa, trùm kín cả ba gian nhà. Quần ái thay ra chưa kịp mang đi ngâm ruồi nhặng kéo về, bu kín chẳng khác gì rá đỗ bị đổ. Lúc cầm lên, cả đàn ruồi bay nhao nhao. Nước mủ bám ở chân, ở cánh văng ra, bắn sang mặt. Nếu không lau rửa ngay chúng đen lại không khác gì nốt cứt ruồi, tàn nhang. Phải những ngày như thế, bố và tôi phải kiêng gió nên chỉ còn mình mẹ. Mẹ thường lấy chiếc gậy dùng để phơi quần áo xêu lên mang ra cầu ao thả xuống nước. Bầy ruồi nhặng xoắn lại bay theo phía sau. Mặc dù nước mủ đã được ngâm nhưng khi vò giặt chúng dính như keo, trơn trơn, nhầy nhầy, nhơm nhớp. Sau, mẹ lấy chiếc khăn bông to làm khẩu trang, cuốn che mặt chỉ để hở hai con mắt.

Có một lần tôi ngồi câu bên bờ ao, khuất trong bụi chuối nên mẹ không nhìn thấy. Tôi thấy mẹ lấy cái gậy khoắng khoắng chiếc áo vào trong nước. Chẳng may nước bắn lên người, mẹ quăng gậy chạy, mặt tái xanh tái xám. Bộ quần áo của bố và tôi nổi lập lờ trên mặt nước. Rồi mẹ ngã. Ngã dúi ngã dụi vào bờ giậu dâm bụt ở ngõ. Biết mẹ sợ bệnh của bố và tôi nên tôi buồn lắm. Những hình ảnh ấy cứ hằn vào đầu tôi như đào ao xẻ rãnh.

Buồn nhưng tôi không dám nói với bố. Lão Vấn thường nói với tôi rằng, nếu có nhìn thấy gì, nghe thấy gì cũng đừng có toang toác. ếch chết tị miệng, người chết tại mồm. Lão giơ nắm đấm lên nhứ nhứ ra điều không nghe thì liệu thần hồn. Nhưng mà lạ lắm, tối nào tôi mơ là y như rằng bố đều biết. Có một lần, sáng ra, đợi tôi ăn xong bát mỳ tôm, bố hỏi.

- Tối qua con lại nằm mơ à?

Nghe bố hỏi mà tôi không biết trả lời thế nào. Nếu nói thật, tôi sợ bố buồn. Trả lời không thì tôi lại là kẻ nói dối, điều mà bố rất ghét. Hình như bố hiểu. Bố dục tôi ăn xong mang bát đi rửa rồi đứng lên lấy bộ quần áo tự chế làm bằng vải áo mưa mặc vào xuống đầm.

Sau những lần mơ như thế, tôi rất buồn. Những giấc mơ tôi không hề mong đợi. Đêm mơ giấc mơ buồn nên ngày tôi hay nghĩ đến mẹ. Mỗi lần nghĩ đến là tôi lại giận. Có một lần lão Vấn bảo mẹ phải lên tỉnh làm để lấy tiền mua thuốc cho bố và tôi. Mặc dù tôi cố gắng tin điều lão Vấn nói là thật nhưng những việc làm của mẹ nó cứ ám ảnh, chập chờn, phảng phất trong đầu.

Để chữa bệnh cho bố và tôi, tài sản trong nhà có bao nhiêu cứ lần lượt được mẹ mang đi bán. Tôi nghe mẹ nói phải lên trên tỉnh lấy thuốc. Chỉ có điều lạ là nói thế nào bố cũng không chịu đi bệnh viện. Còn lão Vấn, khi bố hoặc tôi phát nhọt là y như rằng lão cứ lởn vởn quanh xóm, chẳng khác gì cú nhòm nhà bệnh. Những thang thuốc mẹ mang về lọ mọ sắc lên cho bố và tôi uống đắng kinh khủng. Mấy lần đầu, tôi uống chút một, chút một như uống nước. Khi vào đến cổ họng, đắng quá tôi lại nôn ra. Thấy thế, bố dậy. Mỗi lần uống thuốc, tôi thường phải lấy tay bóp mũi thật chặt, tợp một ngụm, nuốt ngay. Bố bảo, làm như thế, vị đắng không kịp ngấm vào cổ đã trôi xuống dạ dày rồi. Bố còn dặn, làm bất cứ cái gì như đắng cay, đau đớn nên làm thật nhanh. Càng nhanh càng tốt, nó không để lại cho cảm giác sợ hãi. Bố còn nói khích. Con bộ đội phải dũng cảm mới xứng con nhà lính chứ.

Bố kể. Ngày trước, khi bố còn ở bộ đội, có một chú trong tổ công tác bị rắn lục xanh cắn vào ngón tay. Nọc loại rắn này độc lắm, nếu không kịp chữa, nọc độc sẽ ngấm vào máu chỉ chớp mắt là chết. Chú ấy đặt ngón tay bị rắn cắn lên tảng đá, tay kia cầm con dao phát rừng, chặt một nhát. Ngón tay bị rắn cắn lìa ra, rơi xuống, các cơ trên ngón tay còn động đậy. Tất nhiên việc uống thuốc không thể bằng chú gì trong chuyện của bố tự chặt ngón tay được nhưng nó cũng luôn làm tôi nổi da gà. Tôi rất tin những điều bố nói.

Lần đầu, khi bố bị phát bệnh, nhọt bọc nổi to lắm ở ngay bả vai, cộm cả lưng áo. Một hôm, bố vén áo bảo tôi nhìn xem nó như thế nào. Sau này, đến khi tôi bị mắc bệnh, tôi biết, những lúc như thế nhức vô cùng. Chỗ mọc mụn vừa ngứa vừa đau, buốt đến tận óc. Mụn to như bát tô, đỏ tía, tím tái, phía đầu nhọt nhờ nhờ trắng, sờ tay vào có cảm giác bòng bọng nước. Bố bảo tôi lấy hai tay nặn thử xem có vỡ không. Vì da lưng dầy, lại sợ bố đau nên tôi nặn không được. Bố bảo tôi đưa cho ông con dao găm. Bố cầm con dao nói tôi đặt mũi dao vào chỗ đầu mụn nhọt. Khi tôi vừa buông tay ra, ông nhấn mũi dao cho nhọt vỡ. Từ trong nhọt, máu mủ chảy chan chứa khắp lưng. Bố thu hai tay trước ngực, cong người gồng lên ép cho mủ chảy ra rồi sai tôi lấy giẻ lau ngược từ dưới thắt lưng lên. Bố lấy cán dao đập vỡ vụn mấy viên thuốc rồi đưa cho tôi rắc lên trên miệng nhọt. Nhìn bố làm, tôi sợ nhắm tịt hai mắt.

Một lần khác, mụn nhọt mọc ở giữa lưng, gần chỗ cạp quần. Khi mụn làm mủ, bố bảo mẹ nặn cho đỡ nhức. Mẹ lấy hai tay bóp mạnh, nặn. Mẹ đang day day thì bất ngờ nhọt vỡ, phụt đầy mặt. Mẹ buông tay, lao ra cửa bỏ chạy, nôn thốc nôn tháo. Lão Vấn đi qua thấy thế vào làm giúp. Dường như lão Vấn không còn biết sợ là gì. Tay lão bóp, nặn, miệng thổi phù phù vào đó. Đôi tay lão ngoe ngoét, nhớp nháp máu, mủ. Lão túm luôn vạt áo đang mặc chùi tay rồi lại nặn tiếp. Xong, lão thò tay rút từ trong túi chai rượu đổ vào vết thương rửa. Khi băng xong, chỗ

rượu còn lại lão ngửa cổ tu ừng ực. Những khi như thế, bố để mặc cho lão làm gì thì làm. Và lão làm xong cũng chẳng nói lấy nửa câu, tay cầm chai rượu, ngất ngưởng bước đi.

4 - Vì công việc đồng áng nên bao giờ cũng thế, đi làm đồng về mẹ mới đạp xe lên tỉnh để cắt thuốc. Mấy lần bố bảo mẹ không phải cắt thuốc cho ông, dành tiền mua cho tôi chữa trị thôi. Lẵng nhẵng việc mua bán thuốc thang chữa trị hàng năm trời mà đâu vẫn hoàn đấy. Tôi chả hiểu ông thày thuốc này tài giỏi đến đâu nhưng bắt mạch kê đơn chỉ nghe mẹ tôi kể chứ chưa bao giờ đến thăm khám hoặc bố và tôi phải lên hiệu thuốc. Sau mỗi lần đi lấy thuốc ở trên tỉnh về, tôi nghe mẹ nói, lần này thì bảo bệnh này, lần sau đã lại chuyển sang bệnh khác. Có một lần, mụ hàng cá nói xoe xoé giữa xóm, chữa bệnh mà không đúng căn nguyên chỉ tổ làm giàu cho mấy thằng lang băm. Có bao nhiêu của nả nó bòn rút cho bằng hết, tiền mất mà tật vẫn mang. Bệnh trong người phải chữa từ trong chữa đi, trị tận gốc, đằng này sợ đau, chữa chạy loanh quanh, chẳng khác gì trò cháo húp vòng quanh, chơi đĩ cả váy, chỉ vạ thêm ngứa.

Khổ nhất bệnh của bố và tôi là việc đi lại. ở rịt trong nhà không sao, ra ngoài đường, chỉ cần sơ sẩy một chút không giữ gió là về nhà, thế nào cũng bị phát nhọt. Thuốc lúc đầu uống đắng là thế, sau này tôi uống như nước lã, chả biết đắng là gì nữa. Đến khi phải uống nhiều quá, tôi lại phát sợ. Chỉ cần ngửi thấy mùi thuốc là người tôi đã run, lông tay dựng ngược cả lên. Những lúc hai bố con bị bệnh, tôi để ý, bố cứ ngồi bó gối thở dài thườn thượt, cả ngày chả nói một câu.

Một thời gian sau tôi để ý thấy mẹ cách hai ba ngày lại đạp xe lên tỉnh nói lấy thuốc. Thuốc mẹ mang về sắc lên chỉ mình tôi uống chứ bố không động đến một giọt. Mỗi khi lên tỉnh lấy thuốc, mẹ tắm gội rồi mới đi chứ không như trước, tong tả quần xắn móng lợn, nếp áo nhăn nheo như lò so, tóc không kịp chải chỉ lấy tay vuốt vuốt rồi chít khăn lên. Bao giờ từ tỉnh về nét mặt mẹ cũng vui, không như ngày trước, lúc nào cũng nhăn nhó, khó chịu. Thỉnh thoảng mẹ còn mua cho tôi cái áo mới, khi chiếc bánh nướng to bự. Chỉ có bố, mỗi khi mẹ từ tỉnh về lại thở dài, lôi rượu ra uống. Nhiều hôm, bố gọi lão Vấn sang, hai người ngồi khề khà đến gần sáng.

Một chiều, khi mẹ ở tỉnh về gặp hai bố con đang ăn cơm. Chả biết mẹ mệt hay làm sao mà chạy vội vào bếp nôn. Bố bảo tôi ăn cho xong bữa rồi thu dọn để đi nghỉ sớm. Tối ấy bố đi đâu đến sáng mới về, người nồng nặc mùi rượu. Thỉnh thoảng lão Vấn qua nhà nhỏ to gì đó với bố. Tôi không nghe bố nói gì chỉ ậm ừ.Rồi vào một đêm, khi ấy khuya lắm rồi tôi tỉnh giấc thì nghe có tiếng xì xào bên ngoài nhà.

- Tôi nghe chuyện này lâu rồi. Thôi thế cũng đỡ khổ cho cô. Cô cứ đi đi. Đừng lo lắng gì cho bố con tôi. Rồi đâu sẽ lại vào đấy. Tôi tự lo được.

Tôi không nghe mẹ nói gì chỉ nghe tiếng nấc ằng ặng nước. Tiếng điếu bát lọc sọc suốt đêm. Sau đêm ấy, tôi thấy bố và mẹ ít khi ngồi với nhau. Cũng từ hôm đó, tất cả quần áo của bố và tôi đều do ông giặt. Tháng sau, mờ sáng bố gọi tôi dậy rồi cùng lên huyện.

Buổi tối, sau khi ở toà án về, bố giục tôi đi ngủ, bảo mẹ ngồi lại. Nằm trong nhà, tôi nghe bố nói.

- Làm người đàn bà, xuất giá phúc phận nhà chồng. Số cô chẳng may vấp phải tôi nên khổ. Chuyện vợ chồng đầu ấp má kề. Nay chia tay nhau, tài sản không còn gì ngoài mấy gian nhà và mảnh vườn. Tôi đã bán để cô có tiền làm lại. Cô cứ giữ cả lấy, coi như sự đền bù những năm con gái. Tôi cũng đã nói với người ta, bao giờ cô đi thì người ta sẽ đến nhận.

Sáng hôm sau, bố thu dọn mấy bộ quần áo rồi dắt tôi ra căn lều ngoài đầm.

Việc trông nom ngoài đầm quả là vất vả. Nơi đồng không mông quạnh che chiều nào cũng gió. Những cơn gió hoang luồn lách ngang dọc, hở ở đâu một chút là chúng cũng có thể chui vào. Để tránh gió cho khỏi bị phát bệnh, bố tự thiết kế chiếc áo liền quần bằng vải mưa để mặc mỗi khi đi làm. Bố và lão Vấn hì hụi đo đo cắt cắt rồi hơ hơ trên lửa cho chúng dính vào nhau. Lão Vấn còn mang đến cả chiếc túi du lịch ba tầng từ thủa nảo thủa nào cậm cạch dùng mũi dao tách chỉ, tháo lấy dây khoá, cả ngày ngồi khâu. Hôm làm xong, bố và lão Vấn xem ra sướng lắm. Mỗi khi bố mặc trông chẳng khác gì ông thợ lặn, từ chân lên đến đầu kín như bưng chỉ thò mỗi hai con mắt. Khi ông từ trong áo mưa bước ra người ướt đẫm mồ hôi, chiếc áo sâm sấp nước.

Thực lòng mà nói, tôi không thích lão Vấn. Lão như thằng mật thám bám theo tôi mà theo dõi. Động cái là lão chửi, không như bố, lúc nào cũng nhẹ nhàng mặc dù ông rất nghiêm khắc với những việc tôi làm. Ghét lão nhưng tôi lại thấy lão gần gũi chứ không sợ. Những lần lão giúp bố nặn nhọt, băng bó vết thương, những hôm lão chửi ầm ầm bênh tôi khi có ai đó nói này nói nọ, nhất là những lúc lão phởn chí bảo chúng tôi ngồi quây trong vườn chuối để lão cắt tóc thì sao tôi thấy lão hiền thế, tốt thế. Ghét lão nhưng một ngày không nhìn thấy tôi cũng nhơ nhớ. Có một điều mà tôi không hiểu nổi, lão rất ngại bố tôi. Nhiều khi lão ngồi một mình bên bờ đầm uống rượu, thấy bố ra, lão giấu vội chiếc chai vào sau lưng áo. Bị bố phát hiện, lão ngửa cổ cười cười trông cứ tồi tội, chả khác gì bọn tôi bị bắt lỗi quả tang. Một đôi lần, khi bố nói lão cũng có ý định cự nự lại nhưng rồi thôi ngay, cun cút làm theo.

Thi thoảng vào các tối, hôm nào trời lặng gió, bố và tôi ra ngồi trên bờ đầm. Từ dưới đầm, tiếng cá đớp chân bèo tẹp tẹp. Giữa đầm, có con cá động hớn nhảy lũm tũm. Sau đấy là tiếng đớp nước uôm uổm. Bố bảo, những con cá lúc nào cũng luôn mồm lép nhép đớp chân bèo chỉ là loài cá nhỏ như mương, rô, giếc, cá cờ. Loài cá nhỏ, thịt không đáng làm mắm, chẳng mấy ai để ý nên lúc nào cũng thích đớp để ra điều có tôi ở đây. Vênh vang là thế nhưng động rạng một tý là chúng chuồn sạch, không mọc mũi sủi tăm. Bao giờ yên hàn lại vênh vang lép bép chân bèo. Tiếng đớp nước uôm uổm là bầy cá chuối. Loại này là cá ăn thịt. Chúng bơi rất nhanh và săn mồi cũng rất giỏi. Tối tối, bầy cóc nhái hay rủ nhau xuống đầm làm tình, những con cá chuối đã đón sẵn. Chỉ bằng một động tác lao mình từ dưới lên là chúng đã có thể tóm gọn những chú nhái đang say sưa giỡn nhau trên mặt nước. Tiếng rơi lũm tũm là bầy cá rói, cá trôi. Chúng nhảy tránh những cú lao mình của bầy chuối săn mồi và cũng có ý nói rằng, trên thế gian này còn có bầy loài như chúng tôi nữa. Loại cá này thường ăn ở tầng nước giữa. Còn một loại, lặng lẽ tầng đáy là những con cá trê, cá bò. Tầng đáy thường là loài cá da trơn. Loại này không mấy khi tự nổi lên tầng trên để ăn. Chúng cứ lặng lẽ săn mồi nơi hun hút bóng tối. Tuy chúng lặng lẽ thế nhưng giá trị dinh dưỡng và thịt của chúng ngon hơn những loại ăn nổi nhiều lần. Có một loại, vừa ăn tầng trên, vừa ở tầng giữa và cũng kiếm sống tầng đáy. Đó là những loài như trắm, chép, rô phi. Loài cá này tầng nào cũng có thể sống được. Bố bảo ở đời cũng thế.

Chiều nay, bố và lão Vấn rủ nhau ra đầm đánh cá. Cả một buổi chiều cá đánh được đầy ự mấy chiếc thúng. Đánh được đến đâu bố bán hết cho mấy người đi xe máy đến mua. Bố mang số tiền bán cá được giao cả cho lão Vấn. Bố vừa đưa tiền, lão Vấn dằn cái chén uống nước xuống mặt chõng.

- Anh khinh tôi vừa vừa thôi. Tôi cầm tiền đi mua quan tài à.

- Thì chú cũng phải nộp sản cho hợp tác xã chứ. Họ có cho chú thả không đâu.

- Tôi đếch trả. Tiền cho thuê đầm nộp cho họ cũng chưa đủ bữa tiếp khách. Tôi không trả cũng chả có thằng đếch nào dám đến hạch sách. Tôi đấu chứ anh đấu đâu mà sợ.

Nói đến đây lão chợt nhận ra có tôi liền thôi. Chắc bố cũng nghĩ như lão nên không nói thêm gì nữa. Lão đi lại góc lều lôi bình rượu ra uống. Khi lão nâng chiếc bình rót rượu ra bát, tôi để ý thấy tay trái của lão có ngón bị cụt. Phát hiện thấy tôi cứ nhìn chằm chằm vào bàn tay có ngón cụt, lão trợn mắt trộ.

- Nhìn, nhìn cái gì. Có lên chõng ngủ đi không? Người lớn nói chuyện ngồi đấy mà hóng hớt.

Tôi điên quá, lần tay xuống cạp quần lấy chiếc súng cao su, bí mật nhặt mấy viên sỏi giấu vào túi rồi ra khỏi lều. Mấy con chó ngồi chầu hẫu ngoài cửa chờ cho ăn. Tiếng dế ri ri kêu bên bờ đầm như tiếng màng ai thả trên cao. Tìm chỗ khuất gió tôi ngồi. Tự nhiên tôi lại nhớ mẹ. Phía xa xa kia, nơi có những vệt sáng vàng vọt có một lần bố bảo đó là tỉnh đấy. Nơi ấy có mẹ tôi đang ở.

5 - Sáng hôm sau, khi trời còn sớm, bố gọi tôi dậy bảo đi cùng lão Vấn lên tỉnh. Lão Vấn hôm nay ăn mặc rất bảnh chứ không như mọi ngày, bộ quần áo quân phục còn nguyên nếp gấp, đầu đội mũ cối, chân đi giầy đen, tóc gọn gàng chứ không bù xù rối mù hôi hôi mùi nước đầm. Bộ râu ria mọi ngày xồm xoàm được lão cạo sạch trông trẻ và trắng trẻo. Thấy tôi nhìn chăm chú, lão nháy nháy mắt rồi cười thật hiền.

Lão cứ thủng thẳng đạp, thi thoảng lại bấm chuông kêu leng keng. Vừa đạp xe, lão vừa nói chuyện, giọng không bẳn gắt, cắm cẳn như mọi ngày mà thân thiện và gần gũi. Lão kể những chuyện gỉ chuyện gì tôi nghe tiếng được tiếng mất, chả rõ, chỉ láng máng hình như lão đang kể những chuyện ngày bằng tuổi tôi thì phải. Những năm tháng tuổi thơ vất vả, nhọc nhằn và buồn tủi phải đi ở bên nhà ông chú vì cha mẹ lão mất sớm.

Lên đến tỉnh đã thấy cơ man nào là người, là xe. Tôi và lão Vấn như lạc lõng giữa dòng người sang trọng, sạch sẽ và thơm tho. Bám dọc theo hai bên đường là những căn nhà cao tầng cùng hàng hoá xếp đầy ních từ ngoài vào trong. Mải nhìn ngắm mà mấy lần tôi bị rơi cả mũ. Tôi ước gì bố và tôi có được ngôi nhà như thế để ở, không phải chui rúc trong căn lều ngoài đầm đêm đêm lũ chuột đuổi nhau lao cả qua người, mỗi khi có mưa lại phải bê xô, xếp chậu hứng giột, nghe tiếng rơi long bong cả đêm không tài nào ngủ được. Tôi chợt nghĩ, mẹ ở trên này sung sướng làm sao còn nhớ đến tôi nữa. Lão Vấn vẫn thường nói với tôi, con người gặp sướng hay quên, thấy buồn hay nhớ, thấy khổ hay nản, thấy nạn hay tránh. Tránh được buồn khổ ngày nào là người ta sung sướng ngày đó. Không biết mẹ tôi có như lão Vấn nói không?

Suốt cả buổi sáng tôi ngồi sau xe cùng lão Vấn đạp lòng vòng đi hết phố này đến phố khác. Thỉnh thoảng lão dừng xe, bảo tôi đứng trông để lão vào hỏi thăm. Chả biết lão hỏi gì nhưng ra là lão dục tôi lên xe nhanh nhanh rồi lại đạp đi. Trưa, lão Vấn dẫn tôi vào vườn hoa ngủ. Lão chỉ tôi cái ghế hoa, còn lão, ngả xe ra vệ cỏ, gối đầu lên bánh sau, rồi lấy khoá dây, ngoặc qua cổ, ngoắc vào khung, úp chiếc mũ lên mặt đã thấy ngáy. Tự nhiên tôi lại nhớ đến bố. Không biết bây giờ bố đang làm gì ngoài đầm. Ngoái đầu nhìn lão Vấn đang ngủ. Lão nằm ngủ mà chân co chân duỗi, chẳng khác gì người ta đang bước đi.

Khi tôi tỉnh lại đã thấy lão Vấn ngồi cạnh, tay cầm chiếc mũ phe phẩy quạt. Lão bảo ở lại trông xe rồi cắt đường đi sang ngôi nhà đối diện có hai cây dừa trước cửa, cánh cổng sắt sơn xanh chỉ để he hé một lối đi nhỏ cho người ra vào. Phía trên bờ tường, các dây leo bám kín vào các cọc rào. Trên ban công các tầng, các loại cây cảnh che gần kín hết mặt tiền. Phía trên cao, tấm biển hiệu được trang trí bắt mắt chạy dài suốt từ tầng ba xuống đến tầng hai. Đến trước cửa,

tôi để ý thấy lão Vấn ngập ngừng một lát rồi mới bước vào và mất hút sau bóng cây cảnh bầy biện bên ngoài.

Lão Vấn đi rồi, ngồi đợi ở ghế tự nhiên tôi thấy sợ. Có mấy thanh niên người gầy nhẳng, kẻ cắt tóc ngắn, người để tóc dài, buộc túm sau gáy, túm tụm bên gốc cây làm cái gì giấu giấu diếm diếm, mắt lấm la lấm lét. Khi qua chỗ tôi họ lượn lờ nhìn chằm chằm, đôi mắt tái dại.

Kỳ cạch dắt xe qua đường, tôi len lén dựng xe vào bên ngoài bờ rào phía sườn của ngôi nhà. Ghé mắt nhìn qua hàng cọc bê tông và các khóm cây. Lão Vấn ngồi bên chiếc bàn kê ở ngay dưới gốc cây dừa. Lão chờ ai mà ra dáng thấp thỏm, nhấp nha nhấp nhổm ngọ ngoạy trên ghế. Rồi có người đàn bà đi ra. Ôi, mẹ tôi. Bà mặc váy ngắn hở cả đùi. Chiếc áo cổ rộng trễ xuống ngang ngực. Tôi giơ tay dụi mắt. Đúng là mẹ tôi rồi, chỉ khác mắt mẹ kẻ xanh xanh, đo đỏ. Mẹ còn tô cả móng chân, móng tay. Trông mẹ vẫn trẻ như ngày trước và có phần còn xinh hơn, trắng trẻo, trưng diện. Tôi nhao người lên định chạy vào thì đầu va phải khung xe. Tôi như thế này liệu mẹ có nhận ra không. Tại sao lão Vấn vào gặp mẹ mà không cho tôi biết. Hay là lão cũng ngại vì tôi ăn mặc rách rưới và đen đúa, bẩn thỉu. Tôi lại nhớ những lần bố và tôi bị bệnh, mẹ lấy cây gậy khều khều quần áo rồi mang ra ao thả, cái hôm mẹ giặt bị nước bắn lên người bỏ chạy, ngã dúi ngã dụi vào bờ dậu dâm bụt. Tôi vào, mẹ lại bỏ chạy thì đến bao giờ mới được gặp. Thôi, tôi cứ nhìn mẹ qua hàng rào cũng được.

Vừa trông thấy lão Vấn mẹ tôi đã khóc. Lão Vấn cứ ngồi trên ghế để mẹ tôi khóc một lúc mới bảo. Giọng lão nhẹ nhàng chứ không gắt gỏng như mọi ngày.

- Cô chuyển chỗ để tôi phải tìm suốt từ sáng đến giờ. Thôi, khóc lóc cái gì. Cô làm đây còn con bé đâu?

Tôi không ngờ mẹ lại khổ đến thế. Ngồi ngoài nghe mà tôi thương mẹ vô cùng. Mẹ còn khổ hơn cả bố và tôi những ngày bị bệnh. Người chồng mới đã bỏ vì mẹ không sinh cho ông ta con trai. Ông ta cũng không cho mẹ được nuôi con vì mẹ không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Vì mẹ bỏ bố và tôi đi do bệnh tật nên cũng không dám về quê sợ làng xóm chê cười. Mẹ phải đi làm trong nhà hàng, khách sạn để kiếm sống. Mẹ bảo cũng muốn về nhưng vì đã trót nhúng tay vào chàm rồi. Mẹ sợ mọi người trong xóm ngoài làng biết chuyện thì lại càng thêm khổ. Mẹ không muốn bố và tôi khổ thêm nữa. Mẹ bảo lão Vấn đừng nói chuyện này cho bố và tôi biết. Từng câu mẹ nói có tiếng nấc ằng ặng nước xen vào ngắt quãng.

Lão Vấn ngồi nghe nét mặt nhăn lại, đỏ như người đi nắng. Bàn tay của lão nắm lấy chỗ tay vịn ghế. Mẹ tôi nói xong một lúc sau lão mới lên tiếng, từng câu rành rọt, dứt khoát, sắc như dao. Giọng lão nghe chẳng khác gì hôm bênh tôi, chửi bọn nhóc và người xóm trong lần đi mua dầu trên cầu vào làng.

- Cô về. Theo tôi về ngay hôm nay. Về.

- Em về thì ở đâu bây giờ

Tiếng mẹ nhoè trong tiếng nấc

- Nhà không có, gia đình thì không. Ai chứa em. Đến lúc ấy em còn biết đi đâu.

- Về nhà cô chứ về đâu. Tiền mua nhà ngày ấy là tiền của tôi. Hai người không ở được với nhau, tôi phải bỏ tiền nhờ người khác mua, để giữ lại. Bây giờ cô về, dọn về đấy mà ở, đưa cả bố con nó về ở nữa là xong. Tôi lấy lại cái lều ngoài đầm. Nhà tôi, tôi ở, không phải trông nhà

cho cô nữa - Giọng lão nhấm nhẳng, cáu gắt như mọi ngày. Những lúc như thế này là lão hay nổi xung lắm.

Sợ lão ra thấy tôi nấp bên ngoài nghe lại nổi cáu, thậm chí cho cái bạt tai cũng chưa biết chừng, tôi len lén dắt xe về chỗ cũ, ngồi xuống ghế đá, giả vờ thiu thiu ngủ. Một lát sau tôi nghe tiếng chân bậm bịch đi ra, tiếng lão nói lủng bủng cái gì đó. Gần như lão giằng cái xe, lôi xềnh xệch nó đi, ghệ mông lên yên không ngoái đầu lại, giọng gắt gỏng như ra lệnh.

- Lên. Đúng là đồ ngu.

Chắc lão cáu điều gì đấy, tôi nem nép ngồi lên xe. Khi tôi ngồi xong lão quay lại nói nhỏ nhẹ, cứ như không có chuyện gì xảy ra.

- Bây giờ chú cháu ta đi mua đồ rồi về. Vào cửa hàng thích mua gì thì nói, đừng ngại. Thích gì chú mua cho cái đó.

Tối sầm tối sà tôi và lão mới về đến lều. Căn lều không thắp đèn nhờ nhờ sáng do không gian của đầm, của đồng và chút ánh sáng yếu ớt rớt xuống qua lỗ chái. Bố tôi không biết đi đâu, căn lều vốn đã trống trải, không có người nó càng lạnh lẽo. Đẩy xe vào trong, lão Vấn sai tôi đi lấy cây đuốc rồi cùng lão chạy ra ngoài.

Bố tôi người bê bết máu, nằm vắt ngang người trên bờ đầm, những cái sẹo do các lần nhọt bầm đỏ hở tô hô trong chỗ áo rách. Bốn xung quanh chỗ nằm, bùn đất, cỏ rác, bèo tây và những cành chà rào ngổn ngang. Lão Vấn không hỏi, lặng lẽ bế xốc bố lên mang về lều. Tôi lập cập cầm đuốc chạy theo sau. Trong khi lão Vấn và tôi đi tỉnh, chập tối có một toán người mang lưới đến đánh cá ở đầm. Bố tôi ra nói và thế là họ xúm vào, kẻ dùng gậy, người dùng dây thừng đánh. Họ là ai bố tôi không nói. Lão Vấn cật vấn thế nào bố cũng lắc đầu. Băng bó, lau chùi vết thương cho bố tôi xong, lão Vấn rầm rầm đi vào làng.

6 - Bố tôi lại phát bệnh. Các mụn bọc lần này xem ra to hơn các lần trước. Chiếc áo bố mặc cộc tớn, vạt buông cách người bung biêng, sổ xủ xuê. Trông bố không khác gì người dị dạng, u đằng trước, ùng đằng sau. Mỗi bước đi người ông xô lệch, nhúc nhắc từng bước một. Nhìn nét mặt nhăn nhó tôi đoán, chắc bố đau lắm. Những ngày đầu, mụn bọc còn nhỏ có thể mặc áo, sau nó to quá khổ, bố đành phải đánh trần, khoác bên ngoài tấm vải màn che bụi và ruồi. Những mụn bọc lần này không như những lần trước. Trông chúng đo đỏ, hồng hồng, tim tím, xam xám. Khi bố bảo tôi sờ xem chúng đã làm mủ mềm chưa hay vẫn còn cứng. Tôi có cảm giác các bọc máu, mủ bên trong đang chạy xoắn vòng tròn như xoáy nước chỗ lỗ thoát cống những hôm có mưa. Khắp người chỗ nào cũng mụn nên bố không thể nằm mà chỉ có thể ngồi, hai bờ vai tựa vào vách đỏ lên, cứng lại, đóng chai rồi bong ra như vẩy cá. Hôm mụ buôn cá ra đầm, biết thế, không nói xoe xoé mà nhễu ra, nét mặt ươn ươn như cá chết, chả biết là thương, là tiếc hay chia sẻ.'

Từ hôm bố phát bệnh, ngày nào lão Vấn cũng qua, tờ mờ sáng đã thấy đến cổng quát tháo, chửi mắng bầy chó nhặng xị. Qua mấy hôm, chắc bầy chó đã quen mặt lão nên không sủa ầm ĩ mà chỉ gậm gừ ra điều nhà có chủ. Lão đến lo cơm nước, giặt giũ, thu dọn căn lều không khác gì bố tôi vẫn làm. Hết việc, lão lại vào ngồi nói chuyện với bố những gì tôi nghe chả hiểu. Trong các câu chuyện, họ hay nhắc đến vùng đất có tên A Sầu, A Lưới nào đấy. Tôi đoán hai người nói về một nơi nào xa lắm, nơi ấy chắc lão Vấn và bố ngày xưa đã từng ở những năm quân ngũ. Thỉnh thoảng họ lại nhắc đến tên một ai đó, lạ hoắc. Hết chuyện, bố và lão Vấn ngồi mồi thuốc lào cho nhau cùng hút ra chiều rất thân thiện.

Các nhọt bọc ngày càng ngày to ra và òng ọng nước. Chắc bố mệt lắm, tiếng thở nặng nhọc. Sau khi để lão Vấn dùng dao chích các nhọt bọc và làm vệ sinh xong, bố hẩy hẩy tay ra ý bảo tôi và lão Vấn ra ngoài. Lão Vấn cầm tay lôi tôi ra bờ đầm. Gió hiu hiu thổi. Những tàu lá chuối cong ưỡn ẹo đan vào nhau che kín mặt đất. Tự nhiên tôi đưa tay xuống cạp quần rút chiếc súng cao su. Lão Vấn đưa tay cầm lấy, nhặt viên sỏi, đặt vào miếng da làm kẹp đạn và kéo. Tạch. Chiu. Viên sỏi bay bắn rụng luôn đầu con chuồn chuồn ngô đang đậu trên ngọn cành rào rấp chống trộm dưới đầm. Trả súng lại cho tôi, lão nói.

- Tiên sư anh. Anh định hạ gục tôi chứ gì.

Quàng tay qua vai, lão vỗ nhè nhẹ bảo tôi.

- Tổ đầm của chúng ta bây giờ lại vẫn có ba người. Hai đồng chí bố và một đồng chí con cùng cây súng cao su. Cuộc chiến của chúng ta bây giờ là đầm cá và các nhọt bọc.

Nói xong lão cười khà khà, các nếp nhăn trên trán co dúm lại. Đớp dưới chân đám bèo sen ven bờ đầm vẫn là mấy con cá lẹp nghe lép nha lép nhép. Giữa đầm, bầy cá chép, cá mè, cá trôi nổi thành từng đàn hớp hớp. Thi thoảng chúng lại động hớn nhảy vọt lên rồi rơi xuống lũm tũm. Góc xa phía cuối đầm, tiếng đớp uôm uổm của bầy cá trắm phàm ăn tranh nhau. Từ dưới lòng sâu, những vệt tăm nhỏ ly ti kéo dài nổi lên trên mặt nước. Lão Vấn đứng lên, bảo về thu dọn che chắn lều. Hôm nay trở trời, oi thế này và cá nổi lên nhiều thế kia, đêm thế nào cũng có mưa rào to. Khi tôi và lão Vấn vào trong lều thì hai tay bố tôi đã buông xõng xuống đất. Lão Vấn nhào đến lay, gọi. Lão phủ phục xuống bên chõng, nước mắt lã chã rơi ướt cả ngực áo của bố. Bố ơi! Sao bố lại bắt con ra ngoài lều rồi chết. Không còn bố con biết sống với ai. Tôi gào lên, mặc lão Vấn ra rả nói bên tai.

Cơn mưa tầm tã ba ngày liền. Nước ngập mênh mông. Những đụn rạ nổi lều bều, gió đánh giạt vào thành từng mảng bám dọc theo bờ đường ra đầm. Tiếng gió hun hút luồn qua các ống tre gác mái lều, nâng tấm giấy dầu lạch phạch. Trong góc lều, hai chiếc thùng gánh nước lục cục tiếng ếch nhảy. Kế đó là chiếc rổ đựng cá rô. Tiếng mang cá róc vào các nan rổ lách nhách cùng tiếng đập đuôi lép nhép. Mặt đầm trông sáng, trong và sạch sẽ.Tôi nhìn về phía con đường dẫn ra đầm. Lão Vấn quần xắn móng lợn đang lội bì bõm. Không có lão ở cùng, một mình trong lều tôi cứ thấy dờn dợn. Từ xa, lão đã nói ầm ầm.

- Về, về ngay. Về mà dọn nhà.

- Dọn nhà?

Tim tôi đập thình thịch.

- Phải.

Lão Vấn nhìn tôi, mắt sáng lấp lánh. Tôi nhảy lên ôm lấy cổ lão. Trời ơi, lão Vấn yêu quý của tôi. Sao hôm nay người lão, cổ lão, đầu tóc lão lại thơm thế, chả thấy hôi hám gì cả.

Lão nhệch miệng ra cười nhưng mắt lại rơm rớm./.
***

Người dưng

Người dưng đi nhớ người dưng
Ô hay! Đâu phải của mình. Lạ chưa
Vô duyên nhớ nắng, thương mưa
Tương tư cả cánh buồm trưa mua sầu
Tơ hồng cứ cuốn lấy nhau
Trời xanh sao chẳng phai màu vì ai
Tại đất rộng, bởi sông dài
Để người dưng cứ nhớ hoài người dưng
Nhủ lòng muối mặn chưa từng
Mà sao nhớ lạ nhớ lùng. Hỡi ai

Người đi phía ấy lệch ngày
Để tôi ở lại phía này lệch đêm.

(Phạm Thanh Khương)

Có thể

Có thể anh sẽ mất em
nhưng anh tin
trái tim không thể mất
khi trái mùa
trao đắng đót cho nhau

Có thể rồi một ngày không xa
sắc lá không còn xanh
thân cây hết mỡ màng
thì lúc đó
trái tim em cho rừng kia phì nhiêu

Có thể trong một phút cuộc đời
trái tim lầm đường lạc lối
nhưng anh tin
nơi căn hầm cho anh trở lại
từ trái tim bao dung của em

Có thể vào giây chỉ còn bóng đêm
sự cô đơn của bão
và chỉ em thôi người sẽ đồng hành
đưa anh trở về với bình minh
cùng trái tim rớm máu...

Trên tất cả những điều có thể
ở phía cuối con đường
anh vẫn có em
đón đợi
dù khi trở về chẳng còn vẹn nguyên./.

(Phạm Thanh Khương)